

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYỄN THUYẾT
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Quang cảnh phái đoàn PGVN cử hành nghi thức phục hồi Tăng tướng
cho 7 vị chư Tăng Campuchia vào năm 1979

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Cổ Trưởng lão HT Thích Thanh Tứ - Tuệ Khương
- Tăng cường quan hệ - Theo CPV
- Ba lần gặp được cụ Hồ - HT Thích Đôn Hậu

2. KINH TẠNG

- Kinh Khu rừng - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Luật giới bốn - Đức Hòa

4. THIỀN HỌC

- Thiền Định là gì? - Hoàng Phong

5. LUẬN TẠNG

- Lộ trình sắc Pháp - TK. Pasādo

6. VĂN HÓA

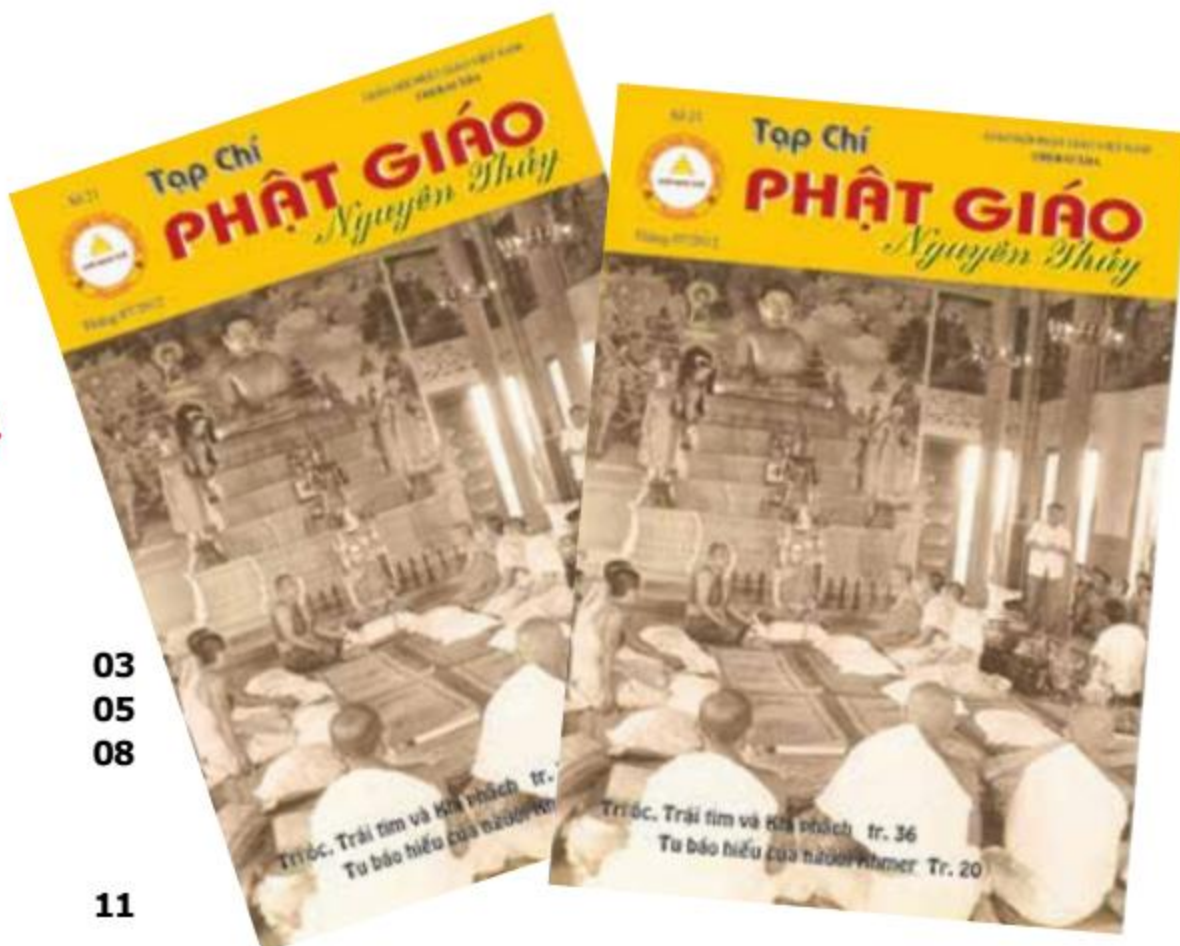
- Tu báo hiếu của người Khmer - Mễ Thuận
- Các nhà chiêm bái - Hoa Cúc
- 5 nơi con người sống thọ - Hưng, Hoàng Cúc
- Sự khác biệt giữa - TTTS. Bửu Chánh

7. ĐỐI THOẠI

- Phỏng vấn HT Đào Như - PV Quang Duyên

8. SUY NGẪM

- Bài học về sự tự thay đổi - Trần Minh Trọng



03
05
08

11

9. VĂN THƠ

- 12 - Tắm gương yêu nước của 4 nhà sư - TT. Danh Lung 33
- Trí óc, trái tim và - Nguyễn Mạnh Hùng 36
- Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí - TTTS. Giác Dũng 37
- 14 - Sáu phép lục hòa - Thích Nguyên An 41
- Thầy là xứ giả Như Lai - Mai Xuân Hiên 41

17 10. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Quá trình phục hoạt giáo đoàn TK ni - Trần Như Mai 42

20 11. VĂN HỌC PĀLI

- 22 - PG và truyền thống Chú giải - Nguyễn Cửu Long 44

25

28 12. CHÙA THÁP

- Borobudur ngôi chùa Phật giáo - Văn Công Hưng 48

30 13. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- 4 cách bảo vệ mắt - BS Nguyễn Ý Đức 49

32 14. THEO DÒNG

50





Cố Trưởng lão Hòa thượng **THÍCH THANH TỬ**

[1927 – 2011]

Trọn đời tận tụy phụng sự Đạo pháp và Dân tộc

Tuệ Khương

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Nhận được Thông báo của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam sao gửi) mời viết bài tham gia Hội thảo và sưu tầm tư liệu hoàn thành kỷ yếu cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ, để thiết thực phục vụ Đại lễ tiểu tưởng cố Trưởng lão do Trung ương GHPGVN tổ chức long trọng vào dịp tháng mười năm Nhâm Thìn (2012) sắp tới, huynh đệ trong giới nghiên cứu Ban Phật giáo Việt Nam chúng tôi không khỏi bồi hồi nhớ tiếc về những kỷ niệm trong các dịp đã được diện kiến, tham vấn Hòa thượng tại các cuộc Hội thảo, Đại lễ kỷ niệm của Phật giáo, của Quốc gia Quốc tế. Ấn tượng chung sâu sắc nhất về cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ là hình ảnh một bậc tu hành thuần thành, rất đôn hậu khiêm cung, mà cũng rất giản dị gần gũi; luôn tâm niệm những điều tốt lành nhất cho Dân cho Nước, luôn vun đắp cho sự đoàn kết, hòa hợp, tinh tấn của cả Đạo và Đời, theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”, để cùng phấn đấu cho mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh”.

Tôi nhớ lại, trước khi Ngài viên tịch không lâu, trong bài trả lời phỏng vấn đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 1 ngày 15/01/2010; Khi được hỏi:

“Đọc lịch sử cách mạng nhà tù Hỏa Lò, tôi thấy có một nét tương đồng giữa Hòa thượng Thích Thanh Tứ với cố Đại tướng Văn Tiến Dũng: Hai người thời trẻ đã từng xuống tóc đi tu, cùng tham gia cách mạng, cùng bị bắt và giam cầm tại nhà tù Hỏa Lò, tuy ở hai thời kỳ khác nhau. Nhưng sau này, một người trở thành Đại tướng của Quân đội Anh hùng, một người lại tiếp tục đi theo con đường tu hành. Có bao giờ Hòa thượng nghĩ lại và hối tiếc, vì biết đâu, nếu theo con đường binh nghiệp, chàng

thanh niên Trần Văn Long rất có thể trở thành một vị tướng oai phong trong quân đội?

* “Trước khi trả lời câu hỏi này, tôi xin đọc bài thơ sau, cũng để khắc họa và lý giải về cuộc đời tu hành và tham gia cách mạng của tôi:

*Thấy đời đau khổ phải đi tu
Vì nước vì dân phải đi tù
Thân tuy đau khổ lòng không nản
Yêu đạo, yêu đời quyết lại tu.*

“Thấy đời đau khổ phải đi tu”, ở đây, cần hiểu theo nghĩa rộng là đời sống của đồng bào ta nói chung, dưới ách đô hộ của thực dân phong kiến, chứ không riêng gì cá nhân tôi. Nhưng khi có cách mạng đưa đường chỉ lối, để chung tay giải thoát cho dân, tôi đã tham gia cách mạng. Việc tham gia cách mạng như là một “giải pháp tình thế”, và khi đã giải quyết được rồi, cách mạng thành công rồi, thì tôi lại trở lại con đường tu hành, bởi tôi rất yêu đạo, yêu đời...”

“Tu hành đã trở thành một cái duyên, cái nghiệp, cũng là hoài bão của tôi trong cuộc sống. Vì vậy, nếu cho tôi lựa chọn lại, Tôi cũng sẽ lựa chọn con đường tu hành chứ không hề phân vân hay nuôi tiếc gì...”

Đoạn trả lời phỏng vấn trên đã thể hiện khá đầy đủ, sâu sắc về lý tưởng, động cơ và quyết tâm không thoái chuyển trong cuộc đời tu hành của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ. Về thân thế, sự nghiệp hoạt động cách mạng và công đức tu hành, hoằng dương Phật Pháp của Ngài, đã được



Hòa thượng Thích Thanh Tứ đang phát biểu trong buổi lễ trao 1000 xuất quà từ thiện cho các gia đình nghèo nhân dịp Tết Canh Dần 2010 tại chùa Quán Sứ - Hà Nội, do Công ty CPĐT Hưng Phúc kết hợp với Giáo hội Phật giáo (GHPG) Việt Nam tổ chức



Hòa thượng Thích Thanh Tứ khai ấn, Ấn thiêng Yên Tử



Lễ tang cố HT. Thích Thanh Tứ

Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giới thiệu, công bố nhiều lần qua các dịp suy cử vào các chức vị cao cấp của Giáo hội, Quốc hội, Mặt trận và đặc biệt là trong dịp lễ tang Ngài, "Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ (1927-2011)" đã được công bố tán thán rất trân trọng và toàn diện. Trong bài tường niệm này, người viết xin phép chỉ đề cập đến một số ấn tượng sâu sắc nhất về Ngài.

* Với nhiều cương vị lãnh đạo các cấp trong Đạo ngoài Đời, là:

- Thành viên Hội đồng Chứng minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN; Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Phó Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn Tôn giáo.

- Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI-XII; Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội người Cao tuổi Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam; Phó Chủ tịch hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản; Chủ tịch Ban Chấp hành họ Trần Việt Nam.

- Chứng minh đạo sư Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh Quảng Ninh, Thái Nguyên. Nguyên Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo các tỉnh Hưng Yên, Hải Hưng, Quảng Ninh, Hà Nam.. từ những ngày mới thành lập.

- Viện chủ Tùng Lâm tổ đình chùa Quán Sứ - Nơi đặt Trụ sở của Trung ương GHPG Việt Nam và các chùa Châu Long, chùa Thọ Cầu thuộc thành phố Hà Nội; Viện chủ Tổ đình Chùa Bái Đính của cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình và các Tổ đình chùa Nho Lâm, chùa Bình Kiều tỉnh Hưng Yên.

Quá trình trải nghiệm tu hành qua nhiều giai đoạn khó khăn, thăng trầm của đất nước, và riêng của Phật giáo miền Bắc những năm 50-70 ở Thế kỷ trước; đã từng đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo từ cơ sở, các Tỉnh hội, các Viện Nghiên cứu, Học viện, nhà trường Phật giáo, đến Cơ quan Trung ương của GHPGVN; từ cương vị Chánh văn phòng, Phó Tổng thư ký, đến Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự - Thành viên Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài đã có nhiều cống hiến quan trọng đối với Đạo pháp - Dân tộc, đặc biệt là trong việc duy trì mạng mạch tu hành cho Tăng ni, Phật tử, từng bước phục hồi, củng cố các hoạt động Phật sự của Phật giáo các tỉnh ở miền Bắc từ sau hòa bình được lập lại năm 1954.

* Trước tiên là chăm lo Phật sự ngay tại quê nhà. Từ 1955-1973: Ngài dành tâm huyết khôi phục các hoạt động Phật sự tại các chùa Đồng Long, Nho Lâm, Phó Nham, tham gia thành lập Tùng Lâm Phật giáo tỉnh Hưng Yên, được suy cử làm Chánh Thư ký. Khi hai tỉnh Hải Dương, Hưng Yên (xem tiếp trang 43)



Tăng cường quan hệ hữu nghị Việt Nam - Campuchia

Theo CPV

Nhân kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Campuchia (24/6/1967-24/6/2012) và năm hữu nghị Việt Nam - Campuchia, phóng viên Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam đã có cuộc phỏng vấn ông Vũ Mão - nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội, Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia.

Phóng viên (PV): Với cương vị là Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia, ông đánh giá thế nào về mối quan hệ giữa hai nước, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại giao nhân dân?

Ông Vũ Mão: Trong thời gian qua, quan hệ giữa hai nước tiếp tục được củng cố và phát triển trên tinh thần cơ bản đã được xác lập từ sau khi Việt Nam giúp đỡ Campuchia giải phóng đất nước, thoát khỏi nạn diệt chủng Pôn pốt. Để có được chiến thắng đó phải đánh đổi bằng sự hy sinh to

lớn của quân tình nguyện Việt Nam. Sự hy sinh đó đã để lại trong lòng nhân dân Campuchia những tình cảm sâu nặng, lòng biết ơn sâu sắc và mãi cho đến ngày hôm nay, mỗi lần có dịp gặp gỡ các vị lãnh đạo Campuchia, từ Cựu quốc vương Norodom Sihanouk và Quốc vương Norodom Sihamoni đến các vị lãnh đạo Đảng Nhân dân Campuchia, Chính phủ Campuchia đều nhắc tới những kỷ niệm, ký ức sâu sắc về sự giúp đỡ có hiệu quả và chân thành nhất của Việt Nam, giúp làm hồi sinh lại đất nước và nhân dân Campuchia.

Trong những năm qua, mối quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia đã có những bước phát triển trên nhiều lĩnh vực và ngoại giao nhân dân cũng nằm trong sự phát triển tổng thể đó. Có lần tại Hà Nội, tôi đã có dịp gặp Thủ tướng Hun sen trong chuyến thăm chính thức Việt Nam. Ông đánh giá cao công tác ngoại giao nhân dân. Ông ví như ngoại giao Nhà nước đặt trên một cái bàn chính thức, hai bên trao đổi với nhau và có thể cùng nhau tranh luận trong quá trình đàm phán, có khi rất gay gắt để đi đến những hiệp định cần thiết vì lợi ích của mỗi dân tộc. Còn ngoại giao nhân dân được ví như hai cánh tay vòng xuống dưới cái bàn và xiết chặt lấy nhau như lời hứa là quan hệ nhân dân luôn phải tốt đẹp. Theo tôi, Thủ tướng Hun sen nói về

câu chuyện này và dùng hình ảnh so sánh để nhấn mạnh rằng, quan hệ nhân dân giữa hai nước là vô cùng quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại giao nhân dân giữa hai nước, Chính phủ Campuchia đã quyết định thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tại tất cả các tỉnh, thành phố và chỉ định các ngài Tỉnh trưởng đảm nhiệm vai trò là Chủ tịch Hội. Điều đó khẳng định vị thế quan trọng của Hội trong việc thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Ngoài ra, Thủ tướng Hun Sen đề nghị các tỉnh của Campuchia kết nghĩa với các tỉnh của Việt Nam theo truyền thống từ nhiều năm qua. Vấn đề này đã được chúng tôi báo cáo với các cấp lãnh đạo và mong muốn nhận được sự ủng hộ và tạo điều kiện cho chủ trương này được sớm thực hiện, vì nếu làm được điều đó sẽ rất tốt cho các tỉnh nước bạn cũng như các tỉnh của Việt Nam.

PV: *Được biết, ông đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia gần 30 năm và là người giữ vai trò Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam với các nước lân cận. Ông có thể chia sẻ một số cảm nhận của mình trên cương vị công tác này?*

Ông Vũ Mão: Tôi được phân công giữ chức Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia từ năm 1983. Thời điểm đó tôi là Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tôi được các đồng chí: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng gặp gỡ trao đổi và phân công làm Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia thay ông Phan Trọng Tuệ. Sở dĩ các đồng chí lãnh đạo giao nhiệm vụ cho tôi với một lý do: Quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam - Campuchia thông qua ngoại giao nhân dân là vô cùng quan trọng; đồng thời, thông qua các hoạt động của Đoàn thanh niên tạo cho tuổi trẻ hai nước có điều kiện phát huy và giữ gìn quan hệ truyền thống hữu nghị này. Khi được phân tích về mục đích công việc, tôi rất vui khi được giao trọng trách này và từ đó cho đến nay, tôi luôn tự xác định, hết lòng vun đắp cho mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

PV: *Ông có thể cho biết một số những chương trình, hoạt động của Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia đã và đang được triển khai trong thời gian qua?*

Ông Vũ Mão: Trong thời gian qua, với chức năng là một tổ chức Chính trị - Xã hội, hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia đã tập trung triển khai nhiều hoạt động ngoại giao nhằm thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Trong đó, Hội đã

xác định và tập trung vào một số hoạt động sau:

Thứ nhất, Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia là một tổ chức Chính trị - Xã hội nên các hoạt động của Hội phải căn cứ vào những chương trình, những kế hoạch của hai nước trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, quốc phòng - an ninh. Bên cạnh đó, chúng tôi còn đôn đốc, thúc đẩy, thậm chí còn giám sát và phản ánh những cơ quan nào thực hiện tốt và chưa tốt. Đây là một việc làm hết sức cần thiết và có tác dụng thực sự. Nhiều ý kiến của chúng tôi đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước lắng nghe.

Thứ hai, tổ chức cho các đoàn doanh nghiệp Việt Nam sang thăm Campuchia. Đây là cơ hội tốt để trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội thảo và tăng cường thúc đẩy giao thương giữa doanh nghiệp hai nước.

Thứ ba, tổ chức hoạt động hữu nghị cho nhân dân các tỉnh biên giới hai nước. Đặc biệt, là những lúc khó khăn do thiên tai lũ lụt, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi. Chúng ta sẵn sàng đón tiếp các bệnh nhân của bạn sang khám, chữa bệnh. Phần lớn ta không thu viện phí, có trường hợp nghèo khó, ta còn hỗ trợ tiền tàu xe về nhà... Các việc làm đó có tác động rất lớn trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước.

Thứ tư, hàng năm, phối hợp với phía bạn tổ chức các hoạt động trao đổi đoàn, giao lưu văn hóa văn nghệ; tổ chức các đợt sáng tác và xuất bản các ấn phẩm văn, thơ, nhạc, họa...

PV: *Được biết, trong năm vừa qua, Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia còn triển khai một số sáng kiến thiết thực, góp phần thúc đẩy hoạt động hữu nghị giữa hai nước. Vậy xin ông cho biết cụ thể về những hoạt động đó?*

Ông Vũ Mão: Đúng vậy, ngoài những hoạt động có tính truyền thống, được tổ chức đều đặn hàng năm thì trong 2 năm trở lại đây, chúng tôi đã có những sáng kiến được triển khai thiết thực, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Chúng tôi thường xuyên quan tâm và chăm lo cho những chiến sĩ quân tình nguyện của Việt Nam trở về hiện đang gặp hoàn cảnh khó khăn. Hội tổ chức quyên góp để ủng hộ cho gia đình các đồng chí đó một khoản tiền nhất định để sửa chữa nhà cửa, giải quyết những khó khăn trong cuộc sống. Đầu năm 2011, chúng tôi hỗ trợ được 20 suất trợ cấp khó khăn và trung bình mỗi suất từ 15 đến 20 triệu đồng. Đầu năm 2012, chúng tôi lại tiếp tục hỗ trợ cho 30 trường hợp nữa. Việc làm này tuy nhỏ nhưng rất có ý nghĩa, thăm đăm tình người và thể



HT. Thích Thiện Tâm cùng đoàn đại biểu Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia do ông Vũ Mão, Chủ tịch Hội làm Trưởng đoàn trong chuyến thăm và làm việc tại Campuchia vào tháng 11/2011

hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn.

Chúng tôi quan tâm tới hoàn cảnh điều kiện sinh hoạt, học tập của lưu học sinh Campuchia ở Việt Nam. Số lượng lưu học sinh Campuchia sang Việt Nam học tập rất đông. Riêng Đại học Y Thái Bình đã có gần 250 em. Với trách nhiệm đối với lưu học sinh, các bộ, ngành ở Việt Nam đã có chính sách hỗ trợ về đời sống cũng như học bổng cho các em. Song hiện do hàng hóa biến động, tỷ giá thay đổi nên mức sinh hoạt của các em thấp, khó khăn, nhà trường không đủ điều kiện trang bị các trang thiết bị cho các em. Theo phản ánh của các em là mùa đông lạnh giá mà không nước nóng nên Hội đã quyên góp được hơn 200 triệu đồng, tặng cho trường để mua 90 bình nóng lạnh phục vụ cho các em. Việc làm này đã gây được tiếng vang và được phía bạn cảm phục.

Một nét mới nữa mà duy nhất có Hội Việt Nam - Campuchia đã và đang làm. Đó là tổ chức đỡ đầu cho các lưu học sinh Campuchia. Tại Hà Nội hiện đã có 49 lưu học sinh Campuchia được các gia đình đỡ đầu. Việc làm này nhằm bù đắp cho các em những thiếu thốn về tình cảm và phần nào về vật chất trong thời gian học tập tại Việt Nam. Những kỷ

niệm này thật là khó phai. Sau này, khi trở về nước, các em chính là những hạt nhân để xây dựng mối quan hệ hữu nghị truyền thống của hai dân tộc.

PV: Năm 2012 là năm hữu nghị Việt Nam - Campuchia. Vậy Hội đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể gì để kỷ niệm sự kiện quan trọng này, thưa ông?

Ông Vũ Mão: Năm 2012 là năm Hữu nghị Việt Nam - Campuchia, Hội đã và sẽ triển khai một số hoạt động như: Tham gia Lễ kỷ niệm ngày 7/1 vừa qua, ngày mà quân tình nguyện Việt Nam giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng do chế độ Pôn Pốt - Iêng Xari gây ra; tích cực chuẩn bị các hoạt động hướng tới lễ kỷ niệm dự kiến sẽ tổ chức vào ngày 24/6; tổ chức cuộc gặp gỡ hữu nghị giữa nhân dân hai nước được tổ chức ở Việt Nam; ra mắt đặc san về tình hữu nghị Việt Nam - Campuchia trong năm nay, trong đó tuyển chọn những bài thơ, bản nhạc và truyện ngắn nói về tình hữu nghị Việt Nam - Campuchia để cung cấp cho các địa phương và các cá nhân muốn tìm hiểu về Campuchia; làm đĩa DVD về những bài hát nói về tình hữu nghị giữa Việt Nam - Campuchia...

PV: Xin trân trọng cảm ơn ông! ■

Ba lần gặp được Cụ Hồ

HT. Thích Đôn Hậu

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt nhất, đường mòn Hồ Chí Minh được định nghĩa như một chuỗi các "túi bom" kết lại với nhau. Vì vậy, ít người hiểu được vì sao với tuổi già, sức yếu như tôi mà có thể đi trên con đường đó hàng tháng trời không chút sợ sệt để ra thăm miền Bắc. Lúc đó, chính tôi cũng không hiểu hết được.

Khi ra đến thủ đô Hà Nội, các vị trong Ủy ban Thống nhất đến thăm và hỏi:

- Vượt qua trăm ngàn khó khăn ra đây, giờ các vị có điều gì mong muốn nhất?

Câu hỏi đến với chúng tôi hết sức bất ngờ, chúng tôi không có thì giờ để hội ý thống nhất với nhau "nguyện vọng" nhưng không biết sao, tất cả đều đáp:

- Mong muốn nhất của chúng tôi là được yết kiến Hồ Chủ tịch!

Sau đó, tôi có cơ duyên được gặp Người đến ba lần và một lần vô thăm quê Người ở làng Sen (Nghệ An).

Lần gặp Người đầu tiên khi một bộ phận của Liên minh chúng tôi vừa đến Hà Nội. Chúng tôi đến Phủ Chủ tịch để chào Người. Chưa bao giờ được gặp Người nên tôi không tưởng tượng được khung cảnh đón tiếp của Người dành cho chúng tôi. Lòng tôi hồi hộp trông chờ, lúc chúng tôi bước xuống xe thấy một ông lão tóc bạc phơ, mặc bộ bà ba lụa đang đứng đợi trước nhà khách của Bác. Một vị trong đoàn chúng tôi đoán được, xúc động kêu lên:

- Bác kia rồi!

Nhận ra Người, chúng tôi hết sức mừng rỡ, người nhẹ nhõm, chúng tôi bước về phía Người. Người tặng hoa và ôm hôn từng người trong đoàn chúng tôi. Chúng tôi phát biểu niềm sung sướng được đến thăm Người.

Bằng giọng Nghệ An pha Bắc, Người hỏi thăm sức khỏe từng người, những vất vả và thử thách trên đường đi và việc sắp xếp chỗ ăn, ở của "đoàn Huế" tại Hà Nội ra sao. Tiếp đó, Người nói đến lịch sử yêu nước của Phật giáo Việt Nam.

Lần gặp gỡ thứ hai nhân ngày Tết năm 1969, chúng tôi vào gặp Người lúc 10 giờ 15 phút (ngày 14/2/1969). Thay mặt cho Mặt trận Liên minh, tôi



Chân dung cố HT. Thích Đôn Hậu

chúc thọ Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng, Chính phủ, chúc kháng chiến sớm thành công để "đồng bào miền Nam được đón Bác vào thăm". Chúng tôi cảm ơn Hồ Chủ tịch, cảm ơn Trung ương Đảng và mười bảy triệu đồng bào miền Bắc đã quan tâm chăm sóc chúng tôi hết sức tận tình. Chúng tôi hứa đem hết sức mình ra phục vụ cách mạng. Tiếp đó, chúng tôi được nghe Hồ Chủ tịch, các vị lãnh đạo nói lên quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta. Đồng thời, chúng tôi cũng được các vị nói về truyền thống đấu tranh chống quân xâm lược của dân tộc ta, tinh thần dân chủ của văn hóa Việt Nam khác với các nền văn hóa của các nước mà chúng ta chịu ảnh hưởng trước đây. Lần gặp gỡ này bà Nguyễn Đình Chi có làm biểu Người một khay mút Huế và để cho Người ngồi lâu khỏi mệt, nhiều vị trong đoàn chúng tôi hát hội, ca Huế cho Người nghe. Chúng tôi ra về lúc 14 giờ 15 phút.

Lần gặp Hồ Chủ tịch cuối cùng diễn ra tại số nhà 69 đường Nguyễn Du, nhà riêng của chúng tôi tại Hà Nội. Người đến lúc 15 giờ 45 phút. Hôm ấy, (ngày 23/6/1969) Hồ Chủ tịch mặc bộ đại cán màu ghi nhạt, đội mũ cát, chân đi dép cao su, tất trắng, tay chống gậy. Khi Người bước lên thang gác có cán bộ bảo vệ đi theo dìu. Giọng nói của Người nhỏ hơn so với những lần trước. Tuy nhiên, Người vẫn giữ được nét lạnh lợi hăng có. Người đến để chào mừng thắng lợi của đồng bào miền Nam nhân việc thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đó cũng là thắng lợi của đồng bào cả nước. Một lần nữa chúng tôi được nghe Người nói về truyền thống đoàn kết đấu tranh của dân tộc.

Chúng tôi là khách của miền Bắc, nhưng hôm nay Hồ Chủ tịch đến thăm chúng tôi tại nhà riêng. Người

trở thành khách của chúng tôi. Tôi mời Người hút thuốc lá, Người từ chối nhẹ nhàng:

- Cám ơn, tôi bỏ thuốc lá rồi cụ ạ!

Nghe Người bỏ thuốc rồi, tôi mừng khôn xiết. Thấy Người hút thuốc nhiều quá, nhiều lần tôi rất lo ảnh hưởng đến sức khỏe của Người, nhưng không biết thưa với Người như thế nào. Tôi cũng đã bỏ thuốc lá nên tôi rất thông cảm với những dẫn vật cai thuốc lá của Người. Như đọc được ý nghĩ của tôi, Người nói:

- Tôi cũng phải đấu tranh với bản thân ghê gớm lắm mới bỏ được thuốc lá đó cụ ạ!

Tôi vui mừng quá nên tôi không nhớ lúc đó tôi suy nghĩ gì thêm nữa. Ngồi tiếp chuyện với Người đúng một tiếng rưỡi đồng hồ (Người về lúc 17 giờ 15 phút) mà tôi cứ tưởng mới 15 phút.

Đến tháng 9 năm 1969, trong chương trình hoạt động của chúng tôi có mục xin được thăm Người một lần nữa, nhưng không biết sao các vị trong Ủy ban Thống nhất lại thay thế bằng một chuyến đi vào Nghệ An thăm quê Người. Lúc ở Nghệ An về, chúng tôi nghe tin Người ốm. Tôi không ngờ trong thời gian đoàn Liên Minh chúng tôi được nhân dân đón tiếp nồng nhiệt, được đi tham quan đó đây ở miền Bắc thì Hồ Chủ tịch ốm rồi sau đó không lâu Người mất.

Những người xuất gia theo Phật như chúng tôi, chúng tôi đã thấm nhuần lẽ sinh diệt vô thường mà đức Phật đã dạy. Nhưng khi nghe tin Hồ Chủ tịch mất tôi xúc động đau đớn khác thường.

Hồ Chủ tịch là một Người yêu nước vĩ đại, tiếng tăm của Người thế giới đều biết. Người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành được những thắng lợi lịch sử. Người là sự sống, là niềm tin của nhân dân ta nên khi nghe tin Người mất, mọi người đau đớn, xúc động. Riêng tôi đã được gặp Người nhiều lần, được sống trong sự ấm áp, bao dung tỏa quanh Người, được Người chỉ dẫn, dạy bảo rất tận tâm, chu đáo thì ngoài tình cảm mất mát lớn lao trên, tôi còn cảm thấy mình còn mất đi người thầy quý trọng nhất của đời mình nữa.

Sau những lần gặp Hồ Chủ tịch cũng như những năm tháng sau đó, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về những điều tôi đã học được ở Người. Khi về lại Huế, tôi đã kể chuyện này với các chú Tăng, họ rất tin tưởng, sung sướng.

Hồ Chủ tịch sống với những nguyên tắc đạo đức Người đã nêu ra. Đó là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Nói về **cần**, không ai sống được như Hồ Chủ tịch. Một phút ngồi với chúng tôi, thậm chí một câu nói, Người cũng muốn lợi cho dân cho nước.

Nói về **kiệm**, việc đáng tiêu phải dùng hàng vạn bạc, Người cũng không thương tiếc, nhưng việc không đáng một xu Người cũng không bỏ. Tất cả những bí

thư từ trong Phủ Chủ tịch gửi ra cho chúng tôi đều là những bì thư đã dùng rồi lật ngược trở lại. Nghe nói hàng năm, các cơ quan nhà nước làm theo Hồ Chủ tịch đã tiết kiệm cho ngân sách quốc gia hàng vạn đồng bạc.

Liêm người giữ chức vụ cao nhất trong Đảng và trong Chính phủ thế nhưng chỗ ở, chỗ làm việc và tiếp khách của Người thật giản dị, bình thường trong phạm vi hai phòng không đầy hai mươi mét vuông của nhà gác bằng gỗ, Người chỉ cho sắm những tiện nghi đủ cho công việc và sinh hoạt hàng ngày. Người không thích hình thức trong lúc nhân dân ta còn nghèo.

Chính suốt đời Người lo cho nước, cho dân không một chút mây may lo cho riêng mình. Thậm chí một thú vị riêng để làm việc như chuyện nghiện thuốc lá mà đến cuối đời mình Người cũng tự đấu tranh để tự bỏ.

Đời Người là một cuộc đời **chí công vô tư**, một cuộc đời vị tha hiếm có.

Sự hiểu biết của Người hết sức uyên bác. Không những Người nắm chắc lịch sử yêu nước của Phật giáo Việt Nam trong quá khứ, mà Người còn theo dõi rất cụ thể những hoạt động yêu nước của Phật giáo nước ta hiện nay. Trong những lần tiếp xúc với Hồ Chủ tịch, Người nói rất ít. Phần lớn các vị lãnh đạo thay Người phổ biến các quan điểm, chủ trương và đường lối cách mạng với chúng tôi. Người chỉ nói thêm những ví dụ để làm sống động và làm sáng tỏ thêm những điều các vị lãnh đạo vừa trao đổi cho chúng tôi.

Khi tiếp xúc với chúng tôi, Người cởi mở như người lớn tuổi trong nhà, như nói chuyện với người thân. Cách nói của Người giản dị nhưng rất dí dỏm, Người hay hỏi vui để đánh tan cái không khí nghiêm nghị của một vị Chủ tịch nước nói chuyện với cán bộ nhân dân.

Một lần kể về đoàn kết, một vị trong đoàn chúng tôi dẫn một câu tục ngữ:

- Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng



Căn nhà Bác Hồ đã sinh sống vào thời thơ ấu tại Làng Sen quê nội



Ngôi nhà quê ngoại, nơi sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

cạn.

Mọi người đang chăm chú nghe, bỗng Người khoát tay nói chen vào một cách bất ngờ:

- Nhưng những người không có vợ như tôi thì lấy ai mà thuận?

Tất cả chủ và khách cùng cười lên một cách thú vị.

Cũng trong lần đó, nhân khi tôi mời hai vị lãnh đạo ra nhà chúng tôi ăn bữa cơm Huế, Hồ Chủ tịch với tay nói rất nhiệt tình:

- Này! Này! Cụ bỏ sót tôi sao cụ không mời!

Câu nói vui của Người làm cho tôi lúng túng một hồi lâu. Thái độ chan hòa của Người làm cho tôi vô cùng thắm thía.

Những lời nói vui của Người luôn luôn có mục đích. Bằng giọng nói dễ thông cảm, chan hòa đó, trong bất cứ lần gặp gỡ nào Người cũng góp ý "sửa" cho chúng tôi nhiều điều chúng tôi nói chưa chính xác.

Lần gặp gỡ Người tại 69 Nguyễn Du, một cán bộ nói Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1951...

Hồ Chủ tịch chữa ngay:

- Không phải, Trung Quốc công nhận ta từ năm 1950 kia?

Lần đầu gặp Bác nhân Tết năm 1969, trong lúc quá vui, tôi nói nhầm năm 1968 là năm Bính Thân, Người sửa hộ tôi: "Năm Mậu Thân chứ".

Cũng trong lần gặp này, một vị trong đoàn ca Huế cho Hồ Chủ tịch nghe, nghe xong Người khen:

- Chú ca Huế hay đấy, nhưng phải tập luyện nhiều hơn nữa!

Hay một vị lãnh đạo ca ngợi truyền thống anh hùng của nhân dân ta, Người nhắc khéo:

- Nhân dân ta giỏi thì có giỏi đấy, nhưng nói gì thì nói chứ đừng vội kết luận rằng dân tộc Việt Nam là nhất thế giới nhé!

Người quan tâm chăm sóc đến mọi người. Trong đoàn chúng tôi có nhiều thành phần, nhiều giới, nhưng khi trong lúc tiếp xúc Người không quên một thành phần nào, một giới nào. Người đề cập đến ai thì rất đúng với Người đó. Tôi là một Hòa thượng,

Người chỉ nói với tôi về Phật giáo, với người khác thì Người cũng có chuyện để nói với họ đúng với tư cách của họ.

Lúc thấy một cán bộ đem ra cho Người một tập ảnh các cháu thiếu nhi dũng sĩ diệt Mỹ ngồi quanh Hồ Chủ tịch, Người quay qua giới thiệu tập ảnh với bà Nguyễn Đình Chi và Người nói:

- Tôi xin cảm ơn những bà mẹ Việt Nam đã sinh ra và nuôi dưỡng những người con anh hùng Việt Nam. Ngay cả những cháu bé tí hon như thế này mà cũng đã là anh hùng rồi!

Người hỏi một vị trong đoàn:

- Ở Huế còn có các cô bán chè mặc áo dài trắng, giọng rao chè thanh thoát, với những gánh chè đầy, đủ loại chén múc chè nhỏ chút xíu để trên cái trẹt, xây ba bốn tầng và đủ loại chè nữa không?

Một vị trong đoàn kính cẩn đáp:

- Dạ thưa Bác còn ạ!

Người nhớ lại tuổi thơ ở Huế rồi vồn vã hỏi tiếp:

- Thế con đường chạy ngang trường Quốc Học bây giờ đổi thành đường gì?

- Thưa Bác, đường Lê Lợi ạ! – Một người trong đoàn chúng tôi đáp.

- Con đường cửa Đông Ba vô chợ Xếp đổi thành đường gì?

- Thưa bác đường Mai Thúc Loan ạ!

- Thế chợ Xếp còn đó không?

- Dạ còn. – Tôi thưa

Người hỏi chuyện chung và chuyện riêng của từng người trong đoàn. Khi Người hỏi lại thì Người lắng nghe câu trả lời của người ấy. Nếu câu trả lời chưa cụ thể Người hỏi lại cho đến khi nào câu trả lời được đầy đủ.

Người hỏi tôi

Cụ ra miền Bắc, Ủy ban Thống nhất có lo tổ chức cho cụ đi chùa và sinh hoạt lễ nghi khác không?

- Thưa Cụ, có đầy đủ ạ!

Người hỏi tiếp:

- Đầy đủ thế nào cụ?

Tôi phải kể lại cụ thể là tôi có đi thăm các chùa, gặp Tăng Ni Phật tử miền Bắc, gặp Hòa thượng Thích Trí Độ, tôi có hành lễ ở chùa Quán Sứ.

Lúc ra về Người không quên xuống tận nhà bếp bắt tay chào hỏi từng người giúp việc trong khu vực chúng tôi.

Trong dịp Tết năm 1969, khi bà Nguyễn Đình Chi bưng khay mút đến biếu Người, Người nhẹ nhàng bưng khay mút ra trước mặt mọi người:

Hôm nay cô Chi quan tâm làm biếu khay mút. Tôi bắt chước cô Chi quan tâm đến mọi người. Mời Hòa thượng, mời các cô các chú ăn đi! (xem tiếp trang 27)



Kinh Khu Rừng

HT. Thích Minh Châu

Đức Phật dạy một Tỷ kheo sống tại một khu rừng nào, tại một làng nào, tại một thị trấn nào, tại một quốc độ nào, sống gần một người nào:

1. Nếu các niệm chưa an trú, không được an trú; nếu tâm tư chưa được định tĩnh, không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ, không được đoạn trừ; vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, không được chứng đạt; các vật dụng kiếm được một cách khó khăn, thời Tỷ kheo ấy phải bỏ ngay người ấy mà đi, bất luận ngày đêm.

2. Nếu các niệm chưa an trú, không được an trú; nếu tâm tư chưa được định tĩnh, không được định tĩnh; nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, không được đoạn trừ; nếu vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, không được chứng đạt; nhưng các vật dụng tìm được không có khó

khăn, thời Tỷ kheo ấy, với suy tính này, cần phải bỏ người ấy.

3. Nếu các niệm chưa an trú, được an trú; nếu tâm tư chưa được định tĩnh, được định tĩnh; nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, được đoạn trừ; nếu vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, được chứng đạt; nhưng các vật dụng tìm được có khó khăn, vị Tỷ kheo ấy phải nghĩ rằng vị ấy xuất gia không phải vì mục đích được các vật dụng, nên với suy tính này cần phải ở lại với người ấy.

4. Nếu các niệm chưa an trú, được an trú; nếu tâm tư chưa được định tĩnh, được định tĩnh; nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, được đoạn trừ; nếu vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt, được chứng đạt; và nếu các vật dụng tìm được không có khó khăn, thời vị ấy cần phải trọn đời ở một bên người ấy không được rời bỏ, dù có bị xua đuổi.■

Luật Giới Bản

Đức Hòa (dịch)

Pātimokhā (luật giới bản) chỉ đến tay chúng ta sau rất nhiều lần duyệt xét lại, một số lần duyệt xét được thực hiện bằng ngôn ngữ Ấn Độ, những lần duyệt xét lại khác được thực hiện bằng tiếng Tây Tạng hay tiếng Trung Hoa, chỉ có một lần bằng tiếng Pāli vẫn còn là một truyền thống sống động, vẫn còn được tụng hai tuần một lần và cũng được chư vị tỳ khưu theo Phật giáo Nguyên thủy tu luyện trên khắp thế giới. Đây chính là phiên bản duyệt xét được phiên dịch và được giải thích trong tập sách này.

Ý nghĩa thuật ngữ Pātimokhā hoàn toàn mang tính chất phỏng đoán. Theo tập Đại Phẩm (Mahavagga) từ này có nghĩa là "sự khởi đầu, là đầu (hay dẫn nhập – mukha), là những phẩm chất thiện tuyệt hảo nhất (pamukha) trong số những phẩm chất trên đời này." (Mv. II, 3.4) Thuật ngữ được sử dụng cho tên gọi không chỉ cho khoản luật cơ bản thuộc các giới luật, mà còn là một bài thuyết giảng uyên thâm. Đức Phật đã liệt kê những nguyên tắc căn bản chung cho các bài thuyết giảng của toàn bộ chư Phật, đó là: *"Không làm điều xấu, thực hiện điều thiện và giữ tâm ý trong sạch, đây chính là thông điệp của chư Phật"* (Dhp.183). Như vậy, bất kỳ ý nghĩa từ nguyên nào của thuật ngữ Pātimokhā đều có nghĩa là một loạt những nguyên lý cơ bản dành cho việc tu luyện trong giáo pháp.

Bộ luật học cơ bản dành cho chư vị tỳ khưu, trong lần duyệt xét bằng tiếng Pāli bao gồm 227 điều luật được chia thành 8 mục phù hợp với hình phạt được gán cho từng khoản một: Parajika: Bất cộng trụ; sanghadisesa: Tăng tàn; aniyata: Bất định; nissaggiya pacittiya: Ứng xả đối trị; pacittiya: Ứng đối trị; patidesaniya: Ứng phát lộ; sekhiya: Ứng học pháp; và adhikarana-samatha, cách giải quyết các vấn đề. Các chương tiếp theo sau đây sẽ thảo luận về những ý nghĩa chính xác của các thuật ngữ này.

Mặc dù, ba trong số các thuật ngữ này không ám chỉ đến những hình phạt. Các khoản luật aniyata đưa ra những hướng dẫn để phân xử những tình huống còn nghi ngờ; các khoản luật sekhiya chỉ

đơn giản cho rằng "Đây là việc tu học phải được theo đuổi" mà không gán cho một hình phạt đặc biệt nào nếu không tuân thủ các khoản luật này và các khoản luật adhikarana-samatha đưa ra những qui trình phải theo để giải quyết những vấn đề khởi lên trong Tăng Chúng. Như vậy, chỉ có năm loại hình phạt được đề cập đến trong chính các khoản Luật giới bản (Patimokha), trải rộng từ việc trục xuất ra khỏi Tăng chúng đến việc thú nhận đơn giản trước sự hiện diện của một vị tỳ khưu khác. Chúng ta nên chú ý rằng chẳng có bất kỳ hình phạt nào liên quan đến hình phạt thể chất thuộc bất kỳ loại nào và chúng ta cũng nên lưu ý thêm là mục tiêu của việc trải qua những hình phạt cách này, cách khác đều không xóa sạch khỏi bất kỳ lỗi phạm nào cho ta hay tẩy trừ được bất kỳ nghiệp chướng bất thiện nào ta phải gánh chịu do vi phạm các khoản luật này; hơn thế, mục tiêu lại vừa mang tính cá nhân lẫn tính xã hội: Để tăng cường lòng quyết tâm của chính chúng ta, để kiểm chế khỏi tư cách đạo đức như vậy, trong tương lai và để đảm bảo chư vị tỳ khưu khác là những vị vẫn còn nghiêm túc theo đuổi việc tu học giới cũng không mắc phải sai phạm đó.

Thêm vào những hình phạt được đề cập đến trực tiếp trong các khoản luật lại cũng có những hình phạt xuất phát từ những khoản luật do bộ Phân tích (Vibhanga) và các tập Chú giải đề ra. Những hình phạt được nhận từ hai loại tình huống này, đó là: 1) Vị tỳ khưu nào thử vi phạm một hành vi được đề cập đến một trong số những khoản luật này, nhưng hành vi đó chưa đi đến kết thúc hay một hành vi nào khác chưa đạt tới kết thúc (thí dụ như vị đó cố giết chết một người, nhưng người đó chưa chết). 2) Vị tỳ khưu nào đã vi phạm một tội nào đó không trực tiếp bao gồm trong bất kỳ khoản luật nào, nhưng lại giống như khoản luật đó (thí dụ như vị đó đánh một người chưa xuất gia, là điều không trực tiếp bao gồm trong một khoản luật nào, trong khi đó hành vi đánh một vị tỳ khưu được ghi lại rõ ràng).

Những hình phạt thuộc loại này, khi xuất phát từ các khoản luật bất cộng trụ (parajika) và Tăng

tàn (sanghadisesa), bao gồm từ thullaccaya (trọng tội) và dukkata (tác ác) những hình phạt nào xuất phát từ các khoản luật ứng xử đối trị (nissaggiya pacittiya), Ứng đối trị (pacittiya), và Ứng phát lộ (patidesaniya) – ngoại trừ đối với khoản luật chống lại việc nói những lời xúc phạm – chỉ bao gồm hình phạt dukkata (tức là lỗi phạm tác ác) mà thôi. Những hình phạt bắt nguồn từ khoản luật đi ngược lại với lỗi nói lời xúc phạm còn gồm cả lỗi vọng ngữ (dubbhasita) nữa. Còn đối với khoản luật Ứng học pháp (sekhiya), tập Phân tích (Vibhanga) khẳng định rằng không tuân thủ bất kỳ khoản nào do thất lễ dẫn đến hình phạt dukkata (tức lỗi phạm tác ác) tất cả những hình phạt phát sanh từ những khoản luật này có thể được xóa sạch thông qua hành vi thú tội (confession).

Tuy nhiên, đã có những thời điểm khi mà các hình phạt được gán cho từng khoản luật lại không đủ sức mạnh để ngăn cản vị tỳ khưu tắc trách khỏi liên tục phạm phải một lỗi phạm nào đó. Trong những tình huống như vậy, Tăng chúng vị tỳ khưu đang cư trú trong đó, sẽ chính thức áp đặt những hình phạt bổ xung lên vị đó như là cách để đem vị đó trở lại đúng đường. Những hành vi bổ xung chính thức này bao gồm từ việc tước đoạt một số đặc quyền đặc lợi theo thâm niên, đến trục xuất khỏi Tăng chúng đặc thù nào đó, hay còn bị đình chỉ tham gia Tăng đoàn chư vị tỳ khưu một cách toàn diện. Trong từng mỗi tình huống hình phạt này chỉ mang tính tạm thời; nếu vị tỳ khưu nhận ra lỗi lầm và sửa lại đường đi nước bước, Tăng chúng phải thu hồi hành vi chống lại vị đó và phục hồi lại cho vị đó tình trạng trước.

Như vậy, xét một cách toàn diện, hệ thống hình phạt của tập giới luật tận dụng ba nguyên tắc căn bản này – thú tội, tước đoạt mất và nhiều mức độ khai trừ khỏi Tăng đoàn khác nhau – như là những phương tiện đem thi hành các khoản luật đó, để hiểu được tính chất uyên thâm của hệ thống giới luật này, điều quan trọng là phải nhận ra được bằng cách nào từng mỗi nguyên tắc trong toàn bộ các khoản luật này có tương quan thế nào với việc tu tập Phật Pháp và việc tu tâm.

Thú nhận lỗi phạm (Confession): Có nhiều điểm trong các bài thuyết pháp (thí dụ như D2, M.140) trong đó Đức Phật khẳng định: "Đây thực sự là tiền bộ trong việc nắm giữ giới luật của bậc Thánh mà con người đó nhận ra một lỗi phạm của chính mình như là một lỗi phạm thực sự, sửa chữa lại lỗi phạm đó cho phù hợp với Phật pháp và chứng đạt kiểm chế trong tương lai". Từ bối cảnh mỗi khi Đức Phật đưa ra lời tuyên bố này, có điều rất rõ ràng là "*Tu sửa lỗi lầm*" có nghĩa là thú nhận những sai phạm của mỗi người chúng ta. Trong đoạn văn khác, (M.61) Đức Phật đã dạy cho con trai của mình là Rāhula rằng:

Nếu ta nhận ra những lời nói và hành vi của chúng ta gây hại cho chính mình và cho người khác, ta nên thú nhận những hành vi đó với một người bạn có phạm hạnh trong cuộc sống tu trì. Tất cả những ai đã thuần thực được suy nghĩ, lời nói và hành động của mình trong quá khứ, toàn bộ những ai sẽ làm như vậy trong tương lai, Ngài nói thêm, đều đã hành động, đang hành động và sẽ hành động theo chính cách này. Thêm vào đó một trong những nhu cầu thiết yếu cơ bản để rèn luyện chính mình trong tu luyện đó chính là chúng ta không được thất trung hay lừa dối và chúng ta tự thú nhận với một người bạn có phạm hạnh trong cuộc sống phạm hạnh phù hợp với hành vi đạo đức thực tế của mỗi người chúng ta (A.V.53). Như vậy, lòng tự nguyện thú nhận những hành vi bất thiện của chúng ta là một yếu tố căn bản để chúng đạt tiến bộ nơi chánh Pháp vậy.

Việc tước đoạt (Forfeiture): Trong đa phần các tình huống, việc tước đoạt chỉ đơn giản là một điều phụ được thêm vào hành vi thú tội, chúng ta để mất quyền về một đối tượng đang được đề cập đến, ta thú nhận đã phạm phải tội nào đó và rồi nhận lại đồ vật đó. Tuy nhiên, trong một ít tình huống trong đó vật đó không thích hợp cho một vị tỳ khưu để sử dụng hay sở hữu ta phải phá hủy hay tước đoạt một cách vĩnh viễn. Trong những tình huống như vậy, việc tước đoạt lại được sử dụng như cách khiển trách chống lại tính tham lam và cũng là một nhắc nhở về hai nguyên tắc cơ bản đó là thiếu dục với điều tối thiểu của mình, cũng như tri túc, đó là những điều tuyệt đối cơ bản trong việc tu luyện giới đức vậy.

Việc khai trừ (ostracism): Trong một đoạn văn nổi tiếng (S. XL.2), Đức Phật nói với đại đức Ānanda như sau: "Trở thành bạn tốt, được làm bạn lành, và là đồng nghiệp với những người đáng khâm phục, chính là toàn bộ cuộc sống phạm hạnh vậy. Khi vị tỳ khưu đã trở thành người bạn tốt, đã trở thành bạn lành và là đồng nghiệp với những người đáng khâm phục, ta hy vọng vị đó sẽ tiến triển trên bước đường Bát Chánh đạo và học hỏi được rất nhiều điều từ tình bạn này". Như vậy, một trong số ít những điều vị tỳ khưu đang tu luyện một cách nghiêm túc tự nhiên sẽ là mối lo sợ sẽ bị khai trừ do những thành viên có tư cách đạo đức nghiêm chỉnh trong Tăng chúng, vì điều đó sẽ trở ngại thực sự cho hội chúng thanh tịnh vậy. Sự sợ hãi này có thể giúp ngăn cản vị tỳ khưu không phạm phải bất kỳ hành động nào có thể dẫn đến khai trừ như vậy.

Theo cách này, hình thức hình phạt của tập Giới luật cung cấp sự phục hồi cho kẻ phạm lỗi, và sự ngăn cản chống lại những lỗi phạm đó với việc thú nhận là những phương cách phục hồi và việc khai trừ ngăn cản đó khởi lên trực tiếp từ những nguyên tắc cơ bản đối với việc tu tập Phật pháp vậy (còn tiếp).■



Thiền định là gì?

Hoàng Phong chuyển ngữ
(tiếp theo)

Có phải mục đích luyện tập thiền định là làm cho chúng ta lắng dịu xuống hay không?

Tại phương Tây thiền định thường được xem là một phép luyện tập giúp mang lại sự thư giãn, hơn nữa nhiều người còn xem đây là một phương pháp trị liệu nữa. Thật thế, thiền định hàm chứa nhiều phẩm tính trị liệu thật đáng kể. Thế nhưng, không phải vì thế mà có thể bảo rằng sự thoải mái là mục đích của thiền định, mặc dù trên thực tế thì các hiệu quả lợi ích ấy cũng có thể xảy ra. Chủ đích của thiền định thật ra khác hơn thế rất nhiều.

Mục đích của thiền định là nhằm biến cải toàn bộ mối tương giao giữa chúng ta và tất cả những gì mà chúng ta nhận biết được, cảm nhận được hay suy nghĩ được (tức là cách giúp chúng ta nắm bắt và cảm nhận được hiện thực đúng như thế, không để cho các xung năng và tác ý trong tâm thức làm cho nó bị méo mó và biến nó thành ảo giác).

Hành thiền không phải là cách tìm kiếm một thể dạng cá biệt nào cả vì như thế chỉ là cách nhằm thu hẹp tác động của nó mà thôi. Đây là một cách tạo thêm các điều kiện để trói buộc nó, và đây cũng là một trong những trở ngại hàng đầu trong việc luyện tập.

Thiền định không phải là một phương tiện giúp mình tìm thấy sự bình lặng, cũng không phải là một bát thuốc sắc để mà uống khi gặp phải khó khăn. Mục đích của thiền định là giúp chúng ta phát huy sự chú tâm hướng vào tất cả những gì hiển hiện ra hầu giúp chúng ta thoát khỏi mối ràng buộc giữa chúng ta và các thứ ấy.

Việc luyện tập thiền định không nhằm vào chủ đích làm cho tâm thức lắng xuống hoặc trở nên vô cảm trước những trắc trở trong cuộc sống. Dù sao đi nữa thì thiền định cũng không hề là một phương cách nhằm cắt rời chúng ta với thực tại.



Vị tổ thứ sáu của Phật giáo Trung Quốc (ngài Huệ Năng) sau khi nghe một vị thiền sư giảng cho những đệ tử của mình như sau: "Phải giữ tâm thức tĩnh lặng hầu giúp mình suy tư về sự Tịch tĩnh và Vắng lặng, và nhất thiết phải luôn luôn giữ tư thế ngồi mà không được ngưng nghỉ", thì ông đã phản ứng lại như sau: "Giữ tâm thức tĩnh lặng" là một hình thức bệnh hoạn và nhất định đây không phải là con đường của Đức Phật.

Sau đó thì ông đã trước tác một bài thơ như sau:

"Trong khi sống, nếu chỉ biết ngồi không ngưng nghỉ,

Thì đến khi chết người ta sẽ được nghỉ, thế nhưng lại không được ngồi.

Trong cả hai trường hợp thì đây cũng chỉ là một đồng xương hôi thối!

Nào có liên quan gì đến bài học thật thiết yếu về sự hiện hữu này đâu".

Bài thơ trên đây chẳng phải là tuyệt vời hay sao! Cốt tủy của đạo Pháp chính là đây. Thiền định giúp chúng ta phát huy sự hiểu biết sâu kín nhất về bản chất của hiện thực và của chính mình. Đức Phật tự đặt mình vào tâm điểm của thực tại hầu quán thấy thế giới một cách minh bạch hơn.

Mặc dù thiền định là một sự dừng lại nhằm

giúp mình nhận thấy mình bạch hơn những gì là như thế, tuy nhiên, các kinh nghiệm ấy tự nó không hề là một chủ đích.

Sự đình chỉ giúp mang lại một thể dạng thư giãn. Dừng lại đấy. Một sự yên lặng tỏa rộng. Đây là một quá trình thật cần thiết giúp cho sự chú tâm trở nên sắc bén hơn. Thế nhưng, nếu dừng lại ở đấy thì quả thật đấy không phải là con đường. Điều quan trọng hơn cả chính là sự cảnh giác.

Chú tâm và sự cảnh giác sâu xa

Kiến thức Phật giáo (trí tuệ) không dựa vào các giáo điều bất di bất dịch như các tôn giáo khác, cũng không phải là kết quả do sự phân tích khoa học mang lại như thường thấy trong thế giới ngày nay. Nó cũng chẳng phải là kết quả mang lại bằng cách tổng kết các quan điểm khác nhau. Kiến thức Phật giáo được hình thành nhờ vào kinh nghiệm cảm nhận của chính chúng ta bằng cách dựa vào sự chú tâm và cảnh giác sâu xa (tác giả không dùng chữ "trí tuệ" thế nhưng đã nêu lên ý nghĩa của thuật ngữ này thật khéo léo và đồng thời cũng không sử dụng chữ "giác ngộ" thế nhưng, cũng gián tiếp giải thích được sự giác ngộ là gì bằng cách chỉ nêu lên thật ngắn gọn là "Kiến thức Phật giáo" được hình thành từ kinh nghiệm cảm nhận của chính chúng ta dựa vào sự chú tâm và cảnh giác tức có nghĩa là nhờ vào thiền định).

Sự chú tâm là một cách hiển lộ tự nhiên là



như thế khi nó tiếp cận với một vật thể nào đó và không hề phát lộ một sự bám víu nào. Thí dụ như tôi chú tâm vào làn gió đang luồn vào tóc tôi và trong trí thì không nghĩ đến bất cứ thứ gì cả (tác giả là một nhà sư đầu nhẵn thín, thí dụ này được đưa ra có lẽ là để dành riêng cho chúng ta đấy! Nếu đầu ta nhẵn thín thế nhưng trong tâm trí thì ta lại cứ cảm thấy gió đang luồn vào mái tóc bông bông của mình thì đấy chứng tỏ là mình đã rơi ra ngoài sự chú tâm và đang phiêu lưu ở một nơi nào khác bên ngoài hiện thực và bên ngoài chính mình). Tôi đặt tâm thức tôi trong một thể dạng tiếp nhận thể thôi. Cái tâm thức ấy đang tập trung và hòa nhập vào một thể dạng thật thẳng băng của sự thanh thản. Nó không còn bị trói buộc trong các điều kiện chi phối đó nữa. Cái tâm thức ấy của tôi không hề tìm cách nói lên là nó thích cái này hay không thích cái kia.

Cảnh giác sâu xa là một sự hiểu biết trực tiếp, nó không cần đến bất cứ một hình thức trung gian mang tính cách khái niệm hay ngôn từ nào cả (khái niệm hay ngôn từ đều mang tính cách quy ước, cảnh giác sâu xa là một sự hiểu biết trực giác vượt lên trên mọi hình thức lý luận dựa vào khái niệm và quy ước). Nó giải thoát cho sự quán thấy nằm bên trong thị giác, nó giải thoát cho âm thanh nằm bên trong thính giác, nó giải thoát cho sự cảm nhận và chạm nằm bên trong xúc giác, nó giải thoát cho sự hiểu biết nằm bên trong tri thức. Đây cũng là cách mà cây cổ thụ biểu trưng cho sự lăm lăm bị đào lên tận gốc rễ (nhìn thấy nhưng không diễn đạt, nghe thấy nhưng không diễn đạt, va chạm vào da thịt nhưng không diễn đạt, hiểu biết nhưng không diễn đạt: đây là cách nhổ bỏ tận gốc rễ mọi ảo giác của hiện thực).

Theo như các bài kinh nguyên thủy cũng như những trước tác của các vị đại sư thì trước hết ta phải phát động sự chú tâm và từ sự chú tâm ấy sẽ phát sinh ra sự quán thấy sâu xa mang tính cách cởi mở và sâu rộng hơn, giúp người hành thiền quán thấy một cách thật sắc bén các kinh nghiệm cảm nhận của mình về hiện thực, và từ đó sẽ dần dần hiểu được cái cấu trúc trọn vẹn của các kinh nghiệm ấy mà trước đây thì thông thường người ấy không hề nhận thức được. Chú tâm giúp mang lại sự an bình, bởi vì nó giải thoát cho tâm thức khỏi mọi thứ giao động thường tình khiến cho nó luôn bị rơi vào tình trạng bất định hướng.

Sự cảnh giác sâu xa phát hiện dưới hình thức của trí thông minh và của khả năng trực giác (prajna hay bát nhã) đấy là một hình thức hiểu biết không phát sinh bằng cách kiến tạo mà thoát ra từ một bầu không gian mở rộng và quen thuộc (sự cảnh giác sâu xa không hình thành nhờ vào lý luận mà phát sinh từ sự cảm nhận của trực giác khi tiếp xúc với bầu không

gian quen thuộc của thực tại, có nghĩa là nhìn vào thực tại và quán nhận được thực tại là như thế, cái thực tại ấy thật hết sức quen thuộc với mình và không cho thấy một mảy may nào xa lạ).

Tuy nhiên, tôi lại thường nhận thấy đối với nhiều người sự diễn tiến trên đây không xảy ra đúng theo thứ tự. Sự cảnh giác sâu xa và sự chú tâm có thể cùng xảy đến một lúc, hoặc đôi khi cũng xảy ra trường hợp một trong hai thể dạng giữ một vị thế lẫn át hơn.

Thiền định có phải là cách tạo ra một thể dạng trống không hay chăng?

Nhờ vào sự tập luyện thì nhất định cũng có thể tạo ra một thể dạng trống không trong tâm thức được. Thế nhưng đạt được như thế để mà làm gì?

Đức Phật không khám phá ra sự trống không, mà thật ra là cả một trí thông minh trực giác (trí tuệ) giúp mở ra cho chúng ta một bầu không gian rộng lớn của hiện thực. Thiền định là cách tập cho chúng ta khám phá ra thật minh bạch cái trò vận hành của sự lầm lẫn, hầu giúp chúng ta nhận thấy là chúng ta đang tự trói buộc mình (vào ảo giác) như thế nào và cái không gian của sự giải thoát thì lại rộng rãi biết bao.

Luyện tập thiền định không phải là cách trút bỏ tất cả những gì trong đầu mình mà đúng hơn là để giúp mình đối đầu với thực trạng của mình trong hiện tại (tức là tình trạng nô lệ bởi ảo giác). Thói thường chúng ta chỉ là những người đứng hoàn toàn xa lạ đối với chính mình. Chẳng những các cảm tính và phản ứng của chúng ta đôi khi có thể khiến cho chính chúng ta phải ngạc nhiên (không ngờ mình lại có thể suy nghĩ hay hành động như thế được) mà còn có thể làm cho chúng ta phải khiếp sợ nữa. Ta sống thế nhưng hình như là sự sống ấy đang được điều khiển bởi một con quái vật ẩn náu bên trong chúng ta.

Đối với Phật giáo thì thật ra chẳng có con quái vật nào cả. Nói một cách chính xác hơn thì đây cũng chẳng khác gì như một đứa bé khiếp sợ một con ngáo ộp thể thôi. Cứ bật đèn lên thì sẽ thấy ngay là chẳng có con thú hay người nào ẩn nấp dưới gầm giường cả. Sự chú tâm chính là cái ánh sáng giúp cho chúng ta hết sợ.

Nơi trọng tâm của con người luôn có một cái gì đó thật tốt (Phật tính). Chúng ta chỉ cần đón tiếp nó. Sự khám phá ấy thật kỳ thú. Nếu con người hòa nhập được với nó thì cả đám ma quỷ cũng sẽ mất hết khả năng gây ra những điều tệ hại. Thật ra thì cái đám ma quỷ ấy cũng chẳng phải là gì khác hơn là các thứ tư duy trong đầu của chính

mình. Thật thế, chúng nào có khác gì những bọt bong bóng đang lơ lửng, rồi đây chúng cũng sẽ phải vỡ tan để hóa thành một bầu không gian mở rộng. Sự giải thoát cũng chỉ là như thế.

Ngoài thiền định ra thì còn có phương cách nào khác giúp phát huy được sự chú tâm hay không?

Thiền định là con đường hoàng đạo. Chẳng những đây là một phép tu tập vượt xa hơn các phép tu tập khác, mà còn là nơi hội tụ của mọi hình thức sinh hoạt. Nếu không thiền định thì chúng ta cũng sẽ chẳng bao giờ có dịp để mà tận hưởng được hương vị của sự chú tâm và của thực tại.

Nếu khám phá ra được nó thì trong từng khoảnh khắc một chúng ta cũng sẽ khám phá thấy là mình có thể duy trì thật vững chắc được sự chú tâm đó và nó sẽ giúp cho mình biết sống một cách sâu xa hơn.

Đối với một số học phái, thì nếu muốn thực hiện được điều ấy chỉ cần theo dõi trong đầu mình từng động tác thật nhỏ trên thân xác, chẳng hạn như duỗi hay co tay, cầm một cây bút chì, khép hay mở một cánh cửa, nâng một ly nước lên hay là đặt nó xuống. Tuy nhiên, cũng còn có nhiều phương pháp và các phép luyện tập khác có thể giúp chúng ta quay về với thực tại.

Nếu nhất quyết bước vào con đường thiền định thì cần phải tránh các thứ trở ngại nào có thể xảy ra?

Không nên tìm cách chủ động thân xác mà chỉ cần hòa nhập với nó

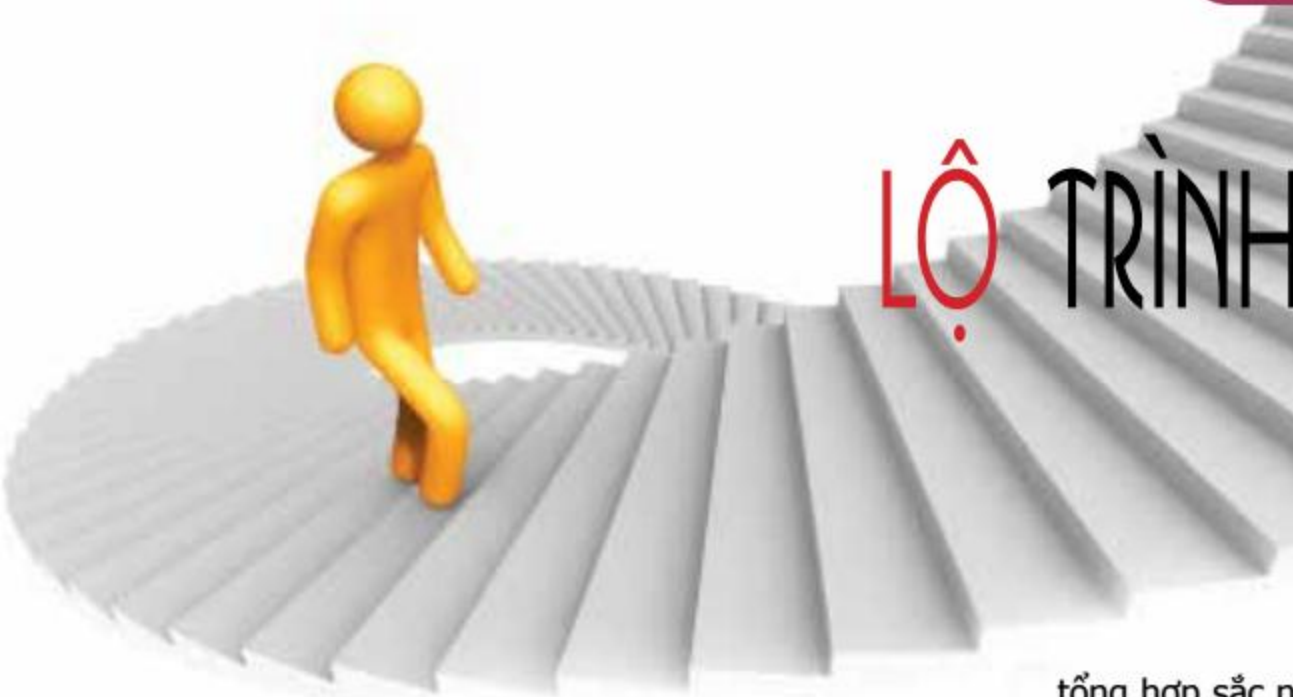
Điều căn bản nhất trong phép thiền định là phải dựa vào thân xác như một cơ sở hầu giúp mình phát động sự luyện tập. Gồng mình thật cứng để cố bắt chước theo tư thế của một người hành thiền lão luyện thì thật là vô tích sự! Hãy chú tâm vào những gì mà bạn đang có - đây chính là điểm tựa duy nhất của bạn.

Không nên cố gắng phát động sự chú tâm mà đơn giản là chỉ cần chú tâm thể thôi.

Không phải là cứ gồng người lên là giải quyết được mọi thứ khó khăn. Chỉ cần hòa nhập vào chính sự chú tâm. Không nên ước mong thực hiện một thứ gì cả mà chỉ cần tiếp cận thật gần với những gì đang hiển hiện ra với mình.

Không nên sử dụng thiền định để biến sự cảm nhận của mình trở thành trống không mà chỉ nên dựa vào thiền định để ý thức được sự cảm nhận của chính mình (xem tiếp trang 47)





LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

Tk. Pasādo (tiếp theo)

II. SỰ HIỆN HÀNH CỦA SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ TỔNG HỢP MẠNG CỬU KHỞI SANH (XEM TRONG BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 2).

1. Sắc Nghiệp: Kể từ thời tái tục sanh khởi cho đến trước thời gian tổng hợp mạng cửu khởi sanh thì thường có ba tổng hợp sắc nghiệp diệt mất, 147 tổng hợp sắc nghiệp đang hiện diện và lại sanh mới ba tổng hợp sắc nghiệp nữa. Như vậy, kết hợp lại có 153 tổng hợp sắc nghiệp ở từng mỗi sát na của Tâm.

Tổng hợp mạng cửu là một loại sắc nghiệp, đối với người ở trong cõi dục giới của nhóm thai sanh (chủ ý về nhân loại) thì tổng hợp mạng cửu sẽ sanh khởi phía sau thời tái tục.

Tuy nhiên, việc sanh khởi sẽ vào sát na nào của loại Tâm nào, thì thật sự không rõ ràng, và việc sanh khởi của tổng hợp mạng cửu cũng không tương tự với nhau ở từng mỗi người. Do đó, các giáo sư phụ Chú giải mới ước lượng rằng có thể sanh khởi vào sát na sanh, hoặc sát na trụ, hoặc sát na diệt của bất luận sát na Tâm nào phía sau Tâm tái tục và trong tuần lễ thứ 1, là "Kalalasattāha – Chúng tử chúng sanh" cũng được.

Việc trình bày trong bản chính phương thứ 2 này, giả thiết cho rằng tổng hợp mạng cửu sanh khởi vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực), là như vậy cũng để thuận tiện cho việc ghi nhớ, không là việc duy trì nhất định.

Khi giả thiết cho tổng hợp mạng cửu sanh khởi trong sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1, thì ngay sát na sanh của tâm hữu phần này thường có thêm một tổng hợp sắc nghiệp nữa, kết hợp với ba tổng hợp sắc nghiệp đã sanh lúc ban đầu, thành bốn tổng hợp sắc nghiệp vừa mới sanh.

Còn phần sắc nghiệp diệt mất thì chỉ có thể là ba

tổng hợp sắc nghiệp như cũ, vì tổng hợp mạng cửu vừa mới sanh khởi và vẫn chưa đến thời hạn định sẽ diệt mất.

Do nhân này, mà có 153 tổng hợp sắc nghiệp đã hiện hữu ban đầu, lại tăng lên thành 154 tổng hợp và sẽ tăng lên thêm phương thức này ở từng mỗi sát na của Tâm một cách liên tục cho đến sát na Diệt của tâm hữu phần thứ 1 (sau tâm đồng lực), thì tổng hợp mạng cửu đã sanh khởi vào lúc sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) mới bắt đầu diệt mất.

Tuy nhiên, ngay sát na diệt của tâm hữu phần thứ 1 (sau tâm đồng lực) này cũng vẫn phải tính tổng hợp mạng cửu đang diệt mất vào. Tiếp đến, sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực) thì tổng hợp mạng cửu đã có sanh khởi từ sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) mới tuyệt diệt mất.

Do đó, vào sát na sanh của Tâm này, có 4 tổng hợp sắc nghiệp đang diệt, 196 tổng hợp sắc nghiệp đang hiện diện, và lại sanh mới 4 tổng hợp sắc nghiệp mới nữa, kết hợp lại có được 204 tổng hợp sắc nghiệp.

Và như thế, chỉ với bấy nhiêu số lượng này sẽ diễn tiến liên tục như vậy cho đến khi loại sắc nghiệp khác sanh khởi.

2. Sắc quý tiết duyên nghiệp: Loại sắc đã có đề cập đến ở bản chính phương thứ 1, là sắc quý tiết được sanh do sắc nghiệp làm duyên. Với vị trí sanh khởi, hiện diện và diệt mất hoặc là số lượng tổng hợp sanh khởi, hiện diện và diệt mất cũng hoàn toàn tương tự với sắc nghiệp.

Chỉ có sai biệt là chênh lệch với nhau một sát na mà thôi.

Do đó, vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực), có được 153 tổng hợp sắc

bằng như cũ. Tiếp đến, vào sát na trụ của tâm này, thì tổng hợp mạng cứu đã sanh khởi vào sát na sanh, lại làm duyên cho sanh thêm một tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp nữa, kết hợp thành 154 tổng hợp và cứ thế tăng thêm lên theo phương thức này một cách liên tục cho đến sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực), thì sắc quý tiết duyên nghiệp đã sanh khởi vào sát na trụ của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) bắt đầu diệt mất, tuy nhiên, tại sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 này cũng vẫn phải tính sắc đang diệt này vào.

Nối tiếp theo, vào sát na trụ thì sắc quý tiết duyên nghiệp này tuyệt diệt mất, kết hợp lại tại sát na trụ của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực) này có 4 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp đang diệt, 196 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp đang hiện diện và lại sanh mới 4 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp, có được 204 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp.

Và như thế, chỉ với bấy nhiêu số lượng này sẽ diễn tiến liên tục như vậy cho đến khi sắc nghiệp sẽ thay đổi thành những chủng loại khác.

3. Sắc quý tiết duyên quý tiết: Loại sắc đã có đề cập đến ở bản chính phương thứ 1, là sắc quý tiết được sanh do cả hai loại sắc quý tiết duyên nghiệp và sắc quý tiết duyên tâm làm duyên.

Ở bản chính phương thứ 2 này, sắc quý tiết duyên tâm không có việc chi thay đổi, còn sắc quý tiết duyên nghiệp có tăng lên kể từ sát na trụ của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực), do đó, sắc quý tiết duyên quý tiết được tăng thêm lên kể từ sát na diệt của tâm hữu phần này một cách tương tự.

Khởi đầu, sắc quý tiết duyên quý tiết hiện hữu 170 tổng hợp. Như thế, trong sát na sanh và sát na trụ của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) mới có thể hiện hữu 170 tổng hợp như cũ.

Khi đến sát na diệt lại tăng lên thành 171 tổng hợp và cứ thế tăng lên theo phương thức này một cách liên tục cho đến sát na trụ của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực), thì sắc quý tiết duyên quý tiết đã sanh khởi vào sát na diệt của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) bắt đầu diệt mất.

Tuy nhiên, vào sát na trụ của tâm này cũng vẫn phải tính sắc đang diệt này vào.

Tiếp đến, vào sát na diệt thì sắc này sẽ tuyệt diệt mất, do đó, có 5 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết đang diệt (là 4 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên nghiệp, 1 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên tâm), 211 tổng hợp sắc đang hiện diện (là 196 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên nghiệp, 15 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý

tiết duyên tâm) và lại sanh mới 5 tổng hợp nữa, kết hợp lại thành 221 tổng hợp sắc.

Trong bản chính phương thứ 2, sắc tâm và sắc quý tiết duyên tâm vẫn hiện hữu không thay đổi số lượng ban đầu.

Sắc vật thực vẫn chưa sanh như cũ. Và việc tập hợp tổng hợp sắc cũng không có nhân quả nào là đặc biệt đáng để cho nói đến.

III. SỰ HIỆN HÀNH CỦA SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ SẮC VẬT THỰC KHỞI SANH (XEM TRONG BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 3).

1. Āhārajarūpa – Sắc Vật Thực: Đối với nhóm thai sanh (chủ ý đến nhân loại), sắc vật thực sẽ được sanh khởi phía sau tổng hợp mạng cứu, là trong tuần lễ thứ 2 hoặc thứ 3, và trong khi vật thực của người Mẹ đã thọ thực thâm nhập vào cơ thể thai nhi.

Tuy nhiên, sắc vật thực sẽ sanh vào sát na nào của tâm nào cũng được, và việc sanh khởi của sắc vật thực cũng không giống nhau ở từng mỗi người.

Trong bản chính phương thứ 3 này, để thuận tiện cho việc ghi nhớ, đã giả thiết cho rằng sắc vật thực khởi sanh vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) và trạng thái sanh khởi của sắc vật thực này thường sanh khởi vào mỗi sát na của tâm, và khi đã sanh khởi thì sẽ hiện diện bằng với tuổi thọ của 17 sát na tâm, hoặc bằng với 51 sát na tiểu của tâm, rồi sẽ diệt mất.

Do đó, khi đã giả thiết cho rằng sắc vật thực sanh vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) như vậy, thì trong mỗi sát na sanh, trụ, diệt của tâm này có được 1, 2, 3 tổng hợp sắc vật thực sanh khởi và hiện diện theo thứ tự, và sẽ tăng thêm theo phương thức này một cách liên tục cho đến sát na diệt của tâm hữu phần thứ 1 (sau tâm đồng lực) sẽ có được 51 tổng hợp sắc vật thực sanh khởi hiện hữu và trong số lượng 51 tổng hợp sắc vật thực này tập hợp cả sắc vật thực đã có sanh từ lúc sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) và đang diệt mất tại sát na diệt của tâm hữu phần thứ 1 (sau tâm đồng lực) này vào. Như vậy tại sát na tâm này cũng vẫn phải tính sắc đang diệt mất này vào vì vẫn chưa có diệt tuyệt mất.

Khi đến sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực) mới hoàn toàn diệt mất, nhưng tại sát na sanh của tâm này có được 1 tổng hợp sắc vật thực đang diệt nữa, 49 tổng hợp Sắc Vật Thực đang hiện diện và lại có sanh mới 1 tổng hợp sắc vật thực nữa. Khi kết tập lại vẫn có được 51 tổng hợp sắc vật thực như cũ và hiện hữu số lượng này diễn tiến liên tục cho đến khi sắc vật thực này sẽ thay đổi thành chủng loại khác.

2. Sắc quý tiết duyên vật thực: Là sắc quý tiết được sanh do bởi sắc vật thực làm duyên. Có ý nghĩa là khi sắc vật thực đã sanh khởi và hiện diện tại sát na trụ, thì thường trợ sanh cho sắc quý tiết duyên vật thực.

Do đó, việc sanh khởi, hiện diện, và diệt mất của sắc quý tiết duyên vật thực cũng có cùng một phương thức với mọi trường hợp của sắc vật thực, chỉ có sai biệt là chênh lệch với nhau một sát na.

Nếu đã giả thiết cho rằng sắc vật thực sanh khởi vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) thì sắc quý tiết duyên vật thực này sẽ sanh khởi vào sát na trụ cũng cùng một sát na tâm với nhau, và số lượng sẽ tăng lên theo cùng một phương thức như nhau.

Việc diệt mất của sắc quý tiết duyên vật thực này thường bắt đầu vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực), tuy nhiên, tại sát na sanh của tâm này cũng vẫn phải tính sắc quý tiết duyên vật thực đang diệt mất vào.

Tiếp đến, vào sát na trụ của sát na tâm này thì sắc quý tiết duyên vật thực này hoàn toàn diệt mất. Do đó, tại sát na trụ của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực) sẽ có được 1 tổng hợp sắc quý tiết duyên vật thực đang diệt mất, 49 tổng hợp sắc quý tiết duyên vật thực đang hiện diện và lại sanh mới 1 tổng hợp sắc quý tiết duyên vật thực nữa, kết hợp lại có được 51 tổng hợp.

3. Sắc quý tiết duyên quý tiết: Loại sắc này đã có được đề cập đến trong bản chính phương thứ 1 và 2, là sắc được sanh ra do cả hai loại sắc quý tiết duyên nghiệp và sắc quý tiết duyên tâm làm duyên, nhưng khi đến bản chính phương thứ 3 này thì được trình bày thêm một trường hợp nữa, là sắc được sanh ra do sắc quý tiết duyên vật thực làm duyên.

Do đó, khi hiện bày là sắc quý tiết duyên vật thực sanh khởi vào sát na trụ của tâm hữu phần

thứ 1 (trước tâm đồng lực) thì như thế 221 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết đã có hiện hữu ban đầu (trong bản chính phương thứ 2) sẽ có thể đứng lại với số lượng 221 tổng hợp chỉ duy tại sát na trụ của tâm hữu phần này. Khi đến sát na diệt thì sẽ có thêm 1 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết sanh khởi nữa, kết hợp lại được 222 tổng hợp, là kết quả từ nơi sắc quý tiết duyên vật thực đã có sanh khởi vào sát na trụ của tâm này, và cứ thế tăng thêm lên theo phương thức này một cách liên tục cho đến sát na trụ của tâm hữu phần thứ 1 (sau tâm đồng lực) thì sắc đã sanh khởi tại sát na diệt của tâm hữu phần thứ 1 (trước tâm đồng lực) bắt đầu sẽ diệt mất, tuy nhiên, việc tính cũng vẫn phải tính tương tự là sắc đang diệt này vào.

Tiếp đến, vào sát na diệt của tâm hữu phần này thì sắc này mới hoàn toàn diệt mất, theo phương thức này có thể là tại sát na diệt của tâm hữu phần thứ 2 (sau tâm đồng lực) có 6 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết đang diệt (là 4 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên nghiệp, 1 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên tâm, 1 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên vật thực), 260 tổng hợp sắc đang hiện diện (là 196 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên nghiệp, 15 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên tâm, 49 tổng hợp sắc được sanh từ sắc quý tiết duyên vật thực) và lại sanh mới 6 tổng hợp sắc nữa, kết hợp lại có được 272 tổng hợp sắc.

Trong bản chính phương thứ 3 này, các loại sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết duyên nghiệp, sắc quý tiết duyên tâm sẽ hiện hữu vẫn theo số lượng như cũ, không thay đổi. Và việc tập hợp các tổng hợp sắc cũng không có nhân quả nào là đặc biệt đáng để cho đề cập đến (còn tiếp). ■



Tu báo hiếu của người Khmer

Mễ Thuận

Tu báo hiếu là một truyền thống tốt đẹp lâu đời của người Khmer theo đạo Phật giáo Nam tông ở Đồng bằng sông Cửu Long. Việc tổ chức đám tu- theo cách gọi của người địa phương về việc tổ chức lễ nhập tu báo hiếu - thường được tổ chức vào khoảng thời gian trước hoặc sau tết Chôl Chnăm Thmây. Trong lần đến Trà Vinh mới đây, chúng tôi may mắn được tham dự một đám tu diễn ra trong hai ngày 9-10 tháng 5 âm lịch (tức ngày 10-11 tháng 6).

Nét đẹp của lễ nhập tu

Có mặt tại chùa Âng (P.8, TP. Trà Vinh) vào buổi sáng ngày mùng 9 tháng 5 âm lịch, chúng tôi có dịp trò chuyện với ông Thạch Xăng và cậu con trai của ông là Thạch Tấn (17 tuổi). Ông Xăng vui vẻ cho biết hôm nay đưa Tấn đến chùa để các sư cạo đầu, chuẩn bị cho việc tiến hành lễ nhập tu vào ngày mai: *"Tôi vui lắm vì giờ đây con trai tôi đã đến tuổi trưởng thành thực sự"*. Niềm vui của ông Xăng cũng là niềm vui chung của 9 ông bố người Khmer khác trong buổi sáng hôm nay, khi họ cùng đến chùa Âng để các sư tiến hành việc cạo đầu cho những người con trai đến tuổi trưởng thành của mình.

Hòa thượng Thạch Sok Xane, Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Trà Vinh, trụ trì chùa Âng cho biết: Khi người con trai nào muốn vào chùa tu thì từ vài tháng trước ngày nhập tu (ngày này đã được định sẵn khi các sư bàn bạc với các gia đình có con đi tu), họ phải xin cha mẹ vào chùa gặp các sư xin học thuộc vài bài kinh cơ bản để chuẩn bị cho ngày nhập tu. Trước ngày lễ chính thức một ngày, người con trai đó sẽ phải vào chùa làm lễ cạo đầu, thay quần bằng chiếc xà rông, thay áo bằng một khăn vải trắng được khoác lên vai từ trái sang phải. Tấm vải trắng mới này được gọi là Pênexo – một khi khoác tấm vải trắng này tức là anh ta đã từ bỏ thế tục. Lúc đó, mọi người gọi anh là Nec, có nghĩa là rông.

Sau khi chứng kiến lễ cạo đầu chiều hôm đó, chúng tôi theo chân cha con ông Thạch Xăng về nhà của họ, ở cách chùa Âng chỉ hơn 1 km, để



Trước ngày lễ chính thức một ngày, người con trai đó sẽ phải vào chùa làm lễ thể phát

tham gia một buổi lễ có tên Bank-Bom-Buôn. Tại buổi lễ Bank-Bom-Buôn, các sư được gia đình mời đến tụng kinh, cúng Tam bảo và thọ giới theo Phật. Tham dự buổi lễ này còn có tất cả bà con dòng họ, bà con lối xóm đến dự rất đông nên đây cũng là dịp để người con trai sắp đi tu như Thạch Tấn gặp gỡ, nói lời chia tay với bà con, bạn bè trước khi đi tu. Dịp này, cũng là cơ hội cho mọi người gửi lời chúc tốt đẹp cho người sắp đi tu. Buổi lễ vì thế diễn ra trong không khí vừa trang nghiêm vừa nhộn nhịp, xôm tụ. Ông Thạch Xăng cho biết một số gia đình có điều kiện còn thuê đội nhạc sống đến thể hiện những bản nhạc truyền thống có tiết tấu sôi động của đồng bào Khmer.

Sáng hôm sau, sau bữa cơm chia tay với gia đình, khoảng hơn 10 giờ những gia đình có con đi tu sẽ hẹn nhau tập trung lại một địa điểm. Những nhóm người của từng gia đình sẽ hòa thành một đoàn người chung đông đúc để cùng diễu hành, đưa con cháu họ đến chùa nhập tu. Đoàn người đông như hội bởi trong đó có bạn bè thân quyến,

họ hàng, người thân, bè bạn của người đi tu. Trong đoàn người có người mang lễ vật, người cầm ô che nắng, kẻ khiêng trống v.v... vừa đi vừa tấu nhạc hết sức vui nhộn.

Khi đến chùa, đoàn người tiếp tục diễu hành vòng quanh chánh điện của chùa ba vòng rồi mới vào trong làm lễ. Ở trong chánh điện, sư cả của chùa sẽ làm thủ tục gọi là Uppachhe - giảng dạy, hỏi và đọc các điều của luật tu hành cho các Nec nghe. Các Nec do đã học bài kinh trước nên đối đáp được tất cả những câu hỏi mang tính thử thách này. Khi được chấp thuận thì Nec mới đi thay xà rồng và khăn trắng bằng áo cà sa để chính thức trở thành các ông lục trong chùa.

Tiếp nối truyền thống báo hiếu mẹ cha.

Một thủ tục quan trọng không thể thiếu trong buổi lễ nhập tu của người thanh niên Khmer là họ phải thọ giới 10 điều của Phật giáo: 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà dâm; 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu; 6. Không ăn ngoài bữa; 7. Không xem múa hát; 8. Không dùng đồ trang sức; 9. Không chiếm ghế cao và giường êm; 10. Không đụng đến vàng bạc. Sau hoàn tất các lễ thọ giới này, người con trai sẽ tiếp tục một cuộc sống tu hành, học đạo kéo dài tiếp.

Ý nghĩa lớn nhất của việc đi tu báo hiếu không phải để người tu trở thành Phật mà để thành người. Theo quan niệm của người Khmer trước kia và bây giờ vẫn vậy, việc tu là chuẩn bị cho người thanh niên có đủ đạo đức, kiến thức, lòng nhân ái để sau khi rời chùa sẽ biết cách xây dựng một cuộc sống tốt đẹp, ý nghĩa. Bởi việc tu học ở chùa, dưới sự chỉ dạy của các vị sư có tâm, có kiến thức là một cơ



Tại chánh điện, vị sư trụ trì sẽ thực hiện nghi thức lễ nhập tu

hội tốt để cho họ có được chữ nghĩa, đạo lý và rèn luyện đức hạnh.

Trước đây thời gian tu báo hiếu thường kéo dài từ một đến vài ba năm. Ngày nay, vì có một số thanh niên do theo học văn hóa chưa kết thúc, hoặc có những gia đình quá khó khăn, thiếu lao động thì con em của họ không có điều kiện đi tu lâu ngày nên luật tu hành cũng không quá khắt khe như xưa nữa. Việc tu báo hiếu bây giờ cứ để người tu tùy duyên gắn bó với nhà chùa, có thể tu vài năm, vài tháng, vài ngày, thậm chí chỉ 24 tiếng đồng hồ. Nhưng nhất định người con trai dân tộc Khmer phải trải qua thời gian tu mới được cộng đồng chấp nhận.

Theo truyền thuyết, nguồn gốc của việc tu báo hiếu của người Khmer xuất phát từ câu chuyện về hai mẹ con người Khmer. Vì chồng mất sớm nên người mẹ trong câu chuyện này phải thay cha làm nghề săn bắt để nuôi con. Là một đứa trẻ thông minh, có lòng nhân từ nên từ nhỏ khi thấy mẹ sát sinh hại vật tội lỗi, Socpenh Kokma - đứa con trai - đã trốn mẹ lên chùa gần nhà để xin được đi tu nhằm phần nào hóa giải tội lỗi giúp mẹ. Khi người mẹ chết, oan hồn của bà đã không bị quỷ dữ hành hạ dù bà đã sát sinh rất nhiều khi còn sống. Bà có được sự may mắn đó chính là nhờ đức độ tu hành của con mình đã giúp bà hóa giải những tội lỗi. Từ đó, câu chuyện cảm động, người con trai Khmer đến tuổi trưởng thành đều đến chùa tu một thời gian để tạo phước báu cho cha mẹ như một cách báo hiếu công sinh thành dưỡng dục.■



Sau lễ cạo tóc, người con trai sắp đi tu sẽ có buổi gặp mặt chia tay với bà con, bạn bè trước khi đi tu

Các nhà chiêm bái THÀNH TÍCH PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

Nhà báo Hoa Cúc (dịch)
theo middle land and middle way
(tiếp theo)

Huien Tsiang (Huyền Trang)

Vị khách hành hương thánh địa đầu tiên, người Trung Quốc theo gương sáng nhà sư Fa Hien tác động, chính là vị sư nổi tiếng tên là Huyền Trang. Nhà sư sanh ra trong một gia đình đạo đức năm 604 sau CN và được phép gia đình cho đi tu khi vẫn còn là một đứa trẻ. Ngay trước khi bước vào tuổi 20 ngài đã rất nổi tiếng về học thức uyên thâm, ở vào tuổi hai mươi sáu ngài đã quyết tâm đến Ấn Độ để sưu tập các kinh Phật giáo để học Pháp từ những đạo sư người Ấn Độ và để viếng thăm những thánh địa. Ngài đã nộp đơn xin phép tại tòa án thuộc địa để được phép rời Trung Hoa vào Ấn Độ, và khi bị từ chối ngài đã quyết định bí mật ra đi. Vào thời điểm ngài đến được vùng biên giới Viễn Tây Trung Quốc, con ngựa của ngài đã chết và hai vị sư đi theo ngài bắt đầu tỏ vẻ nghi ngờ về chuyến hành trình và đã nói đến chuyện quay trở về. Khi quan thị trấn vùng đó nói với Huyền Trang về mảnh đất nằm ở phía trước, tìm ngài xuống sức, hai người bạn đồng hành từ bỏ ngài và ngài lưu lại tại Kwa-chow suốt một tháng trời, tự hỏi xem mình phải làm gì tiếp theo. Thế rồi một lệnh chính thức được gửi tới, thông báo cho quan toàn quyền rằng có một vị sư đang cố rời Trung Quốc và nếu bị phát hiện vị sư đó sẽ bị bắt và gửi trả lại Trung Quốc. Quan toàn quyền tra hỏi Huyền Trang xem có phải nhà sư là con người được nhắc đến trong lệnh bắt hay không và khi nhà sư trả lời là phải, quan toàn quyền lại là một Phật tử mộ đạo nói với nhà sư đầy thất vọng như sau: "Chính vì Đạo Sư là người có khả năng thực hiện dự án đó, vì ngài, tôi sẽ hủy bỏ văn bản. Thế rồi bằng cách này cách khác vị toàn quyền cố gắng ém nhẹm vụ việc. Quan toàn quyền đó thưa với nhà sư, và giờ đây ngài phải vội vã ra đi ngay".

Sau khi vượt qua sa mạc, nhà sư băng qua Tashkent ngày nay ta gọi là Tazakhstan, Bamiyan, Kabul, Peshawar và Lahore là hai quốc gia hiện thời là Afghanistan và Pakistan. Nhà sư thấy Phật giáo rất phát triển tại các địa danh này, và cuối cùng sau khi đã vượt qua biết bao nhiêu khổ cực và nguy hiểm không thể tin nổi, nhà sư đã tới được vùng

Trung Thổ. Nhưng ngay cả sau khi ngài đã viếng thăm các nơi thánh địa, ngài vẫn phải phấn đấu với muôn vàn nguy hiểm. Vào một dịp kia, sau khi đã viếng thăm Ayudhya, chiếc thuyền ngài đang đi xuôi dòng sông đã bị quân cướp tấn công. Chúng kéo thuyền vào bờ và lục lạo hành khách đi trên thuyền hầu tước đoạt của châu báu, quân cướp rất sùng bái một nữ thần Hindu, Durga, và khi nhìn thấy Huyền Trang có nước da đẹp chúng đã quyết định thực hiện tế sống nhà sư cho nữ thần Durga, khi nhà sư phát hiện ra ý đồ của bọn chúng, ngài đã cố gắng thuyết phục bọn chúng đừng thực hiện điều đó như sau: "Nếu cái thân xác đầy ô uế của tôi quả thật thích hợp cho lễ tế các người trừ liệu, quả thật tôi không dám từ chối điều đó. Nhưng vì tôi có ý định đến để kính lễ bức tượng Phật ở thánh địa Bodhi và chiêm ngưỡng ngọn núi Gijjhakūta, và để tìm kiếm xem đặc tính các tập Kinh và lời dạy của Đức Phật, và bởi vì mục tiêu này chưa hoàn thành, nay các vị ân nhân kính mến, nếu các ngài giết thân xác này của tôi, tôi e rằng điều đó sẽ đem lại bất hạnh cho các vị chẳng sai.

Bọn cướp không chú ý đến những lời phân bua của Huyền Trang, và ngay cả lời cầu khẩn thương xót từ những hành khách khác cũng xin tha cho nhà sư. Vì nhà sư rất phù hợp với mục đích, thỉnh linh một cơn gió mạnh thổi lên, làm đổ ngã một số cây gần đó và quét sạch bụi cát. Những tên cướp đầy mê tín coi đó như là một điềm lành, và như vậy Huyền Trang và các hành khách khác được thả tự do, và bớt căng thẳng rất nhiều, họ được phép tiếp tục cuộc hành trình.

Cuối cùng Huyền Trang cũng tới được Nālandā và lưu lại đó trong 5 năm để học hỏi và thuyết pháp (năm 635-640 sau CN) trong suốt thời gian đó ngài đến thăm Bodhi Gayā và thỉnh thoảng cũng đến thăm các phần lãnh thổ Ấn Độ khác nữa. Kiến thức uyên thâm của ngài khiến cho nhiều học sinh và các giáo sư khác kính trọng và quý mến. Cuối cùng khi nhà sư công bố ý định của mình là phải trở về Trung Quốc,



Bức tranh ngài Huyền Trang tại Bảo tàng Nalanda

họ rất xúc động khi nhà sư ra đi. Toàn bộ các vị sư nghe được tin này đồng loạt đến gặp ngài và yêu cầu ngài ở lại. Không thể thuyết phục nổi ngài, các vị sư liền dẫn Huyền Trang đến gặp đạo sư của họ, là Silaghadra, vị này cũng hỏi tại sao ngài lại muốn rời khỏi nơi đây. Huyền Trang đã thẳng thắn trả lời một cách hùng hồn và đầy cảm động như sau:

“Vương quốc này là nơi đã sản sinh ra Đức Phật, ta không thể nào không quý trọng nơi này với niềm kính yêu vô hạn. Ý định duy nhất của Huyền Trang khi từ phương xa tới đây là để viếng thăm những địa danh thánh địa đó và tìm hiểu về chánh Pháp, nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh nơi quê hương của mình. Bạch ngài, chính vì tôi đã tới được nơi đây, các ngài đã chiếu cố đến việc tường trình của tôi là để giải thích kinh Yogacābhūmi và nghiên cứu tỉ mỉ những đoạn còn nghi ngờ. Tôi đã đến thăm và kính lễ tại nhiều địa điểm thánh địa khác nhau thuộc tôn giáo chúng ta và nghe giải thích từ nhiều trường phái khác nhau. Tâm hồn tôi tràn đầy hoan hỷ và cuộc viếng thăm của tôi ở đây, tôi thành khẩn đem lại ích lợi tốt đỉnh, giờ tôi chỉ ước ao được trở lại quê nhà và chuyển dịch kinh điển, đồng thời giải thích cho những người đồng đạo khác tại quê nhà để cũng được hân hoan như vậy. Cùng với chính tôi, khi nghe và am hiểu được những chánh pháp này cũng được hân hoan vui mừng giống như tôi vậy, và chính vì lý do đó, tôi không còn muốn trì hoãn chuyển trở lại quê hương và lưu lại ở đây làm gì nữa”.

Đạo sư Silaghadra quá vui mừng hoan hỷ với câu trả lời này và ra lệnh cho các vị sư giúp đỡ Huyền Trang sửa soạn cho chuyến đi dài trước mắt. Ngài đã tới Ấn Độ trong cảnh cơ hàn và đơn độc một mình,

và giờ đây ngài lên đường trở về nhà mang theo những tập kinh vô giá, cùng với xá lợi của Đức Phật và rất nhiều tượng Phật nữa, thượng lên lưng voi và đám đông gồm bạn bè và những người ngưỡng mộ đã vẫy chào ngài lên đường. Chuyến đi đã không có gì trục trặc xảy ra chỉ trừ cái chết của con voi chuyên chở Huyền Trang, và cũng có một trục trặc trong đó, một số các Kinh Phật gần như bị thất lạc khi vượt qua sông Indus.

Khi đến biên giới Trung Hoa, Huyền Trang phải một sứ giả đi trước tới tòa án để thông báo cho quan toàn quyền là ngài đã trở về. Khi ngài tới tỉnh Loyang, những đám người đông đảo tủa ra cổng thành đón chào nhà sư trở về. Hoàng đế đã quở trách nhẹ nhàng ngài vì đã rời khỏi nước mà không được phép của hoàng đế và rồi được tiếp đãi không giống như bất kỳ nhà sư nào đã được khoản đãi trước đó. Ngài đã rời khỏi đất nước trong vòng mười lăm năm và đã trở lại và mang về sáu trăm năm mươi bảy cuốn Kinh Phật được vận chuyển bằng 20 con ngựa và ngài còn có nhiều câu chuyện hết sức ngạc nhiên để thuật lại về rất nhiều điều ngài đã thấy và nhiều cuộc phưu lưu mạo hiểm ngài đã trải qua. Theo lời yêu cầu của hoàng đế, Huyền Trang đã viết một bài tường trình về chuyến hành hương của ngài một cuốn sách đầy chi tiết và đây những sự kiện vẫn còn lưu truyền cho đến tận ngày hôm nay, đó là một trong những nguồn tư liệu quan trọng về những thông tin liên quan đến vùng Trung Á và Ấn Độ vào thế kỷ thứ VII sau CN, Huyền Trang trải qua cuộc đời còn lại của ngài là dịch những cuốn kinh sách mà ngài đã đem về từ Ấn Độ, toàn bộ có cả thảy 24 tác phẩm và cuối cùng ngài đã an nghỉ bình yên vào năm 664 sau CN.

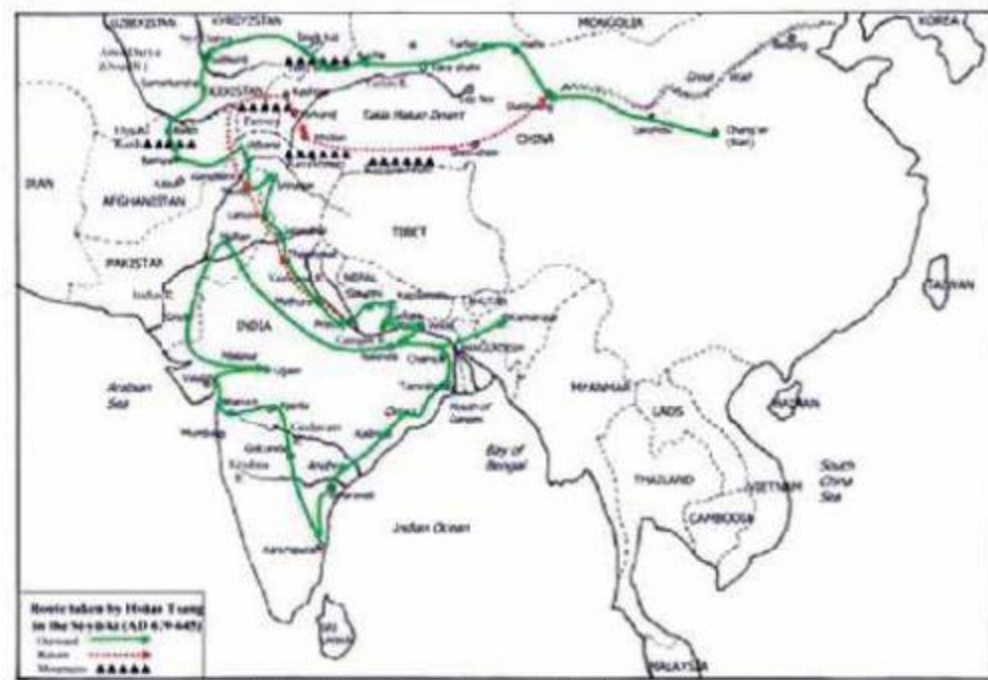
Dharmasvāmin

Rất có thể, vị khách hành hương cuối cùng đến thăm những địa danh thánh địa trước khi những nơi đó bị phá hủy vào thế kỷ thứ XIII, đó chính là Dharmasvāmin. Những Phật tử người Tây Tạng đã đến vùng Trung Thổ để hành hương thánh địa Phật giáo và học hỏi, nghiên cứu trong nhiều thế kỷ nhưng hình như ngài Dharmasvāmin là người duy nhất đã để lại một bản tường trình về chuyến đi của mình. Những chi tiết ngài cung cấp cho người viết tiểu sử của ngài, là một đạo hữu tên là Chosdar. Vừa nhiếp phục được giáo lý Phật giáo, ngài Dharmasvāmin còn học thêm ngành y, điêu khắc và kiến trúc. Người viết tiểu sử cho chúng ta hay ngài có niềm đam mê học hỏi rất lớn đến nỗi ở vào tuổi 17 và 45, ngài đã tự nguyện không rời khỏi bút nghiên. Trước khi rời khỏi Tây Tạng để nghiên cứu bảo tháp Svayambhu tại Nepal, ngài Dharmasvāmin cũng đã nguyện không trở về quê hương cho đến khi nào

cũng thực hiện được một chuyến hành hương đến thánh địa Bodh Gayā. Sau khi kết thúc một khóa nghiên cứu tám năm, ngài tuyên bố những ý định của ngài thực hiện một chuyến du hành đến Ấn Độ. Các nhà sư đồng nghiệp của ngài đã cố gắng khuyên can ngài, nói rằng thực hiện một chuyến đi như vậy quá nguy hiểm đến tính mạng, nhưng thiền sư của ngài lại động viên nói rằng: “Sẽ chẳng có nguy hiểm gì nếu ngài thực hiện chuyến đi sang Ấn Độ. Hai cha con chúng ta (có nghĩa là thiền sư và đồ đệ) sẽ gặp nhau trở lại thôi.

Và chính vì thế, vào năm 1234 sau CN ở tuổi 23, Dharmasvāmin đã lên đường đến vùng Trung Thổ. Lúc bấy giờ toàn bộ vương quốc rơi vào tình trạng rối loạn; những kẻ xâm lăng Hồi giáo đã phá hủy hệ thống chính quyền và chưa thay thế bằng một chính quyền của riêng họ. Những băng nhóm trộm cướp, những binh lính tham lam cướp của phi pháp đã khiến cho những con đường trở nên vắng vẻ, những thị trấn và thành phố trở nên hết sức nguy hiểm. Dharmasvāmin gia nhập một nhóm gồm 300 thương gia, giống như chính ngài có 16 người hướng đến thánh địa Bodh Gayā. Cuối cùng ngài Dharmasvāmin cũng đến được điểm đến, chỉ có hai người trong số họ bỏ trốn để tránh một cuộc tấn công. Ngài quay trở về nước khi nguy hiểm đã qua đi và đã trải qua ba tháng miệt mài hành thiền, bái lễ và đi tham quan các phong cảnh thánh địa và vì có thể nói được tiếng Phạn, ngài được bổ làm thông dịch cho nhóm các nhà sư tham quan.

Sau khi lưu lại thánh địa Bodh Gayā một thời gian, Dharmasvāmin đến thăm thành Rajagaha và sau đó đến thăm Nālandā. Tại thành phố này, ngài đến học tập với một học giả vĩ đại Rāhula Sri Bhadra, vào lúc này ông đã ở vào tuổi chín mươi và đang trụ trì tại một thiền viện lớn trong thành. Nhưng bầu khí học tập yên tĩnh chẳng bao lâu sau đã bị phá hủy hoàn toàn một cách tàn nhẫn. Binh lính đạo Hồi đã bủa vây đại học Odantapuri chỉ cách Nālandā một ngày tiến quân và nay họ đang sử dụng làm căn cứ hậu cần cho những cuộc bố ráp của họ. Một đồ đệ của Rāhula Sri Bhadra đã bị các binh lính đạo hồi bắt giữ nhưng đã xoay sở hồi lộ họ để đưa ra một thông điệp cho thiền sư của mình cảnh báo thiền sư là binh lính đang toan tính tấn công Nālandā. Tất cả các đồ đệ yêu cầu vị thiền sư lớn tuổi Rāhula Sri Bhadra bỏ trốn và khi ông ta từ chối làm như vậy, chính các đồ đệ đã bỏ trốn cả. Bỏ lại một mình vị thiền sư già và Dharmasvāmin. Vị Thiền sư lên tiếng với Dharmasvāmin: “Này hỡi ông bạn người Tây Tạng, nhà người diên hay sao mà không bỏ trốn đi và ở lại với ta làm gì? Toàn bộ cư dân và các đệ tử của ta đã bỏ trốn hết, nếu nhà



Bản đồ hành hương của ngài Huyền Trang

người không đi họ sẽ giết nhà người đó thôi”. Thiền sư đã khiển trách đệ tử như vậy. Dharmasvāmin đáp lại: “Con sẽ không bỏ trốn ngay cả khi con bị giết chết”. Vị thiền sư hài lòng và lên tiếng nói rằng: “Nhà người đã giữ vững lời nguyện và gánh nặng của nhà người quả là to lớn biết chừng nào. Giờ đây nếu ta để cho nhà người mang ta đi liệu nhà người có bỏ đi hay không?” Nếu thầy đi, cả hai chúng ta sẽ bỏ trốn”. Chính vì thế Dharmasvāmin cống hiến sư trên lưng và đi vòng quanh cột đá một vòng thiền sư lên tiếng nói: “Nào chúng ta lên đường đi! Hãy mang theo một giỏ đường nhỏ, một ít gạo và những cuốn sách chúng ta ưa thích, chúng ta sẽ chẳng đi đâu xa được đâu. Ta biết chúng ta sẽ tự bảo vệ mạng sống của chúng ta ra sao”. Họ đến trốn trong một ngôi chùa nhỏ cách xa thiền viện, chính trong khi đó quân lính lục soát thiền viện để kiếm chiến lợi phẩm. Sau đó, hai nhà sư có thể quay trở lại thiền viện, nhưng ở đây cũng như tại các ngôi chùa và thiền viện khác cũng không thể thoát khỏi tàn phá, chỉ còn vấn đề thời gian trước khi kết thúc xảy đến. Sau khi đã tỏa sáng rực rỡ và tỏa chiếu ánh sáng tại Ấn Độ trong suốt một thiên niên kỷ rực rỡ, ánh đèn Phật pháp đang sắp sửa tàn lụi.

Dharmasvāmin đã hoàn tất công việc học hành và cuối cùng bắt đầu sửa soạn quay trở về Tây Tạng. Mắt gần lìa, vị thiền sư cao niên Rāhula Sri Bhadra và yếu đuối lên tiếng với đệ tử của mình rằng: “Người là một vị sư tốt, hãy đi về Tây Tạng, ta đã già rồi, Tây Tạng lại quá xa và chúng ta sẽ chẳng gặp nhau trên cõi đời này được nữa đâu, chúng ta sẽ gặp nhau nơi cõi Sukhavati cực lạc”. Dharmasvāmin trở về Tây Tạng an toàn nhưng không lâu trước đó ngài đã mắc chứng bệnh nan y kéo dài hàng tháng tại Pattata. Ngài qua đời ở tuổi 67 vào năm 1263. Mặc dù ngài chỉ trải qua một thời gian ngắn tại vùng Trung Thổ, tập tiểu sử của Dharmasvāmin rất hấp dẫn vì đã cung cấp cho chúng ta một bản tường trình tận mắt chứng kiến sự kết thúc bi đát của Phật giáo tại Ấn Độ (còn tiếp).■

Cuộc tìm kiếm sự trường sinh bất tử đã được con người tiến hành từ lâu, và câu trả lời được giải đáp từ những cộng đồng tách biệt nhau. Vậy bí quyết sống lâu của họ là gì?

Có cái gì đó khác lạ như có sợi dây liên kết giữa đảo Okinawa xa xôi của Nhật, thành phố nhỏ Ovodda ở vùng núi Sardinian (Italia), Loma Linda của Mỹ, làng nhỏ bé Vilcabamba thuộc miền Nam Ecuador và thung lũng Hunza của miền Bắc Pakistan. Dân chúng sống tại những nơi này trường thọ hơn bất kỳ nơi nào khác trên thế giới.

Đảo Okinawa có dân số khoảng 1 triệu người, trong đó có khoảng 900 người đã tới tuổi bách tuế, nhiều hơn 4 lần so với Anh và Mỹ. Đáng chú ý hơn, Ovodda là nơi duy nhất trên thế giới có số đàn ông và đàn bà sống trên 100 tuổi ngang bằng nhau.

Nhưng điều gây thắc mắc nhất là, mỗi cộng đồng trên đều có sự khác biệt để lý giải về nguyên nhân của sự sống trường thọ. Tại mỗi cộng đồng, các nhà khoa học đã tự khám phá ra những bí mật về sự sống trường thọ đó. Vậy đó là những bí mật gì?

5 nơi con người sống thọ nhất hành tinh

Hưng - Hoàng Cúc
(theo BBC, Forbes)



Okinawa là một quần đảo với hàng trăm đảo nhỏ



ông Augusto 98 tuổi đang đùa giỡn cùng bọn trẻ trong ngôi làng Vilcabamba

1. Okinawa (Nhật)

Có một sự thật là, người dân đảo Okinawa chậm già hơn so với bất kỳ nơi nào khác trên toàn cầu. Bradley Willcox, nhà khoa học về Lão khoa, Giám đốc Trung tâm Y tế, thuộc Đại học Hawaii (Mỹ), chuyên gia nghiên cứu về các hiện tượng lạ thường trên cho biết: "Tính theo lịch, tuổi của họ là 70, nhưng vóc dáng họ trông như người 50. Điều gây ấn tượng nhất là, rất nhiều người trong số họ sống khỏe mạnh cho tới khi chết".

Tìm kiếm nguyên nhân của sự sống trường thọ đặc biệt này của dân Okinawa không phải là dễ nhưng rút cục các nhà khoa học cũng đã tìm ra: Đó là hoóc môn DHEA. Chất này được sản xuất bởi tuyến thượng thận (adrenal glands) và là chất tiền thân (precursor) của cả estrogen và testosterone. Thông thường, hoóc môn DHEA suy giảm theo tuổi, nhưng nó giảm chậm hơn nhiều đối với dân đảo Okinawa.

Giải thích cho điều này, các nhà khoa học đã tập trung chú ý về chế độ ăn uống. Những người Okinawa ăn nhiều đậu phụ và các sản phẩm chế biến từ đậu nành hơn bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Trong thực đơn của họ còn có rất nhiều loại rau củ và trái cây khác nhau đều giàu chất chống oxy hóa. Các nhà khoa học gọi đó là "thực đơn cầu vồng" (rainbow diet). Nhưng có thể những thứ họ không ăn mới là chìa khóa cho

vấn đề trường thọ.

Truyền thống văn hóa đáng chú ý nhất của người dân đảo Okinawa theo tiếng Nhật được gọi là "hara hachi bu", có nghĩa là chỉ được ăn no khoảng 80% dạ dày. Trong một ngày điển hình, họ chỉ tiêu thụ khoảng 1.200 calori, ít hơn 20% so với dân Anh.

Các nhà khoa học gọi đó là sự hạn chế calori (caloric restriction), nhưng cũng không hiểu rõ tại sao lại có kết quả như vậy. Bác sĩ Willcox nhận định: "Chính khả năng tự lừa gạt cơ thể về tình trạng sắp bị bỏ đói đã làm người dân Okinawa trẻ lâu như vậy về phương diện sinh lý. Đó là sự tương phản rõ nét nhất về tập quán văn hóa tiêu thụ thực phẩm đối với các nơi khác trên thế giới".

2. Ovodda (Sardinia, Italia)

Đối lập hoàn toàn với người Okinawa, cư dân Ovodda không chú ý đến lượng calori, thịt luôn luôn có mặt trong thực đơn của họ, và hoàn toàn không có đậu phụ với đậu nành.

Nhưng thành phố nhỏ bé này với dân số khoảng trên 1.700 người đã có tới 5 cụ già 100 tuổi và điều đáng chú ý hơn nữa là, số đàn ông và đàn bà sống tới 100 tuổi ngang bằng nhau.

Các lợi ích trong khẩu phần ăn Địa Trung Hải (Mediterranean diet) đã được nhiều người biết tới nhưng không đủ để giải thích sự kiện nói trên tại Ovodda và các vùng khác trên đảo Sardinia.

Giả thuyết về sự khác biệt gien:

Các nhà nghiên cứu còn nhận xét thấy, ngay cả sau khi đã di cư khỏi đảo vào tuổi 29, 30 và 40 thì các cư dân Sardinia vẫn sống được tới 100 tuổi!

Trong nhiều năm, Giáo sư về Sinh hóa học ở ĐH Sassari (Italia) Luca Deiana đã quan sát từng cụ cao niên tại Sardinia và đã đưa ra một giả thuyết về sự sống trường thọ gây nhiều ngạc nhiên. Trong nhiều thế kỷ, các gia đình tại Ovodda sống biệt lập với thế giới bên ngoài và họ cưới gả con cái cho nhau. Chính các cuộc hôn nhân như vậy đã làm cho người dân sống thọ hơn. Sự giao thoa về gien là lời giải thích duy nhất về những gien đặc biệt liên quan đến sự sống trường thọ.

Giáo sư Deiana đã tìm ra những đặc trưng di truyền khác lạ có thể liên quan đến các cụ cao niên tại Ovodda: "Một gien đặc biệt trên nhiễm sắc thể X dường như có khuyết điểm và không thể sản xuất ra enzym có tên G6PD. Gien này thường gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, nhưng tại Ovodda có thể lại có tác dụng tốt".

3. Loma Linda (California, Mỹ)

Thế mà tại Loma Linda, California, sự trường thọ kỳ diệu của các cư dân thuộc cộng đồng này lại không liên quan gì tới di truyền!

Đối với nhiều người dân Loma Linda, sống lâu là do niềm tin (faith). Một số đáng kể cư dân thành phố theo đạo Seventh Day Adventist.

Các nhà khoa học giải thích, điều này một phần là vì những người theo đạo Adventist không uống rượu, không hút thuốc và ăn theo thực đơn không thịt của nhà thờ. Nhưng không phải tất cả các tín đồ đều làm như vậy và mặc dù thế họ vẫn sống thọ hơn người bình thường.

Tiến sĩ Gary Frase, tại viện Tim quốc tế thuộc Đại học Loma Linda, người chuyên nghiên cứu về cộng đồng trên cho biết: "Một vấn đề được đưa ra là, phải có cái gì đó liên quan đến đời sống tâm linh đã giúp họ sống thọ hơn". Ông nói: "Cho tới nay, chúng ta chưa biết gì về điều trên nhưng có một điều thú vị đã được biết từ hơn 20 năm nay là, những ai đi lễ nhà thờ đều đặn đều sống thọ hơn dù là họ theo dòng đạo nào".

Giáo sư Kerry Morton, làm việc tại Khoa huyết học ung thư, Bệnh viện cấy ghép Morton ở Clearwater Florida, người thực hiện nghiên cứu lâu năm đối với sức khỏe của người theo đạo Adventist cho biết: "Tôn giáo và sự kết nối với một cái gì đó thiêng liêng hay với một cộng đồng tôn giáo bền chặt giúp chuyển biến các phản ứng và các cảm xúc vào niềm tin về một mục đích cao cả rộng lớn hơn. Và nhờ thế cơ thể mới có thể giữ được sự thăng bằng và không bị hủy diệt theo thời gian bởi những tác nhân gây căng thẳng và thương tổn".

4. Vilcabamba (Ecuador)

Vilcabamba là một ngôi làng nhỏ ở phía nam Ecuador, nằm trong một thung lũng, gần như tách biệt với thế giới bên ngoài bởi địa hình cao và hiểm trở. Vì thế, cư dân ở đây được bảo vệ trước những ảnh hưởng của thế giới hiện đại như thức ăn đóng gói và chất bảo quản. Họ sống rất lâu và điều quan trọng nhất là sống khỏe mạnh trong suốt cuộc đời. Các nhà khoa học tìm ra cộng đồng người Vilcabamba từ giữa thế kỷ XX, họ ít mắc bệnh kinh niên, ngay cả với người già.

Một hội nghị quốc tế năm 1978 kết luận, nguyên nhân của việc sống khỏe ngay khi đã già của người Vilcabamba đó là: ít cân nặng, khẩu phần ăn ít cholesterol, hoạt động nhiều.

Người dân Vilcabamba không bao giờ biết đến tập thể dục bởi vì cuộc sống của họ đầy các hoạt động. Hàng ngày, họ leo núi để thu hoạch lương thực, quét dọn, thu hoạch rau và hái lượm quả.

Thật tuyệt vời khi họ coi tuổi già là sự ban tặng của tạo hóa và con người càng được tôn trọng nhiều hơn khi họ về già. Người ta nói rằng, người Vilcabamba còn mong đợi đến tuổi già để họ trưởng thành và phát triển hơn. Cuộc sống của họ tràn ngập những tiếng cười và sự bình dị.

5. Thung lũng Hunza (Pakistan)

Thung lũng Hunza nằm trên vùng cao và đất tốt, người dân ở đây tự cung tự cấp và sống tách biệt với thế giới bên ngoài. Một số người nói rằng, thung lũng Hunza chính là Shangri La (xứ sở hạnh phúc vô tận trong quyển sách "Lost Horizons").

Không ai biết chính xác tuổi thọ của người Hunza. Nếu không quá chú ý đến tuổi thọ, một thực tế thực sự tuyệt vời, đó là người Hunza ngay cả khi đã già, cơ thể vẫn cân đối, đầy sức sống và chưa hề mắc bệnh gì.

Trái ngược với người Vilcabamba, người Hunza không bao giờ mắc bệnh chính là nhờ tập thể dục thường xuyên. Những ngọn núi mà người Hunza sinh sống có địa thế vô cùng hiểm trở, họ phải đi trên những vách núi cheo leo và những đỉnh dốc được cho là còn nguy hiểm hơn cả khu vực nóc nhà thế giới Himalaya.

Chế độ ăn của người Hunza chủ yếu là thực vật và thực phẩm sống. Họ không có nhiên liệu để nấu chín thức ăn, cũng không có nhiều động vật để ăn, vì vậy họ trồng những gì họ có thể và thu thập những phần còn lại. Họ trồng mơ, sơ-ri, nho, mận và đào. Họ cũng ăn nhiều ngũ cốc - lúa mì, lúa mạch và kê.

Trên thực tế, một số nhà nghiên cứu gọi họ là "Những người hạnh phúc nhất thế giới". Người Hunza có một niềm đam mê và sự thưởng thức cuộc sống nhất định - có được nhờ chế độ luyện tập nghiêm ngặt và lối sống đơn giản.

Như vậy, để được sống lâu, sống khỏe và hạnh phúc như người Hunza, chúng ta cần phải tuân thủ 3 điều sau: ăn hoa quả và rau tươi, tập thể dục hàng ngày và sống lạc quan. ■



Thung lũng Hunza

(tiếp theo trang 10)

Nói xong, Người xúc mút chia cho tất cả mọi người có mặt. Hôm đó, Người ngồi nói chuyện, xem diễn văn nghệ quần chúng hơi lâu nên hơi mệt, mồ hôi ướt hai lần áo trên ngực. Bà Nguyễn Đình Chi lấy quạt nan để bên cạnh quạt cho Người. Đến 11 giờ trưa, cán bộ bảo vệ ra nhắc Người nghỉ, Người xin giọng tha thiết:

- Cho mình ngồi nói chuyện thêm 15 phút nữa. Với đồng bào miền Nam mình nói chuyện không mệt đâu! Người cán bộ bảo vệ quay đi, lấy cái đồng hồ đã cài chuông đặt lên bàn và nhắc Người đúng 11 giờ 15 phút, Người nghỉ theo lời đề nghị của cán bộ bảo vệ. Người vừa chào mọi người vừa chống gậy nhẹ nhàng ra về. Lần nào gặp gỡ xong, Người cũng tạm biệt nhẹ nhàng như thế. Có thể tất cả những người đã đến với Hồ Chủ tịch thì không bao giờ muốn từ giã Người cả.

Tôi đã hiểu vì sao Người là một lãnh tụ đã sáng lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam mà người vẫn thu hút được tất cả các thành phần khác trong xã hội về đứng chung quanh mình làm việc lớn cho dân, cho nước.

Do đó, tôi đã hiểu vì sao tôi có thể vượt qua hàng nghìn km đường dày đặc bom đạn để ra thăm thủ đô Hà Nội.

Tất cả những điều tôi kể trên đây chỉ là những phần rất nhỏ của những ý nghĩ chưa thành lời của tôi về Hồ Chủ tịch.

Tôi là một tu sĩ có tham gia hoạt động cách mạng, tôi nguyện suốt đời đi theo con đường yêu nước, yêu dân mà Hồ Chủ tịch đã vạch ra.

Từ lúc mới xuất gia, tôi đã thuộc sự tích này:

"Ngày xưa, trước khi đức Phật nhập niết bàn, Ngài A Nan kính cẩn đến hỏi đức Phật rằng:

- Khi sống, được Thế Tôn là thầy, khi Thế Tôn nhập niết bàn rồi, con biết lấy ai làm Thầy?

Đức Thế Tôn dạy:

- "Nương vào luật làm thầy. Ta ở đời mà các người không thực hành lời dạy của Ta thì coi như Ta đã chết. Nhưng khi Ta nhập niết bàn rồi mà các người vẫn thực hiện lời dạy của Ta thì coi như Ta vẫn còn hiện tại!"

Nhân sự tích này mà tôi liền nghĩ đến: Sau khi Hồ Chủ tịch qua đời rồi sao?

(Theo tư liệu Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo). ■

* Tham khảo

- Bác Hồ với Bình Trị Thiên (Tập 1, Huế 1977)

- Bác Hồ trong lòng dân Huế (hồi ký), Thành ủy Huế 1990.

Sự Khác Biệt Giữa

ĐỨC PHẬT HẠT LỊCH SỬ VÀ HẠT TÔN GIÁO

TTTS. Thích Bửu Chánh
(tiếp theo)

II. ĐỨC PHẬT TÔN GIÁO:

Tôn giáo là gì? Theo giáo sư Rhys Davids thì danh từ Religion (Tôn giáo) không có trong những sinh ngữ không liên quan đến tiếng Anh và căn nguyên của chữ này vẫn còn là bất định. Trong một đoạn, Ciceron phân tách danh từ làm hai phần dẫn xuất từ "Re" và "Logo" và định nghĩa Religion (Tôn giáo) là sự lặp lại nhiều lần những câu kinh, câu chú. Một lời giải thích khác, dẫn xuất từ "Re" và "Logo" chủ trương rằng ý nghĩa đầu tiên là liên kết, trói buộc, sự hàn gắn, dính liền (chắc chắn đó là sự nối liền với thần linh). Lời giải thích thứ ba dẫn xuất từ "Lex" là sự ẩn náu trong luật pháp, là sự thận trọng đặt tâm linh vào trong khuôn khổ.

Tôn giáo là một hệ thống tín ngưỡng tôn sùng lễ bái trung thành với một thần linh siêu nhiên.

Đức Phật tôn giáo là Đức Phật có nhiều thần thông phép lạ, người nào cầu nguyện van xin thì giúp đỡ, người mà vô lễ, tội lỗi thì trừng phạt.

Tại sao có Đức Phật tôn giáo? Đức Phật tôn giáo ra đời có nguồn gốc là do trình độ nhận thức thấp kém, lạc hậu của con người. Bắt nguồn từ tín ngưỡng Tô Tem – tín ngưỡng vật linh, tín ngưỡng đa thần giáo. Con người vì sợ trước những hiện tượng thiên nhiên khắc nghiệt nên xem sấm sét, sông núi là thần, mỗi khi có những hiện tượng thiên nhiên khắc nghiệt thì cầu khẩn, van vái.

Trong dân gian Việt Nam có truyền tụng rằng ông thần Trụ Trời phân chia ra trời đất, sau đó còn có các vị thần khác làm tiếp các công việc:

"Ông đếm cát
Ông tát biển
Ông kể sao
Ông đào sông
Ông trồng cây
Ông xây núi
Ông trụ trời" (Văn học dân gian)

Do trình độ khoa học thời thượng cổ, tổ tiên ta không thể cắt nghĩa được sự vật trên thế gian mà chỉ có thể miêu tả phần nào trong tự nhiên mà thôi, như nói: "Bỗng nhiên một vị thần khổng lồ xuất hiện ..."

Trong truyện Tấm Cám của Văn học Dân gian Việt Nam, Bụt (Phật) xuất hiện như một vị thần linh ban phước lành cho cô Tấm. Khi Tấm mất giỏ cá, Bụt cho Tấm con cá Bống. Khi cá Bống bị mẹ con Cám giết, Bụt hiện ra dạy Tấm hãy nhặt lấy xương cá Bống cho vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường. Lúc Tấm cần xem hội nhưng bị mẹ con Cám bắt lượm thóc, Bụt xuất hiện giúp Tấm, khi không có quần áo đi xem hội, Bụt cũng xuất hiện để cho Tấm áo quần v.v... Bụt trong Tấm Cám phải chăng đó là một Đức Phật tôn giáo có quyền ban phước lành cho Tấm, một cô gái nghèo bị dìm ghẻ và em khác mẹ bạc đãi.

Đức Phật tôn giáo là Đức Phật thần linh, có thần thông phép lạ do quần chúng tín ngưỡng sau này thêm thắt vào. Và quần chúng tín ngưỡng đã chủ quan gán cho Ngài là một vị thần linh, đấng tạo hóa, một vị toàn năng.

Sau này, các đệ tử của Ngài khi viết về Đức Phật

cũng đã thần thánh hóa đời Ngài “Đức Phật ngự đi, hào quang sáu màu rực rỡ”.

Khi bà dì mẫu Gotami mang y dâng cho Đức Phật Ngài từ chối, dạy bà dâng cho Tăng chúng, để bà hoan hỷ Đức Phật đã dùng thần thông giấu bát và cho sa di mới tu là Ajita thấy được (Tỳ kheo Ajita là người nhận y của bà Gotami).

“Đức Ananda vâng lời mang bát đến dâng đức Phật, Đức Thế Tôn cầm bát mà phát nguyện rằng: Tất cả chư đại đệ tử không có vị nào có thể tìm thấy bát này chỉ để một mình vị sa di mới xuất gia Ajita tìm được thôi”, khi nguyện xong Đức Thế Tôn thấy bát lên hư không, bát tự động biến mất.

Trong một đoạn khác tác giả lịch sử Đức Phật Tổ Cổ Đàm viết: “Ngài hóa ra một cái cầu ngọc bắt từ thế giới này đến trăm ngàn thế giới khác, lấy ngọn núi Tu Di làm cột cầu, đó là con đường của Ngài đi kinh hành. Ngài dùng bầu trời đầy trăng, đầy sao làm trần nhà. Đức Thế Tôn liền ngự trên đường kinh hành bằng ngọc ấy và Ngài đi kinh hành. Ngài hiện ra một vị đi kinh hành, một vị vẫn đạo và một vị đáp. Một vị nằm nghỉ, một vị tham thiền, Ngài lại dùng tay rờ mặt trời và mặt trăng, Ngài biến hóa ra nhiều cách khác nhau mà chư đại đệ tử không vị nào có thể hành theo được, như khi Ngài đứng thân hình Ngài chia ra làm hai bên khác nhau: Một bên là lửa, còn một bên là nước, xong thân trên ra nước thân dưới ra lửa, hay một bên có hào quang đỏ, một bên có hào quang xanh v.v...”

“Trong khi ấy hào quang Ngài chiếu sáng khắp sa bà thế giới và thấu đến cõi Phạm Thiên, chư thiên biết được Đức Thế Tôn đã dùng thần thông thắng ngoại đạo nên nhóm nhau lại cõi này kẻ ôm hoa, người kia ôm lọng phướn... để che cho Ngài”.

Đức Phật tôn giáo là đức Phật phần nào mang tính thần thoại do các thể hệ đệ tử và tín đồ sùng kính Phật và thêm vào sau này.

III. Sự khác biệt giữa đức Phật lịch sử và đức Phật tôn giáo

Không cần bàn cãi nhiều, chúng ta thấy rõ ràng sự sai khác giữa đức Phật lịch sử và đức Phật tôn giáo là rất lớn, hai hình ảnh đức Phật hoàn toàn khác nhau.

Đức Phật lịch sử không phải là Thượng đế tạo thế và cứu thế, ai cũng có thể thành Phật nếu tự mình hành trì phạm hạnh giới, định, tuệ. Trước và sau đức Phật Thích Ca đã có nhiều vị Phật ra đời. Trong quả địa cầu này có 5 vị Phật: Trước đức Phật có các vị Phật như: Cù Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni, Kassapa. Sau đức Phật Thích Ca có đức Phật Mettaya (Di Lặc). Đức Phật chủ trương bác bỏ quan niệm siêu hình về một cái nhân ban đầu, ngược lại, cho rằng mọi vật đều do nhân duyên mà thành. Đức

Phật lịch sử không phải là đức Phật mang tính siêu hình.

Đức Phật lịch sử không phải là đức Phật mang tính thần linh, ngược lại đức Phật tôn giáo là đức Phật thần linh có quyền ban phước cho người này người khác. Như truyện Tấm Cám, Phật đã ban hạnh phúc cho Tấm.

Trong toàn bộ kinh tạng Pāli, tuyệt đối không có một đoạn nào đề cập đến sự hiện hữu của một đấng tạo hóa. Nhiều lần đức Phật phủ nhận một linh hồn trường cửu, Ngài tuyệt nhiên không chấp nhận có một đấng tạo hóa bất luận dưới một hình thức, năng lực hay một chúng sanh nào.

Vào thời đức Phật có ba quan điểm về tạo hóa, một trong ba quan điểm ấy là: “Tất cả những cảm giác của con người đều hạnh phúc hay đau khổ đều do một đấng tối cao tạo nên”.

Theo quan điểm trên thì chúng ta tùy thuộc vào đấng tạo hóa quyết định. Đề cập đến vấn đề này đức Phật có dạy: “Như vậy chính do sự tạo hóa của đấng tối cao mà con người trở nên sát nhân, trộm cắp, tà dâm, giả dối, phi báng, bán bổ, nhảm nhí, thèm thuồng, khao khát, hiểm độc, tinh quái và hiểu biết sai lầm. Do đó, nếu chủ trương rằng có một đấng thần linh là nguồn gốc của tất cả những điều ấy thì sẽ không còn có ý chí, hoặc sự cố gắng, cũng không có sự cần thiết để làm hoặc tránh những hành động ấy”.

Trong kinh Devasahasutta, khi nói về lỗi tu khổ hạnh của các vị đạo sĩ lửa thể Nigantha đức Phật đã dạy các đệ tử như sau:

“Này các tỳ kheo, nếu có loài hữu tình do vị tạo hóa ra thọ lãnh những cảm giác lạc khổ, thời này các tỳ kheo các Nigantha thật sự được tạo ra bởi một vị tạo hóa ác độc, vì rằng nay chúng lãnh thọ những cảm giác đau đớn cực kỳ thống khổ như vậy”.

Trong bài kinh Maha Bodhi Jataka Bồ tát phê bình giáo lý của chủ trương rằng mọi việc đều do đấng tối cao tạo nên như sau:

“Nếu có một thần linh toàn quyền ban phước cũng như giáng họa cho tạo vật được chính Ngài tạo ra, và cho chúng có những hành động tốt hay xấu. Thần linh ấy quả thật đầy tội lỗi, con người ấy chỉ thừa hành ý muốn của Ngài”.

Đức Phật lịch sử là đức Phật chỉ dạy con đường thoát khổ và nếu ai đi theo đúng con đường ấy sẽ đoạn tận khổ đau, thành tựu chánh trí, chứng ngộ niết bàn.

“Này các tỳ kheo đây là con đường duy nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ niết bàn” (còn tiếp). ■

Phỏng vấn Hòa thượng Đào Như

Quang Duyên thực hiện



HT. Đào Như (đứng) phát biểu trong dịp Đoàn hệ phái PG Nam Tông Khmer thăm trụ sở GHPGVN



Lời Tòa soạn: Vừa qua tại tỉnh Trà Vinh, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã long trọng tổ chức Hội nghị Chuyên đề về Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V. Dịp này, phóng viên (PV) Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã phỏng vấn Hòa thượng (HT) Đào Như – Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN, phó Viện trưởng kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer tại Cần Thơ về một số vấn đề liên quan đến hội nghị và những hoạt động Phật sự của Phật giáo Nam tông Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

PV Quang Duyên: Xin Hòa thượng vui lòng cho biết mục đích của Hội nghị Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V?

HT. Đào Như: Hội nghị nhằm mục đích thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự hỗ trợ của các cấp Giáo hội về các mặt: giáo dục, văn hóa, tổ chức quản lý, sinh hoạt của chư tăng, tự viện để Phật giáo Nam tông Khmer phát triển đồng bộ về chiều rộng lẫn chiều sâu trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, không chỉ mang tính đặc thù của hệ phái, mà còn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer. Nhiều năm qua, dân tộc Khmer trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, Phật giáo Nam tông (PGNT) Khmer trong 9 hệ phái GHPGVN đã cùng với Tăng Ni, Phật tử cả nước có nhiều hoạt động tích cực để ổn định sinh hoạt Phật giáo.

PV: Kính thưa Hòa thượng, hoạt động giáo dục đào tạo của PGNT Khmer trong thời gian qua như thế nào?

HT. Đào Như: Các chùa chư Tăng PGNT sinh hoạt tu tập, tu học theo giới luật Phật giáo Nam truyền như đức Phật từng chỉ dạy. Việc xây dựng trùng tu chùa được chú trọng, một số chùa ở các tỉnh Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng được Nhà nước xếp hạng là "Di tích Văn hóa Lịch sử cấp Quốc gia". Đặc biệt, ngôi chùa Khmer thường nằm trên khu đất rộng, có nhiều cây sao, cây dầu, cây thốt nốt, có đường nét kiến trúc độc đáo hòa quyện với khung cảnh thiên nhiên, thu hút những đàn chim, đàn cò quây quần tụ họp tạo nên cảnh quan kỳ thú. Đó là đặc thù của các ngôi chùa PGNT Khmer ở Nam bộ. Ngoài ra, chùa còn là nơi duy trì tiếng nói và chữ viết do đó, nhà sư Khmer là trụ cột trong việc vận động con em đồng bào dân tộc Khmer đến học chữ. Đó cũng là góp phần trong việc trồng người của PGNT Khmer. Theo số liệu thống kê của GHPGVN, hiện nay PGNT Khmer có 7.544 vị sư, 462 tự viện. Trong PGNT Khmer, các vị sư phải luôn coi trọng việc giáo dục cho Phật tử, con em trong cộng đồng. Do vậy, vị sư PGNT Khmer là người thầy dạy chữ Pāli, dạy giáo lý, văn hóa, nghề thủ

công và cả đạo đức nhân cách cho các em. Các vị sư còn được gọi là sãi giáo. Cho nên, công bằng mà nói, các vị sư Khmer đã góp phần quan trọng vào việc duy trì, phát triển các giá trị đạo đức xã hội tốt đẹp qua việc lấy chính đạo hạnh và đức độ của mình trong cuộc sống tu tập làm gương cho mọi người. Do vậy, Học viện PGNT Khmer cũng đã được thành lập với cơ sở đặt tại chùa Pôthisomrôn, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ. Sau 4 năm giảng dạy, năm 2011, Học viện đã có 58 tăng sinh tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa I. Các trường trung cấp, sơ cấp Phật học ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, TP Cần Thơ, Vĩnh Long dạy các lớp Pāli, Vini, Anh văn, Tin học, thu hút nhiều tăng ni tham gia. Hiện có 80 chư Tăng PGNT Khmer du học tại Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Myanmar, Campuchia với học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ. Tôi rất vui mừng khi thấy hoạt động giáo dục đã có những bước phát triển vững vàng, tích cực trong việc đào tạo nguồn nhân lực của PGNT Khmer.

PV: *Thưa Hòa thượng, sắp tới, Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc lần thứ VII sẽ diễn ra tại Hà Nội, trong đó, có chương trình tu sửa Hiến chương GHPGVN. Xin Hòa thượng cho biết ý kiến về vấn đề này?*

HT. Đào Như: Việc tu sửa Hiến chương GHPGVN là cần thiết để phù hợp với xu thế đổi mới của đất nước. Chúng tôi đề nghị ban Tu chỉnh Hiến chương quan tâm đến các hệ phái Phật giáo trong đó, có hệ phái PGNT. Về cơ cấu tổ chức trong GHPGVN, tôi nghĩ rằng cần thêm vài điều khoản để bổ sung nâng số lượng những vị giáo phẩm đủ điều kiện vào Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự. Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm đến số lượng trong ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, phân bổ nhân sự trong các Ban, Viện Trung ương GHPGVN để có sự hài hòa giữa các hệ phái Phật giáo. Tôi cũng mong muốn sau Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, đề nghị thành lập các phân ban trực thuộc Ban, Viện Trung ương GHPGVN đối với hệ phái Nam Tông và sớm ra mắt để hoạt động Phật sự có hiệu quả. Đặc biệt, Ban Tăng sự Trung ương, Phân ban đặc trách Ni giới GHPGVN cần quan tâm đến quý cô Tu nữ hệ phái Phật giáo Nam tông về thủ tục hành chánh của GHPGVN cũng như về cơ cấu nhân sự v.v... sao cho phù hợp. Trong thực tế, quý cô Tu nữ Phật giáo Nam Tông hiện đang tu tập ở các chùa, các tự viện ngày càng đông. Cho nên, họ cần được quan tâm nhiều hơn, nhưng trước hết là về thủ tục hành chánh. Tu cũng cần có giấy tờ hợp lệ. Học sinh có thể học sinh. Sinh viên có thể sinh viên. Cán bộ nhà nước có thể công chức. Vậy quý cô tu nữ Phật giáo Nam tông cũng cần có giấy chứng nhận xuất gia cho phải lẽ vậy.

PV: *Xin Hòa thượng vui lòng nói rõ hơn vì sao Hòa thượng đề nghị những điều nói trên trong dịp tu sửa Hiến chương sắp tới?*

HT. Đào Như: Thật ra, tại nhiều hội nghị, hội thảo của GHPGVN, chúng tôi luôn đề đạt tâm tư nguyện vọng của tăng ni Phật giáo Nam Tông. Ai cũng biết, dù là Nam tông Khmer hay Nam tông Kinh thì đều cùng chung một hệ phái Nam Tông trong cùng một nguồn cội Phật giáo Việt Nam. Do vậy, chúng tôi mong muốn có được sự quan tâm của lãnh đạo GHPGVN và Ban Tôn giáo Chính phủ tạo điều kiện giúp đỡ để các hoạt động Phật sự của Phật giáo Nam Tông có hướng phát triển đồng bộ trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ông bà xưa thường nói: "Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn". Những hoàn cảnh chung, những nét giống nhau đã làm nên mối quan hệ ràng buộc, gắn bó, là cơ sở gần gũi, cảm thông cho nhau. Vì cái chung cho con người. Vì cái chung ấy mà mỗi người biết thương yêu đùm bọc, biết nhường nhịn chia sẻ để công việc chung được tốt đẹp, cảnh ngộ chung được cải thiện, hạnh phúc chung được bảo tồn. Không ai có thể sống riêng lẻ, tách biệt, vì tình thương yêu, sự san sẻ làm cho con người gắn bó với nhau hơn. Cuộc sống của mỗi người sẽ tốt đẹp hơn. Đây là câu ca dao Việt Nam mà tôi rất thích khi hồi nhỏ cắp sách tới trường cấp 2. Có thể nói như vậy: Phật giáo Nam tông với nền tảng giáo lý vững chắc, với những đạo đức Phật giáo luôn hướng con người đến những giá trị cao cả, những lời dạy của Đức Phật về vô thường, khổ, vô ngã, từ bi, trí tuệ, hạnh phúc, niết bàn, nhân duyên, nhân quả... đã giúp cho những người dân Khmer ở miền Tây Nam Bộ tìm thấy sự an ủi, sự gắn bó, thân thiết đối với ngôi chùa trong làng xóm và trong lòng họ sự kính ngưỡng dành cho chư Tăng Phật giáo Nam tông như nước sông Cửu Long không bao giờ vơi cạn.

PV: *Xin cảm ơn Hòa thượng đã hoan hỷ dành thời gian trả lời phỏng vấn trên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Kính chúc Hòa thượng thành tựu như nguyện trong mọi hoạt động Phật sự. ■*

Bài học về sự tự thay đổi để tồn tại

Trần Minh Trọng (sưu tầm)

Cuộc đời chim Ưng kéo dài khoảng 70 năm. Nhưng để sống được quãng đời đó, nó phải trải qua một quyết định khó khăn.

Đến 40 năm tuổi, móng vuốt chim Ưng dài ra, mềm đi làm nó không còn bắt và quắp mồi được nữa. Mỏ dài và sắc của nó nay cùn đi, cong lại... Đôi cánh trở nên nặng nề với bộ lông mọc dài làm nó vất vả khi bay lượn, bắt mồi.

Lúc này, nó đứng trước hai sự lựa chọn.

Một là, cứ như vậy và chịu chết.

Hai là, nó sẽ phải tự trải qua một giai đoạn thay đổi đau đớn kéo dài 150 ngày. Trong tiến trình đó, nó bay lên một đỉnh núi đá và gõ mỏ vào đá cho đến khi mỏ cũ gãy rời ra. Chim Ưng chờ cho mỏ mới mọc ra, rồi dùng mỏ bẻ gãy các móng vuốt cũ đã mòn. Khi có móng vuốt mới, nó nhổ các lông già trên mình đi; và sau năm tháng, chim Ưng lại bay lượn chào mừng cuộc tái sinh và sống thêm 30 năm nữa.

Lời bàn: Để tồn tại, chúng ta phải thay đổi chính mình. Đôi khi cần phải loại bỏ những ký ức, quá khứ, thói quen già cỗi. Chỉ khi nào chúng ta thoát khỏi gánh nặng của quá khứ, thì chúng ta mới sống hết mình trong hiện tại được. Việc này chắc chắn rất gian nan, phải sửa chính cái Ta đã bị huân tập từ nhiều kiếp sống và đòi hỏi chúng ta phải vượt lên chính mình.

Đâu là thời điểm của mỗi cá nhân, của từng doanh nghiệp phải thay đổi chính mình trong bối cảnh hiện nay?! ■





Tấm gương yêu nước của **4** nhà sư Phật giáo Nam tông

TT Ths. Danh Lung

Phó ban Văn hoá TW. GHPGVN,
Trưởng Phân ban VHPG Nam tông Khmer

Từ lúc đầu
du nhập
vào Việt

Nam bằng con đường tơ Lụa, Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Nam tông nói riêng luôn thể hiện tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả của đức Phật, tinh thần: Mahā Pariccāga (đại thí: Thí con, thí vợ, thí máu, thí thân, thí mạng), của đức Phật khi Ngài còn là Bồ tát; Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt theo bề dày lịch sử hoằng pháp đồng hành cùng dân tộc.

Lúc đất nước hưng thịnh cũng như lúc suy, Phật giáo luôn gắn liền trách nhiệm của mình đối với đất nước, đối với dân tộc, chư tăng Phật tử thể hiện tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, tinh thần Mahā Pariccāga bằng những hành động cụ thể và thiết thực vào cuộc sống tu hành, rõ nhất là những lúc đất nước lâm nguy, đất nước còn bị chia cắt, người dân không cơm ăn áo mặc, bệnh tật không thuốc men chữa trị, chư Tăng, Phật tử không yên tâm tu hành, chùa chiền thì hoang tàn, đức Phật ở nhiều chùa không ai được vào để dâng hương, hoa quả nên lúc ấy nhiều chư Tăng dù có những ngày không một hạt cơm, một miếng cháo, có những ngày chỉ có cháo buổi sáng mà cũng cố gắng tu hành, hoằng pháp, động viên Phật tử vững chắc tinh thần, tin chắc vào nhân quả rồi vượt qua khó khăn trong cuộc sống, cố gắng giữ chùa, giữ gìn phum sóc và cũng có những vị phải xả thân, xả y cà sa để cùng đồng bào Phật tử đòi lại ruộng đất, từng hạt lúa, hạt cơm để nuôi những người còn lại giữ gìn phum sóc và chư Tăng cố gắng tu giữ chùa, dâng hương tưng kinh, niệm Phật. Đó là Hoà thượng Tăng Phổ (tức là Trần Phổ), cùng với Phật tử, Ban Quản trị chùa Láng Cát chống Pháp và điền chủ cướp đất, phá chùa.

Tháng 6 năm 1894, mật thám Pháp bắt Hoà thượng (HT) đài ra Côn Đảo cùng 22 Phật tử, Ban Quản trị chùa Láng Cát, Kiên Giang. Sau khi HT. Tăng Phổ bị bắt thì HT. Tăng Hô là thị giả thân cận

tiếp tục sự nghiệp của ân sư, mật thám Pháp truy bắt, Hoà thượng lánh về chùa Cù Là cũ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, rồi sau đó Hoà thượng về chùa Giồng Cấm, thuộc tỉnh Hậu Giang ngày nay. Ở đây, được tổ chức Việt Minh giao cho Hoà thượng làm Chủ tịch Hội đồng Kỷ luật Sư sãi khu Tây Nam Bộ (tiền thân của Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước) và là Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam Bộ. Hoà thượng Tăng Hô viên tịch, Hoà thượng Tăng Nê là học trò tiếp tục sự nghiệp và giữ chức vụ của cố Hoà thượng để lại. Cùng thời đó Hoà thượng Sơn Vọng ở chùa Giồng Chuối, tỉnh Trà Vinh, Hoà thượng được bầu vào chức Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (UBTWMTGPMNVN), Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình Thế giới và cố vấn Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Tây Nam Bộ. Đồng thời, cũng có những vị y vàng phước điền của đức Phật còn đắp chéo vai, nhưng không thể chịu nổi khổ bởi nạn chết đói, chết bởi đòn tra tấn, bởi bom đạn... Còn với đường tu hành theo đức Phật để giải thoát thì cũng không thể bỏ được, nên vẫn Y vàng chéo vai lên đường tập kết ra Bắc hy vọng tìm được hạnh phúc cho dân tộc, cho chư Tăng Phật tử, tìm được sự bình yên cho phum sóc, cho quê hương như: Đại đức Danh Chương ở Kiên Giang; Đại đức Châu Ngọc Ánh, Phó Trụ trì chùa Soay Xiêm Cũ, tỉnh Trà Vinh; Đại đức Sơn Vạn Na Ri ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng, Phó Trụ trì chùa Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu ngày nay; Đại đức Lý Xô ở Bạc Liêu; Đại đức Trần Trí ở Trà Vinh. Năm vị đại đức là những chư Tăng Nam bộ, tiêu biểu tập kết ra Bắc và luôn được Bác Hồ quan tâm thương xuyên đến thăm động viên, Bác thăm hỏi chư Tăng, đồng bào Phật tử Nam bộ, Bác biết năm vị là chư Tăng Mahānikāya (Nam Tông Khmer), việc sinh hoạt hằng ngày như ăn uống cũng có những điều khác hơn các Thầy ngoài Bắc, nên sau giờ làm việc Bác thường đến thăm, Bác dành cho từng hộp sữa, gói trà, viên kẹo... để các vị dùng chiều tối có sức học tập. Tinh thần sẵn có cộng với sự động viên của Bác, các vị ấy



sau này đều là cán bộ giúp ích cho xã hội.

Pháp rút đi, Mỹ - Diệm bắt đầu nhảy vào cai trị miền Nam Việt Nam, Phật giáo nói chung, Phật giáo Nam tông (Mahānikāya) nói riêng lại phải hoảng pháp theo kiểu mới, nông thôn và thành thị thường bị chia cắt, chùa nông thôn thường bị nhiều bom đạn, đôi lúc đang hoảng pháp, sinh hoạt lễ hội thì phải xuống hầm tránh đạn, nhiều chư Tăng bị bắt đi lính... do đó, để hoảng pháp, cứu độ chúng sinh thì Phật giáo Nam tông phải chia ra nhiều hệ phái: Theravāda, Mahānikāya, Khemaranikāya, rồi đến Samākum Bhraṣang Sāmaggī Sneahājāti (Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước).

Sau mùa hè đỏ lửa năm 1972, miền Nam Việt Nam lúc nào cũng sôi sục khói lửa bom đạn, chùa chiền nông thôn thì hoang tàn, phum sóc thì vắng lặng; để có đủ quân số, Mỹ ngụy không những bắt con em Phật tử đi lính mà còn bắt chư Tăng phải cởi áo cà sa gởi lại nơi đức Phật rồi theo chúng cầm súng, giết hại nhân dân vô tội. Chư Tăng không cam chịu cảnh gia đình Phật tử người thì mất chồng, người thì mất vợ, người thì mất cha lẫn mẹ, còn phum sóc thì điều hiu, có những chùa lúc nào cũng có tiếng kinh cầu siêu, bầu trời khói bom đạn hòa lẫn với khói hỏa táng nạn nhân... cho nên, lúc này tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, và Mahā Pāraccāgga (Đại thí) cùng tinh thần đại đoàn kết càng hiện lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong mỗi người Phật tử xuất gia và tại gia. Quá khứ Bồ tát Sena Pandita (Bạch Thổ) dùng thân mạng của mình để cứu mạng sống một cụ già, ngày nay, trước cảnh đau thương, chết chóc, tàn phá chùa chiền, bắt sư sãi đi lính của Mỹ ngụy đã có rất nhiều vị noi theo gương cao cả của đức Bồ Tát, chư Tăng Phật tử không sợ súng đạn, cùng nhau đoàn kết thành một khối dưới ngọn cờ lục sắc lên đường biểu tình đòi Mỹ ngụy thả chư Tăng và con em Phật tử, không được lút soát bắn phá chùa chiền, bắt con em Phật tử và chư Tăng đi lính, phải tôn trọng phong tục tập quán, tôn trọng tiếng nói chữ viết, tôn trọng tự do tín ngưỡng... cuộc biểu tình kéo dài và lan rộng hầu hết các tỉnh Nam Bộ, và đỉnh cao là ngày 10 tháng 6

năm 1974, tại tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá), với sự vận động và dẫn đầu của chư Tăng, chư Tăng Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước, hơn hai ngàn vị cùng Phật tử Khmer và một số đồng bào người Kinh người Hoa tham gia biểu tình, bất chấp nắng mưa, bom đạn, hay kẽm gai. Hồi ấy, chư Tăng cao hạ, trung hạ, chư Tăng già trẻ không ai nhắc ai, khlum Y vàng, đeo dèm, cầm dù, cầm Micro phát thanh, cầm băng rôn biểu ngữ: "Phải trả tự do cho các vị sư bị bắt đi quân dịch", "Chấm dứt bắn phá chùa chiền, bắt sư sãi đi lính, giết hại đồng bào vô tội", "Lập lại hoà bình, chấm dứt chiến tranh phi nghĩa", "Tôn trọng tự do - tín ngưỡng, chống chính sách ngu dân, đồng hoá dân tộc" và "Phải thực hiện nhân quyền và bình đẳng mọi mặt"; giới tử, học sinh thì sách nước, cầm dép, Phật tử người sách túi chanh, người sách nước, cầm cây, người đi chợ, người đi ruộng cũng gia nhập đoàn biểu tình, người dân hai bên đường người thì dâng nước, người thì tham gia cùng đoàn chặt kín đường lộ. Còn tín nữ, Phật tử lớn tuổi không ai nhắc ai, người thì bơi xuống, chèo ghe đem cơm nước, vật thực, thuốc men từ các chùa nông thôn để dâng chư Tăng và Phật tử đoàn biểu tình... Trong cuộc biểu tình bảo vệ Phật pháp, bảo vệ dân tộc và bảo vệ chính nghĩa này đã có 4 vị hy sinh là: Đại đức Lâm Hùng, Danh Hoi, Danh Tấp, Danh Hom và 32 vị bị thương, các vị đã hành theo hạnh Bồ tát để đổi lấy sự an vui cho nhân loại, sự bình yên cho đất nước, đổi lấy sự trường tồn cho Phật Pháp. Để phi tang, Mỹ ngụy đã cướp lấy thi hài của 4 vị đưa về nhà xác tỉnh Rạch Giá, đem Y bỏ xuống biển, cho mặt bộ đồ đen, đặt 4 khẩu súng bên 4 thi hài, lãnh đạo đoàn biểu tình đấu tranh mãi mới đem được thi hài của 4 vị về làm tang lễ. Lễ tang của 4 vị sư diễn ra trong mấy ngày đêm lúc đất nước vẫn còn khói lửa chiến tranh, thông tin truyền thông còn nghèo nàn, nhưng hàng chục ngàn lượt Tăng - ni, Phật tử Khmer - Kinh - Hoa trong và ngoài tỉnh đến hộ niệm. Hạnh Mahā Pāraccāgga đại thí của 4 vị cũng như của đoàn biểu tình đã góp phần to lớn cho sự thành công trong công cuộc thống nhất đất nước, hạnh phúc của nhân dân, góp phần to lớn cho sự trường tồn của Phật



pháp. Đức Phật đã từng dạy: “Nhân thiện sẽ trở quả lành. Nhân bất thiện sẽ trở quả dữ”, thật đúng vậy, với tội ác của mình Mỹ ngụy đã sớm tan biến như khói mây, bầu trời sáng chói đã phủ khắp đất nước Việt Nam thân yêu.

Hàng năm cứ đến ngày 10 tháng 6, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Dân tộc tỉnh và các ban ngành trong tỉnh và huyện - thị, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh và các huyện - thị, cùng khoảng trên 1.000 chư Tăng - ni Phật tử Khmer - Kinh - Hoa, học sinh - sinh viên - tăng sinh Kiên Giang, TP. Hồ Chí Minh tề tựu nơi tháp 4 sư liệt sĩ, tưởng niệm và ôn lại truyền thống ngày Mahā Jivita Pāraccāga đại thí mạng, Mahā Anga Pāraccāga đại thí thân, là ngày hy sinh độc nhất vô nhị của Phật giáo nói chung và của chư Tăng - Phật tử Khmer nói riêng trong công cuộc bảo vệ Phật pháp, bảo vệ đất nước và dân tộc.

Năm nay, quang lâm tham dự và chứng minh buổi lễ có sự hiện diện của Trưởng lão Hoà thượng Danh Nhưõng, Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh TW.GHPGVN, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang, Chủ tịch Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh, cùng chư tôn đức thường trực Ban Trị sự, Thường trực Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh và huyện, thị, thành trong tỉnh và khoảng 500 Tăng ni - Phật tử trong tỉnh và TP. Hồ Chí Minh.

Đến dự lễ tưởng niệm về phía chính quyền có ông Nguyễn Thanh Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh uỷ tỉnh Kiên Giang; ông Danh Ngọc Hùng, tỉnh Ủy viên, Trưởng ban Dân tộc tỉnh; ông Nguyễn Hoàng Oanh, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh cùng các cơ quan ban ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thị, thành trong tỉnh với chương trình từ 16 giờ đến 17 giờ 30 gồm: Văn nghệ, giới thiệu thành phần tham dự, diễn văn của ông Bùi Công Đức, Phó Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, Trưởng Ban tổ chức ôn lại truyền thống ngày 10 tháng 6, cảm tưởng của chư Tăng đại diện huyện Giồng Riềng, tặng quà cho 4 gia đình thân nhân của 4 vị sư đã hy sinh và cảm



tạ của Ban tổ chức; buổi tối có khoảng 100 Phật tử đến tụng kinh, sau đó xem văn nghệ.

Hồi ấy, chư Tăng Phật tử ai cũng tự giác, đoàn kết thành một sức mạnh tổng hợp, một tinh thần yêu chuộng hoà bình vững chắc dững mãi mãi, biến những đau thương mất mát bởi đàn áp Phật pháp, bắn phá chùa chiền, bắt sư sãi và con em Phật tử đi lính tham gia chiến tranh phi nghĩa ... thành những hành động, thành hạnh đại thí cao cả của chư Bồ tát, góp phần không nhỏ cho sự thống nhất đất nước, sự bình yên cho nhân dân và góp phần to lớn cho sự trường tồn của Phật pháp. Là một thành viên ngày ấy, ước chi ngày nay và mai sau, mỗi người trong chúng ta, đang sống trong đất nước thanh bình, đang hưởng sự ấm no, hạnh phúc, hưởng sự bình yên an tâm tu hành, tự do sinh hoạt lễ hội tín ngưỡng Tôn giáo, thì tất cả trong chúng ta ai cũng biết trân trọng đúng mức, xứng tầm với sự hy sinh và đại thí cao cả của hàng triệu thân mạng trong quá khứ, rồi biến ngày 10 tháng 6 hằng năm thành ngày giáo dục, bồi dưỡng tinh thần đại đoàn kết, tinh thần yêu chuộng hòa bình, mỗi người chung tay chung sức từ những việc nhỏ nhất như ngày ấy, góp phần bảo vệ và phát huy thành quả của cha ông và các bậc tiền bối đã để lại, được như vậy, chúng ta mới không hổ thẹn với lịch sử, xứng đáng là người hiếu thảo (Katannū Katavedī), là người xứng đáng thọ hưởng thành quả của các bậc hữu ân, và cần nhất là lớp trẻ hiện nay, đang sống trong bối cảnh đất nước đổi mới, hội nhập toàn diện, thách thức xen lẫn với cơ hội, thuận lợi xen lẫn với khó khăn, nhiều mặt trận, nhiều công nghiệp không khói đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến môi trường sống, do đó, người dễ ảnh hưởng nhiều nhất là lớp trẻ, là chủ nhân của đất nước, là chủ nhân của Giáo hội Phật giáo trong tương lai, rất cần và khao khát được sự vun bồi, chăm sóc từ các cấp lãnh đạo, các cấp quản lý và từ xã hội. Đức Phật đã dạy: *"Quả hôm nay là cái nhân của quá khứ. Nhân tốt hôm nay sẽ là quả tốt trong tương lai"*, Bác Hồ cũng đã từng dạy: *"Vì sự nghiệp mười năm trồng cây, Vì sự nghiệp trăm năm trồng người"*. ■

Trí óc, Trái tim và Khí phách

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch HĐQT kiêm CEO Thái Hà Books

Có những cuốn sách tôi đọc một lần và tóm ngay 1 hay vài ý chính. Có những cuốn sách tôi phải đọc nhiều lần, vì mỗi lần đọc lại tôi có thêm các ý mới. Để rồi tôi mang các ý này áp dụng vào các doanh nghiệp mà mình đang điều hành hay làm cổ vấn "*Trí óc, Trái tim và Khí phách*" (Head, Heart and Gut) là một trong những cuốn sách như vậy.

Ngay tên của cuốn sách cũng đã đủ nói lên những gì các tác giả muốn truyền tải và những gì người đọc cuốn sách muốn tìm kiếm. Đúng như bạn đang nghĩ, cuốn sách cung cấp cho bạn những gì các nhà lãnh đạo, các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang rất cần và thiếu. Bạn đọc cuốn sách và sẽ học được những tinh túy của Coca Cola và Bank of America, từ Nike và Novartis, của Mitshubishi và Washington Mutual, từ Del và Citigroup, của Unilever và Time Warner,... Bạn được các tác giả đây trải nghiệm và thành công chặt lọc giúp những tinh túy từ những tập đoàn hàng đầu thế giới. Việc duy nhất của bạn là ứng dụng!

Hơn 400 trang sách không phải là nhiều đối với ngay cả những nhà lãnh đạo quá bận rộn và những ai lười đọc sách. Tôi biết rằng khi bạn cầm cuốn sách này bạn sẽ ngay lập tức bị cuốn hút bởi cách viết, cách phân tích, bởi các ví dụ và minh họa sống động. Và quan trọng hơn cả, qua các câu chuyện, bạn sẽ thấy chính mình và doanh nghiệp (hay cơ quan) của mình như hiện lên trong tấm gương sáng trước mặt bạn. Ngay lập tức, bạn biết mình cần phải làm gì. Ngay bây giờ!

Tôi chân thành khuyên bạn: Khi đọc cuốn sách này nên có bút và sổ bên cạnh. Hoặc máy tính xách tay hay Ipad cũng tốt. Hãy ghi ngay ra những việc bạn cần làm cho chính mình và cơ quan mình. Khi đọc những dòng của "*Trí óc, Trái tim và Khí phách*", tôi đảm bảo bạn sẽ thấy một loạt các việc cần phải làm và sẽ làm ngay lập tức (còn nếu bạn không quyết làm ngay, tôi cam đoan bạn sẽ tiếc hay thậm chí ân hận ngay sau vài tháng, thậm chí vài ngày sau!)

Nếu bạn muốn trở thành nhà lãnh đạo toàn diện hay có sức mạnh thật sự, nếu bạn muốn có sự phát triển (chứ không chỉ tăng trưởng) và điều hành công việc nhẹ nhàng hơn, nếu bạn muốn tự đổi mới và tăng thêm kỳ vọng hãy đọc cuốn sách quý này. Đọc "*Trí óc, Trái tim và Khí phách*" bạn sẽ biết cách phát triển phong cách lãnh đạo của mình theo phương pháp bắt rễ và hội nhập, biết tạo ra cho chính mình quan điểm

mới và sáng tạo, biết vẽ lại những đường ranh giới với những phương diện và chiều khác nhau: bên trong và bên ngoài, thẳng đứng và nằm ngang, địa lý và cá nhân, cố định và di động.

Nếu bạn thật sự muốn mọi thứ được hoàn thành, mọi việc được kiểm soát, muốn phát triển và kết nối một quan điểm, muốn cân bằng giữa nhu cầu của người lao động và những đòi hỏi của doanh nghiệp, muốn thực sự triển khai những giải pháp tích hợp thông qua sự tin tưởng, hãy dành chút thời gian để đọc "*Trí óc, Trái tim và Khí phách*". Tôi biết rằng khi đọc rồi, bạn sẽ vượt qua sự lạc hướng của cá nhân bạn, khi làm việc với bất cứ ai quanh mình, sẽ đối mặt nhẹ nhàng với mọi rủi ro khi có rất ít hoặc không có dữ liệu, sẽ có cách riêng để khuyến khích người khác tin vào bản năng và khả năng của họ, bạn có thể phát triển kỹ năng lãnh đạo riêng biệt trong thế kỷ XXI cao tốc và đầy thách thức này.

Trong lần đọc lại lần thứ 3 của cuốn "*Trí óc, Trái tim và Khí phách*" tôi khá ấn tượng với câu chuyện liên quan đến Collin Powell – người đàn ông được ngợi ca vì những nguyên tắc của mình với Tổng thống George W Bush. Từ câu chuyện ngắn và ý nghĩa này, tôi đã học được và áp dụng tốt vào công việc và cuộc sống của chính mình.

Tôi biết rằng, cùng với những cuốn sách trước đây như "*Tuần làm việc 4 giờ*", "*Khách hàng chưa phải là thượng đế*", "*7 quyết định làm nên thành công*", "*Người nam châm*", "*Năng đoạn kim cương*", "*Những nguyên tắc thành công*", "*Đàm phán giải phóng con tin*", "*Think and grow rich – 13 nguyên tắc nghĩ giàu làm giàu*", "*Lãnh đạo tinh thức*", "*Phụng sự để dẫn đầu*", các nhà lãnh đạo đã có trong tay những cuốn sách giá trị, được chọn lọc và có tính ứng dụng cao để đưa doanh nghiệp của mình bước sang 1 trang mới – turning point của chính mình. Quả thật là ứng dụng trí tuệ cổ xưa, áp dụng tinh hoa nhân loại vào quản trị kinh doanh và cuộc sống rất là quan trọng và cần thiết, nhất là khi kinh tế đang khủng hoảng như hiện nay.

Hãy cùng nhau dùng Trí óc, Trái tim và Khí phách của doanh nhân Việt, của người Việt để dẫn đầu, để toả sáng thông qua phụng sự! ■



Đức Phật

là bậc Nhất Thiết Trí

TTTS. Giác Dũng
(tiếp theo & hết)

I.2. Kinh luật Hán văn

I.2.1. Trường A hàm kinh, Kinh 1: kinh Đại bản

Nội dung kinh này: đức Phật nói về chư Phật quá khứ. Có một đoạn nói về đức Phật Tỳ-bà-thi như sau:

*"Đấng Lưỡng túc khi sinh,
Hai suối tự tuôn ra,
Để cúng Bồ-tát dùng;
Biến nhãn tầm sạch sẽ.
Hai suối tự tuôn ra,
Nước suối rất trong sạch;
Một ấm, một lạnh mát,
Tầm đấng Nhất thiết trí."* [15].

I.2.2. Trung A-hàm kinh, kinh 62: Kinh Tân-tì-sa-la vương nghinh Phật

Bấy giờ, trong hội chúng của đức Phật, dân chúng nước Ma-kiệt-đà cho rằng ngài Uất-tỳ-la Ca-diếp là bậc đại tôn sư, là A-la-hán và tự hỏi: Không biết đức Phật theo ngài Uất-tỳ-la Ca-diếp học phạm hạnh hay ngài Uất-tỳ-la Ca-diếp theo đức Phật học phạm hạnh. Biết được tâm niệm của dân chúng nước Ma-kiệt-đà, đức Phật dạy ngài Ca-diếp (lúc bấy giờ đang ngồi trong hội chúng) hãy hiện như ý túc cho hội chúng được vui lòng và tin tưởng. Vâng lời dạy của đức Phật, ngài Ca-diếp liền biến mất khỏi chỗ đang ngồi, bay lên hư không, trong cùng một thân vừa phát ra lửa, vừa phun ra nước. Sau khi thể hiện như ý túc, ngài Ca-diếp đánh lễ dưới chân đức Phật và thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con. Con là đệ tử của Phật. Phật thành tựu Nhất thiết trí. Con không có Nhất thiết trí".

Đức Thế Tôn bảo:

"Thật vậy, Ca-diếp, thật vậy, Ca-diếp! Ta có Nhất thiết trí. Ông không có Nhất thiết trí". [16].

I.2.3. Tạp A-hàm kinh, kinh 604: A-dục vương nhân duyên

Kinh ghi lại ý nghĩa cây Bồ-đề như sau:

*"Cây Như Lai y cứ
Gọi là cây Bồ-đề
Tại đó thành Chánh giác
Đầy đủ Nhất thiết trí."* [17].

I.2.4. Tạp A-hàm kinh, kinh 641: A-dục vương thí bán A-ma-lặc quả nhân duyên kinh

Nội dung kinh này nói việc vua A-dục thành tâm đem tất cả của báu cúng dường Tam bảo, đặc biệt, là chùa Kê Tước do nhà vua xây dựng thêm. Trước khi chết, vua chấp tay làm lễ cảm niệm ân đức chư Phật rồi làm bài kệ:

*"Nay, Diêm Phù đề này,
Nhiều trân bảo trang sức;
Cúng cho ruộng phước lành,
Tự nhiên được quả báo.
Đem công đức bố thí này,
Chẳng cầu Thiên đế Thích;
Phạm vương cùng nhân chủ,
Các diệu lạc thế giới.
Những quả báo như vậy,
Tôi đều không thụ dụng,
Nhờ công đức thí này,
Mà mau thành Phật đạo.
Nơi tôn ngưỡng cho đời,
Thành được Nhất thiết trí;
Làm bạn lành thế gian,
Là Đạo sư bậc nhất."* [18]

I.2.5. Tạp A-hàm kinh, kinh 1207: Thi-lợi-

sa-giá-la

Ma Ba-tuần muốn gây chướng nạn cho tỳ kheo ni Thi-lợi-sa-giá-la nên hóa hiện thành thanh niên khôi ngô tuấn tú, đến chỗ của vị tỳ kheo ni đó và hỏi rằng "Cô thích đạo giáo nào?". Tỳ kheo ni Thi-lợi-sa-giá-la dùng kệ trả lời:

*"Các đạo ngoài Pháp này,
Bị các kiến trói buộc.
Bị các kiến trói rồi,
Thường bị ma khống chế.
Nếu sanh nhà họ Thích,
Không ai bằng Đại Sư;
Hay dẹp các ma oán,
Không bị chúng chế phục.
Thanh tịnh thoát tất cả,
Đạo nhãn quan sát khắp;
Trí Nhất thiết ắt biết..." [19].*

I.2.6. Tăng nhất A-hàm kinh, phẩm Cao tràng 24, kinh số 5

Sau khi thành đạo, đức Phật trong bảy ngày nhìn chăm chú vào cây Bồ đề rồi nói bài kệ này:

*"Chỗ Ta ngồi nay đây
Trải qua khổ sanh tử.
Nắm chặt búa trí huệ
Chặt đứt rễ gai nhọn.
Thiên vương đến nơi đây,
Cùng các ma, quyến thuộc.
Hàng phục bằng phương tiện,
Khiến đội mũ giải thoát.
Nay ở dưới cây này,
Ngồi trên tòa kim cương,
Chúng đảnh huệ vô ngại,
Thành tựu Nhất thiết trí..." [20].*

I.2.7. Ngũ phần luật

Sau khi thành đạo, đức Phật đi tới vườn Lộc uyển để thuyết pháp cho năm vị tỳ kheo cùng tu với ngài trước kia. Trên đường đi, một người ngoại đạo tên Ưu-ba-kỳ-bà đã hỏi đức Phật tu theo đạo nào, ai là bậc đạo sư của ngài, v.v... đức Phật trả lời như sau:

*"Nhất thiết trí trên hết,
Không phiền, không ô nhiễm,
Ta tu không nhờ thầy
Tự nhiên đạt thánh đạo..." [21].*

I.2.8. Ma-ha tăng kỳ luật

Ma-ha tăng kỳ luật định nghĩa Phật như sau: "Phật (Thế tôn) là bậc Nhất thiết trí, bậc Nhất thiết kiến..." [22].

I.2.9. Tứ phần luật

Sau khi thành đạo, đức Phật đi tới vườn Lộc uyển

để thuyết pháp cho 5 vị tỳ kheo cùng tu với ngài trước kia. Trên đường đi, một người ngoại đạo tên Ưu-đà-da đã hỏi đức Phật tu theo đạo nào, ai là bậc đạo sư của ngài, v.v... đức Phật trả lời như sau:

"Nhất thiết trí trên hết,..." [23]

I.2.10. Thập tụng luật

Ngài A-nan tán thán công đức của đức Phật như sau:

"Đức Phật có niệm, định, trí tuệ, giải thoát tri kiến, đại từ, đại bi, Nhất thiết trí... như thế." [24]

11. Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ luật [25]

Ngài Xá-lợi-phất nói: "Đức Thế tôn là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến..." [26].

Qua các đoạn văn tiêu biểu (dĩ nhiên còn nhiều) vừa được trích dẫn ở trên, chúng ta có thể kết luận: Kinh điển A-hàm khẳng định đức Phật là bậc Nhất thiết trí. Về mặt bộ phái: Thượng tọa bộ, Pháp tạng bộ, Hóa địa bộ, Thuyết nhất thiết hữu bộ, Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ, Đại chúng bộ, tuy bộ phái, truyền thừa khác nhau nhưng đều ghi nhận như nhau: "Đức Phật là bậc Nhất thiết trí".

Trên đây đã trích dẫn các đoạn văn khẳng định đức Phật là bậc Nhất thiết trí trong kinh điển A-hàm. Tiếp theo, người viết sẽ trình bày nội dung Nhất thiết trí của đức Phật.

II. NỘI DUNG CỦA NHẤT THIẾT TRÍ

Nội dung của Nhất thiết trí được đức Phật trình bày rất rõ trong bài kinh số 71 của kinh Trung bộ với tựa đề Kinh dạy Vacchagotta về Tam Minh. Nhìn tựa đề: "Kinh dạy Vacchagotta về Tam Minh", chúng ta biết ngay nội dung kinh này đức Phật dạy về Ba minh (Tam minh) chứ không phải phủ định Nhất thiết trí. Tôi sẽ trích dẫn hai phần chính: Nguyên nhân đưa đến lời dạy của đức Phật và lời dạy chính của đức Phật.

Phần một: Du sĩ ngoại đạo tên là Vaccha đã hỏi đức Phật như sau:

"-- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhứt thiết trí, là bậc Nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhứt thiết trí, là bậc Nhứt thiết kiến. Ngài tự

cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại liên tục". Bạch Thế Tôn, những vị ấy nói về Thế Tôn có đúng với điều đã được nói, những vị ấy không vu khống Thế Tôn với điều không thực, nhưng đã giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách?" [27].

Trước hết, chúng ta phải biết rằng khái niệm "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục" là nội dung Nhất thiết trí của Nigantha Nataputta (Ni-kiền-đà Nhã-đề-tử), tổ sư của Kỳ-na giáo [28]. Như vậy, câu hỏi của Vaccha không phải là dạng câu hỏi có không, không phải câu hỏi "Đức Phật có phải là bậc Nhất thiết trí không?". Không phải. Câu hỏi của Vaccha thuộc dạng tìm hiểu nội dung Nhất thiết trí của đức Phật. Nói cách khác, Vaccha muốn hỏi: "Nhất thiết trí của đức Phật có phải là Nhất thiết trí của Nigantha Nataputta có nghĩa là: Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục không?". Phải hiểu như thế. Chính để trả lời câu hỏi được hiểu theo dạng thức thứ hai này nên đức Phật mới trả lời câu kế tiếp về nội dung Ba minh.

Phần hai: Câu trả lời của đức Phật:

"-- Này Vaccha, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc Nhất thiết trí, là bậc Nhất thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn. Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Thì đây là họ nói về Ta không đúng với điều đã được nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy".

Câu trả lời này của đức Phật phải được hiểu rằng "Ai nói rằng Nhất thiết trí của Như Lai là "Khi Ta đi,... liên tục", người đó không nói đúng sự thật. Trong đây không có một lời phủ định nào hết. Nếu như đức Phật phủ định Nhất thiết trí thì Ngài chỉ cần trả lời "Như Lai không phải là bậc Nhất thiết trí", và nội dung kinh chấm dứt ở đây. Không phải thế. Vaccha đã đem nội dung Nhất thiết trí của ngoại đạo gán chép cho Nhất thiết trí của Ngài nên ngài phủ định sự gán ghép đó và Ngài

trình bày rõ nội dung Nhất thiết trí của Ngài ở phần kế tiếp.

Vaccha lại hỏi:

"-- Phải giải thích như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng con mới nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, chúng con không vu khống Thế Tôn với điều không thực, chúng con mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách?"

Đức Phật lại trả lời. Đây là nội dung chính của kinh.

"-- Ông phải giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh (tevijja), thì này Vaccha, Ông mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách".

Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta sẽ nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Ta nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này". Như vậy, Ta với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết

của chúng sanh. Ta tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp để kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Và với sự giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh" này Vaccha, người ấy mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách" [29].

Như vậy, nội dung toàn bộ bài kinh vừa được trích dẫn ở trên không phải phủ định Nhất thiết trí của đức Phật mà là giải thích Nhất thiết trí của đức Phật là Ba minh. Hiểu như thế mới phù hợp với tất cả những lời dạy trong kinh điển A-hàm mà người viết đã trích dẫn ở phần I, và hiểu như thế mới phù hợp với lời dạy của đức Phật trong Kinh Bản sanh quyển I, phần II: Nhân duyên gần (avidūre-nidāna). Hiểu như thế mới thấy được sự phát triển có tính truyền thống, liên tục từ Phật giáo Nguyên thủy tới Phật giáo Đại thừa. Nói cách khác, nhận định "Đức Phật là bậc Nhất thiết trí" không phải là tư tưởng đặc thù của kinh điển Đại thừa Phật giáo mà đã có từ thời kinh điển A-hàm, và khi nghiên cứu kinh điển A-hàm, các nhà nghiên cứu Phật học cũng có cùng một nhận định như nhau: "Đức Phật là bậc Nhất thiết trí" [30].

Ngược lại, nếu cho rằng nội dung "Kinh dạy Vacchagotta về Tam Minh" là đức Phật phủ định Nhất thiết trí, thì giải thích như thế nào về sự khẳng định đức Phật là bậc Nhất thiết trí trong kinh điển A-hàm như người viết trích dẫn một số đoạn tiêu biểu ở phần I và giải thích như thế nào những ghi chép của kinh điển Đại thừa Phật giáo: Đức Phật là bậc Nhất thiết trí?

Mùa Phật đản 2632, Phương ngoại am. ■

* Chú thích:

[15] Trường A hàm kinh, Đại 1, 4c16-19. Bản dịch Việt văn của Thầy Tuệ Sỹ, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/Truong_A_ham/Tr_002.htm

[16] Trung A-hàm kinh, Đại 1, tr. 497c28-

498a2. Bản dịch Việt văn của Thầy Tuệ Sỹ, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/aham_Trung/trung_00.htm

[17] Tạp A-hàm kinh, Đại 2, tr. 168c22-23. Bản dịch Việt văn của Thầy Đức Thắng, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/tapa-ham/tap23.htm#_ftnref44

[18] Tạp A-hàm kinh, Đại 2, tr. 181a24-b2. Bản dịch Việt văn của Thầy Đức Thắng, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/tapa-ham/tap25.htm#_ftn2

[19] Tạp A-hàm kinh, Đại 2, tr. 329a10-15. Bản dịch Việt văn của Thầy Đức Thắng, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/tapa-ham/tap45.htm#_1207

[20] Tăng nhất A-hàm kinh, Đại 2, tr.618b21-26. Bản dịch Việt văn của Thầy Đức Thắng, đăng trên: http://www.phatviet.com/dichthuat/kinhtang/tang-nhat/tang_024.htm

[21] Ngũ phần luật, Đại 22, 104a25-26. Đoạn này có nội dung tương đương với đoạn trong Kinh Trung bộ, Kinh Thánh cầu số 26 và Luật tạng Pāi đã trích dẫn ở trên. Xin xem trang 2 của tiểu luận này.

[22] Ma-ha tăng kỳ luật, Đại 22, tr.367b22.

[23] Tứ phần luật, Đại 22, 787c1. Bản dịch tiếng Việt của HT. Thích Đồng Minh, đăng trên <http://www.thuvienhoasen.org/tuphanluat-tangsus-01.htm>.

Đoạn này có nội dung tương đương với đoạn trong Kinh Trung bộ, Kinh Thánh cầu số 26 và Luật tạng Pāli cùng Ngũ phần luật đã trích dẫn ở trên. Xin xem trang 2, trang 10 của tiểu luận này.

[24] Thập tụng luật, Đại 23, 99b1-2; 187c26-28.

[25] Luật tạng của bộ phái này không có kết tập thành một bộ có hình thức như Tứ phần luật hay Ngũ phần luật, ngược lại chia ra thành từng phần khác nhau và có tên gọi khác nhau như Căn-bản-thuyết-nhất-thiết-hữu-bộ tỉ-nại-da hay Căn-bản-thuyết-nhất-thiết-hữu-bộ Tỉ-nại-da được sự v.v... Ở đây xin gọi chung tất cả những phần này là Căn-bản-thuyết-nhất-thiết-hữu-bộ luật.

[26] Căn-bản-thuyết-nhất-thiết-hữu-bộ luật, Đại 23, tr.650b12-13; tr.651a21-22.

[27] Kinh dạy Vacchagotta về Tam Minh số 71, Kinh Trung bộ, HT. Thích Minh Châu dịch, nguồn: <http://www.thuvienhoasen.org/u-trung71.htm>

[28] Xin xem Tiểu kinh Khổ uẩn số 14, Kinh Trung bộ, HT. Thích Minh Châu dịch, nguồn: như trên.

[29] Xin xem chú thích số 29 ở trên.

[30] Xin xem: Wakahara (1985, tr.52-78); Kawasaki (1985, tr.187-203). Kawasaki (1985, tr.187-203): Kawasaki Shinjo: Sabbaññū Buddhism and Its Relation to Other Religions Essays in Honour of Dr. Shozen Kumoi on His Seventieth Birthday.

Sáu phép lục hòa

Thích Nguyên An

(Cảm tác nhân mùa an cư kiết hạ 2012)

Nhớ xưa Đức Phật Thích Ca
Ngài còn tại thế chế ra Lục hòa
Một là thân ở chung nhà
Hai là miệng nói nhu hòa để thương
Ba là ý phải cùng nương
Bốn là giới luật chính phương tu hành
Năm là thấy hướng pháp lành
Sáu là lợi dưỡng cùng dành cho nhau
Mấy ngàn năm đã trôi mau
Sáu phép hòa kính một màu như xưa
Thiền môn thanh tịnh sớm trưa
Cũng nhờ sáu phép từ xưa ấy mà
Thiền nam tín nữ một nhà
Nương vào sáu phép để mà tu thân
Tu cho dứt hết nghiệp trần
Bước lên bờ giác thoát vòng trầm luân.

Thầy là sư giả Như Lai

Mai Xuân Hiến

Hằng tuần con đến Phố Minh,
Tịnh tu an lạc nghe kinh hành thiền.
Phúc thay! Phật tử hữu duyên,
Nơi đây luôn có thầy truyền Pháp tu,
Mỗi kỳ Chủ nhật tịnh tu,
Đông đảo Phật tử công phu thực hành.
“Á Rá Hăng – Phật Trọn Lành”
Nhìn ai thấy cũng tịnh thanh cõi lòng.
Vì lẽ ấy con hằng mong,
Sớm đến Chủ nhật vợ chồng cùng đi.
Đạo tràng ai cũng nhớ ghi,
Một ngày tu tập không gì quý hơn.
Chúng con tạc dạ biết ơn,
Hòa thượng viện chủ tạo nhưn phước lành.



Quá trình phục hoạt Giáo đoàn Tỳ kheo Ni ở Tích Lan(*)

Hema Goonatilake
Việt dịch: Trần Như Mai
(tiếp theo & hết)

Hằng năm, họ trải qua một mùa An cư kiết hạ và một Lễ dâng Y được tổ chức để đánh dấu kết thúc mùa an cư. Những thủ tục giới luật đó phải được hướng dẫn trong một giới tràng cách ly (sima malaka) được xây đặc biệt dành riêng cho việc hành trì giới luật tu viện. Đã có 8 giới tràng được xây dựng gắn liền với các ni viện ở nhiều địa điểm khác nhau trong nước. Các giới tràng được xây dựng với mục đích để cho các tỳ kheo ni sống trong các khu vực lân cận có thể đến họp mặt và tụng giới bốn tỳ Kheo Ni hai tuần một lần. Những Tỳ kheo ni chưa có giới tràng sẽ sử dụng giới tràng đã có sẵn ở những tu viện của chư Tăng lân cận, với sự cho phép của chư Tăng. Một trung tâm Huấn luyện Tỳ kheo Ni khác đã được thiết lập trong một đại tông lâm ở Newgala, Galigamuwa thuộc quận Kegalla do một trưởng lão Tỳ kheo, người đã xây một chùa sư nữ đầu tiên cách 41 năm về trước để tưởng niệm thân mẫu của sư. Những nhóm ni chúng trong 18 chùa

của tu nữ hoạt động dưới sự hướng dẫn của vị sư này đã được huấn luyện giới luật Tỳ kheo ni. Nhóm 15 tu nữ đầu tiên được thọ đại giới trong một buổi lễ được tổ chức tại tu viện Phật Quang Sơn ở Đài Loan vào tháng tư năm 2000. Hai năm sau, một nhóm thứ hai gồm 15 tu nữ được truyền đại giới do các Tỳ kheo ni đã được thọ đại giới tại giới đàn Phật Quang Sơn thực hiện. Ngày nay, có tổng cộng hơn 400 Tỳ kheo ni đã thọ đại giới ở Tích Lan. Nhiều tu nữ từ Ấn Độ, Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Hoa Kỳ, và Cộng Hoà Czech đã thọ đại giới ở Tích Lan trong 5 năm qua. Việc thọ đại giới của một vị Tỳ kheo ni duy nhất ở Thái Lan là Ni sư Dhammananda (trước đây là giáo sư Chatusumarn Kabilsingh thuộc Đại học Thammasat) đã được phổ biến rộng rãi trong quần chúng và vẫn còn bị chỉ trích rất nhiều. Những nhiệm vụ mới do Tỳ kheo Ni thực hiện có một số nhiệm vụ mà các tu nữ không được thực hiện trước khi thọ đại giới. Điều này bao gồm: thứ nhất, thọ nhận sanghika dana, phẩm vật cúng dường được dâng cho một nhóm từ năm vị (hoặc nhiều hơn) thành viên của Tăng già (Tỳ kheo hoặc Tỳ kheo ni), mà người ta tin rằng sẽ ban nhiều công đức hơn cho người cúng dường; thứ hai, thực hiện các nghi thức tang lễ. Những nhiệm vụ mới này do các Tỳ kheo ni phụ trách. Thực hiện các nghi thức tang lễ có lẽ là những chức năng tôn giáo

Chùa Kiều Đàm Di Vaishali, Ấn Độ

được kính trọng nhất của Tăng già. Trong những ngôi làng không có chư Tăng hay những nơi mà chư ni được ưa chuộng hơn chư Tăng do những công tác họ đã phục vụ cộng đồng, các Tỳ kheo ni được mời đến thực hiện những nghi thức tang lễ. Cũng có một vài trường hợp hiếm hoi khi cả Tỳ kheo Tăng lẫn Tỳ kheo ni cùng được mời tham dự các tang lễ. Họ được mời ngồi trên những chỗ cao ngang nhau ở hai bên thi hài người quá cố, và họ cùng tụng kinh với nhau. Bài văn tế theo phong tục do một thành viên của Tăng già thực hiện thì sẽ do vị Tăng phụ trách. Vào cuối buổi lễ, tăng ni đều được cúng dường những phẩm vật tương tự nhau. Chư Tăng tham dự vào các tang lễ cùng với chư ni chắc chắn là những vị có tâm cởi mở và không cảm thấy địa vị xã hội của họ bị đe dọa. Những trường hợp như vậy, chứng tỏ chư Tăng trong làng bắt đầu chấp nhận Tỳ kheo ni. Lễ Parittta để ban phước và cầu an kéo dài suốt đêm thường do các vị Tăng chủ trì trong một lễu bát được dựng lên rất đặc biệt.

Trong những năm gần đây, các sư nữ cũng được các cộng đồng trong làng mời chủ trì các buổi lễ này. Hiện nay, các Tỳ kheo ni chủ trì các buổi lễ với nhiều tự tin hơn, nhờ địa vị tinh thần của họ được nâng cao. Có một vài trường hợp trong một số làng, các vị Tăng tìm cách thuyết phục dân làng đừng đến dự những buổi lễ Tôn giáo vào các ngày rằm do các Tỳ kheo ni chủ lễ, có lẽ vì họ sợ dân làng sẽ trở nên quen thân hơn với các Tỳ kheo ni, và do đó, các Tăng sẽ mất ngôi vị chủ lễ. Kết luận giáo đoàn Tỳ kheo ni vừa mới được thiết lập ở Tích Lan đang được xã hội công nhận và do đó, đã nâng cao lòng tự trọng của Tỳ kheo ni. Số chư Tăng công nhận Tỳ kheo ni ngày càng gia tăng chủ yếu là vì các Tỳ kheo ni luôn kính trọng chư Tăng và không làm điều gì xúc phạm đến chư Tăng. Tỳ kheo ni đã nhận được sự kính trọng xứng đáng và việc công nhận ni đoàn đã gia tăng đáng kể trong các cộng đồng liên hệ. Hầu như không thấy xuất hiện trên báo chí lời chỉ trích nào về vấn đề phục hoạt việc thọ đại giới cho Tỳ kheo ni, và những người lên tiếng chống đối mạnh mẽ việc thọ đại giới trước đây nay không còn thấy xuất hiện lại. Các Tỳ kheo ni chưa được hệ thống Tăng đoàn hay chính quyền chính thức công nhận, tuy nhiên nhiều cao Tăng lãnh đạo đã ban phép lành cho các Tỳ kheo ni. Tình hình này sẽ thay đổi từ từ nhưng rất vững chắc. ■

** Bài này được trích từ tuyển tập những bài tham luận đọc tại các Hội nghị Quốc tế do hội Nữ giới Phật giáo Quốc Tế Sakyadhita tổ chức, nhan đề "Bước ra khỏi bóng tối: Nữ giới Phật giáo dẫn thân vào xã hội" (Out of the Shadows: Socially Engaged Buddhist Women), do Ni Sư Karma Lekse Tsomo xuất bản năm 2006.*

(tiếp theo trang 4)

hợp nhất thành tỉnh Hải Hưng, Ngài lại được suy tôn làm Chánh thư Ký Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tỉnh Hải Hưng (1969-1973). Những năm chiến tranh ác liệt, đời sống kinh tế - xã hội rất khó khăn, việc thực thi chính sách tôn giáo ở các cơ sở địa phương có nhiều hạn chế bất cập. Trong tình thế đó, bằng uy tín của mình, tranh thủ sự hỗ trợ của chính quyền các cấp, Ngài đã cùng chư Tôn đức trong tỉnh quan tâm kiện toàn hệ thống tổ chức Phật giáo, hướng dẫn tăng gia sản xuất tự túc, giúp đỡ Tăng ni các tự viện vượt qua những khó khăn về đời sống vật chất, duy trì việc tu hành có nề nếp.

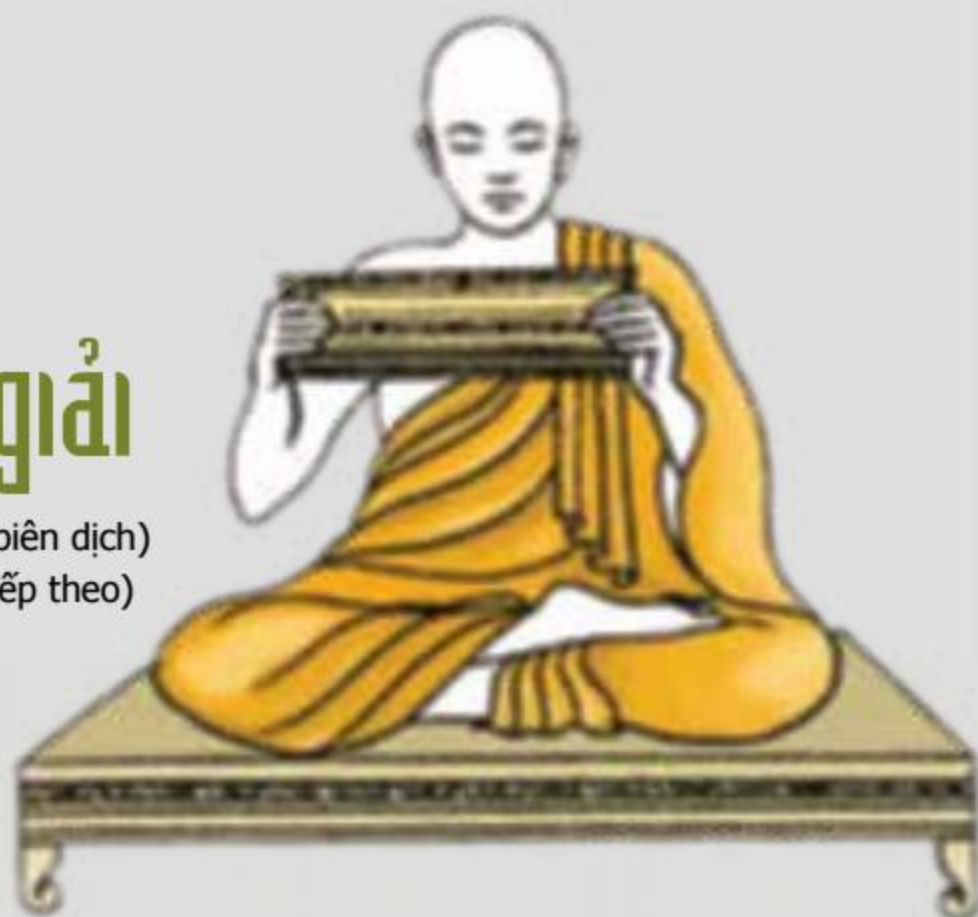
* Những năm sau này đã về Trung ương Giáo hội, nhưng trong quá trình kiện toàn tổ chức nhân sự các địa phương, một số Tỉnh hội Phật giáo lúc mới thành lập gặp nhiều khó khăn trong việc hòa hợp, phân công chức trách. Ngài đã phải đảm trách ngôi Chứng minh đạo sư hoặc trực tiếp làm Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội các tỉnh một thời gian. Có thể ở đâu đó đã có ý kiến cho là Hòa thượng kiêm nhiệm ôm đồm. Nhưng thực tế ở các tỉnh như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Nam đã chứng minh các công việc của Hòa thượng là hoàn toàn vô tư và sáng suốt, nhằm tạo uy tín bước khởi đầu cho các Tỉnh hội với chính quyền, đoàn thể các cấp ở địa phương và để cho Tăng ni, Phật tử các cơ sở có nơi nương tựa, đưa việc tu hành đi vào nề nếp, các hoạt động Phật sự ngày thêm tinh tấn. Thông qua việc chỉ đạo kiện toàn Tổ chức Giáo hội các cấp, Ngài đã trao truyền giới châu tuệ mệnh cho hàng ngàn Tăng ni mới xuất gia và hàng chục ngàn Phật tử tại gia thông qua các Đại giới đàn do Ban Trị sự các tỉnh và các Tổ đình tổ chức.

* Trong công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, các chủ trương chính sách, nghị quyết về Tôn giáo, tín ngưỡng ngày càng được cởi mở, thông thoáng hơn. Được sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ngài đã cùng Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội về làm việc với Ban Tôn giáo, chính quyền các tỉnh, thành phố tìm hiểu tình hình thực tiễn Phật giáo ở cơ sở để cùng trao đổi tháo gỡ khó khăn trở ngại, phục hồi lại các hoạt động Phật sự, lễ hội đúng chánh pháp, can thiệp giải quyết đăng ký hộ khẩu cho các tăng ni được chuyển, ổn định tổ chức cho các tự viện an tâm tu hành.

Ngài tích cực ủng hộ và động viên các nguồn công đức của các nhà tài trợ để trùng tu các di tích đã hư hại xuống cấp, xây dựng khôi phục lại các Danh sơn Cổ tự quan trọng, sớm được hoàn thành phục vụ kịp thời các Đại lễ: Đại lễ VESAK Liên Hiệp Quốc - 2008 tại Việt Nam, Đại lễ Ngàn Năm Thăng Long - Hà Nội năm 2010. Tiêu biểu là Tổ đình Bái Đính Ninh Bình, chùa Phật Tích Bắc Ninh, Tháp Tường Long Đền Sơn Hải Phòng và nhiều công trình khác ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước (còn tiếp). ■

Phật Giáo và Truyền thống Chú giải

Nguyễn Cửu Long (biên dịch)
(tiếp theo)



Những đoạn văn tương đương như vậy, gợi ý rằng các truyền thống chú giải và kinh Pāli thốt lên những lời lẽ như vậy cũng rất cổ xưa, và tư liệu dựa vào đó mà họ giải thích hẳn phải thuộc niên đại trước khi việc chia ly xảy ra nơi các giáo phái. Hình như rất có thể một số trong tư liệu này, bởi lẽ do một số giáo phái đã chấp nhận như là kinh Pāli (canon) rồi, thời phải quay trở lại những ngày khởi đầu của Phật giáo, rất có thể phải quay trở lại chính thời của Đức Phật. Có một sự so sánh gần gũi về các tập chú giải Phật giáo Nguyên thủy với các bản văn phi kinh Pāli thuộc Phật giáo Nguyên thủy rất có thể soi chiếu một vài tia sáng về các bản văn tương đương thuộc loại này. Điều này có thể giúp chúng ta xác định được niên đại của nhiều giai tầng của truyền thống chú giải, đến lượt mình, các truyền thống này có thể giúp chúng ta ước lượng được giá trị một cách chính xác hơn.

Đôi khi, còn có lời nói về một biến cố trong tập chú giải, mà không có bất kỳ một tham khảo nào cả về biến cố đó trong canon (Kinh Pāli), mặc dù hình như lại có trong canon của một giáo phái khác. Như tôi đã nói trong bài thuyết trình thứ tám, có một vấn đề khởi lên từ thực tế là một số các chuyện kể nổi tiếng trong Phật giáo chỉ được biết đến trong tiếng Pāli trong các tập chú giải mà thôi, thí dụ như chuyện kể về thiếu nữ Kisāgotamī thuộc đẳng cấp Sát Đế Lợi (kṣatriya).

Trong một số trường hợp, có những phần lịch sử Phật giáo hình như không thấy được du nhập đến đảo quốc Sri Lanka gì cả, thí dụ như phần lịch sử lúc đầu tính thù nghịch của Devadatta với Đức Phật, và lý do tại sao Đức Phật lại gọi hắn là “tên liếm nước miếng” (kheḷāsika). Trưởng lão Buddhaghosa cũng không biết lý do tại sao, và cách giải thích không chính xác theo ngài Trưởng lão đưa ra, lại được các vị dịch giả hiện đại chưa hiểu ý nghĩa chính xác của nó, thí dụ như cô Horner đã dịch là “Phải

ói ra giống như nước miếng vậy”. Tuy nhiên, một số phiên bản Trung Hoa về Luật lại biết rõ ý nghĩa của từ kheḷāsika, và kể lại một câu chuyện, rất có thể đây là một câu chuyện bịa đặt ra để giải thích từ này, đó là Devadatta đã nuốt nước miếng của Ajātasatru.

Có đôi khi, các vị chú giải lại đưa ra những cách giải thích dựa trên từng âm tiết của một từ, thí dụ như bhikkhu có nghĩa là: saṃsāre bhayam. Ikkhanatāya, “vì nhìn thấy mỗi nguy hiểm trong vòng luân hồi saṃsāra” Vism 16, 21; bhagavat: vanta gamano bhavesu, “ngài đã từ chối không chấp nhận hiện hữu” Pj I 107, 26*; người ta gọi tên nhà vua là Pasenadi vì: paccānittam parasenam jināti, “Ngài chiến thắng hết đạo quân kẻ thù này tới đạo quân kẻ thù khác.” Ud-a 14,27. Bởi lẽ sắc thái tiếng Phạn tên của ngài là Prasenajit [tiếng phạn là Pasenai], cách giải thích chú giải chính xác khi thêm vào “ngài chiến thắng”, và điều này làm rõ rằng khi cách giải thích này được biên soạn (rất có thể đã lâu trước tác phẩm Dhammapāla) thế nên, tên đó vẫn đi theo với vần -j-, hay ít nhất truyền thống cũng biết tên chính xác là phải có vần -j- đi kèm.

Thực tế là tập chú giải giải thích âm tiết -di bằng jināti, cho thấy rằng bản văn và tập chú giải được truyền lại một cách riêng rẽ, không bất kỳ ảnh hưởng nào trên nhau cả. Lý do dùng -d trong sắc thái bản văn không rõ, một số người như một người chủ trương tiếng Sinhale, bởi lẽ j > d có trong tiếng Sinhale. Nếu đây là cách giải thích, tôi hy vọng là tập chú giải phải thay đổi chứ không phải bản văn. Việc bất đồng ý kiến giữa bản văn canons (Kinh Pāli)



và tập chú giải rất có thể là do thực tế chúng được duy trì ở nhiều nhóm khác nhau, có nghĩa là các vị Kinh sĩ (bhānakas) chịu trách nhiệm về bản văn canon (Kinh Pāli) và cũng không chịu trách nhiệm về cách cất giữ an toàn của các tập chú giải về bản văn đó.

Những cách giải thích khác được ghi lại phù hợp với loại từ nguyên hoá trong văn chương tiếng Phạn được biết đến là nurukti hay là nirvacana, được đem vào văn chương Phật giáo. Loại văn chương này thường rất giống với từ nguyên dân gian nơi cách thức hoạt động, nhưng điều này lại gây hiểu lầm mục tiêu của thứ văn chương này. Cứ bình thường các từ được giải thích bằng các từ khác giống như phong thái bề ngoài của các từ đó, nhưng thực chất các từ này không liên quan đến các từ đó đâu. Những từ nguyên như vậy được phát hiện thấy trong các bản văn canon (Kinh Pāli) từ một thời điểm rất sớm, và thế rồi được mang vào truyền thống chú giải, thí dụ như brāhmaṇa, dựa trên một từ gốc là brah- có nghĩa là "mạnh mẽ" được giải thích trong một đoạn kệ trong tập Dhammapāda bằng một từ gốc khác là brah- có nghĩa là "loại bỏ" một vị Brāhmaṇa là một người loại bỏ, đương nhiên là loại bỏ những bất thiện nghiệp của mình. Cũng tương tự như vậy, từ saṃana (sa-môn) được gọi như vậy vì người đó đã khiến cho các bất thiện nghiệp của mình giảm sút, việc giải thích sam- (tiếng Phạn là śram- có nghĩa là phấn đấu) bằng từ sam- (tiếng Phạn là śam- có nghĩa là làm dịu đi). Từ rājā có nghĩa là "vua" được giải thích trong Trường Bộ Kinh bằng "ngài biết làm hài lòng người khác bằng tính trung trực, việc giải thích rāj- có nghĩa là "cai trị" bằng cách dùng từ rañj- I có nghĩa "làm cho vui sướng". Thực tế là đã có một từ nguyên có thể so sánh được, hay được nói ám chỉ đến nhiều lần trong Kinh Mahābhārata và Kinh Rāmāyaṇa chứng tỏ cho thấy đây không phải là một phát minh Phật giáo đâu.

Một số cách giải thích này xem ra lại hơi khó chịu trước con mắt của người phương Tây và điều này đã dẫn đến một số vị chú giải hiện đại cố gắng coi đó như là một tính chất lặp lại của Đức Phật khi tra cứu các từ này. Như đã tuyên bố rằng, ở đây, Đức Phật đang lặp lại các từ nguyên (nirukti) phát hiện thấy trong các bản văn Bà la môn. Tôi không thể loại bỏ khả năng Đức Phật không nói lời lặp lại, mặc dầu có một điều đáng lưu ý đặc biệt rằng lời nói lặp lại không mấy quen thuộc hay được chấp nhận cao trong thời gian phát triển Phật giáo, Nhưng tôi không có bằng chứng nào cho thấy các từ nguyên thuộc loại này thực sự được nhắm tới như là những lời lặp lại. Chắc chắn là trong một loạt những từ nguyên thuộc loại này như trong sutta Sabhiya

thuộc tác phẩm sutta-nipāta, xử lý với các từ kusala, paṇḍita, muni, v.v... không có lời nói lặp lại nào được ám chỉ đến ở đây, và tôi cảm thấy thật khó có thể hiểu được lý do tại sao chúng ta nên nghĩ rằng một số từ nguyên lại có nghĩa lặp lại còn các từ nguyên khác thì không.

Tôi được nhắc nhở để đề cập đến một số người khác nhau về tiếng Phạn và được một người hỏi xem liệu ta gọi tiếng Phạn sans-script là bởi vì tiếng Phạn không có chữ viết có phải không và không thể viết lại được, và tôi lại hỏi người khác: Ta có thể gọi tiếng Phạn là Sand-script được chăng vì những người Ấn Độ cổ xưa không có tư liệu để viết chữ và họ phải viết nguệch ngoạc các mẫu tự trên cát. Những từ nguyên dân gian này hình như rất khôi hài đối với tôi, nhưng cả hai người đặt câu hỏi đã tỏ ra rất nhiệt tình về các từ nguyên này.

Các từ nguyên nirvacana này đôi khi cũng có chút ít giá trị (bên ngoài nguyên tắc từ nguyên gồm chứa trong đó) bởi lẽ chúng đem lại thông tin về các ngôn ngữ bản địa trong đó, chúng thường được ghi lại lần đầu tiên, và thông tin thuộc loại này về lịch sử cổ xưa của các bản văn cũng có thể tiếp cận được bằng nhiều cách khác. Thí dụ như để giải thích từ brāhmaṇa bằng cách sử dụng sắc thái hābita chúng tỏ cho thấy rằng trong một ngôn ngữ bản địa, trong đó từ nguyên đã tạo ra từ brāhmaṇa lại có dạng bāhaṇa, trong khi đó một số từ nguyên trong sutta Sabhiya chỉ có nghĩa nếu chúng ta thừa nhận rằng trước tiên chúng phải được biên soạn trong một ngôn ngữ bản địa ở đó -t- và -j- đã trở thành -y-.

Lại còn có thực tế cho là, mặc dù có sự hoán vị các câu v.v... điều khiển cho các từ nguyên trong sutta Sabhiya rất khó hiểu, tập chú giải vẫn chứa đựng cách giải thích truyền thống rất chính xác về một số từ được gộp lại trong sutta này, thí dụ như kusala và ājāniya, chúng tỏ rằng truyền thống Kinh Phật (sutta), có thể hay bị sửa đổi, và truyền thống chú giải, lại hơi rời rạc, như trong trường hợp tên Pasenadi mà tôi vừa nói đến ở trên, và tập chú giải lại tiếp tục truyền lại những cách giải thích chính xác ngay cả khi bản văn đã được bình luận lại không còn có được cách giải thích chính xác nữa.

Sự phát triển những từ đồng nghĩa nơi ngôn ngữ MIA, thường có nghĩa là hai hay cách giải thích có thể áp dụng cho một từ được. Tuy thuộc vào từ nguyên nào, chúng ta đang cứu xét. Đôi khi điều này có thể khiến cho một tập chú giải Pāli có thể đem lại một cách chú giải xúc tích và đầy đủ hơn, nếu tập chú giải đó được viết bằng tiếng Phạn, trong đó người biên chép bản thảo phải quyết định chọn sắc thái này hay sắc thái khác. Tự điển BHS có

từ tương đương sammappadhāna “chánh tinh tấn” là samyakprahāṇa “chánh từ bỏ” tôi đã đề cập đến trong bài thuyết trình thứ sáu có gợi ý cho rằng, phiên bản tiếng Phạn là một từ biểu lộ rõ, từ gốc của một từ dài hơn không chính xác từ dạng ngôn ngữ MIA là sammappadhāna lại có một trong hai ý nghĩa trên. Quan điểm này được hỗ trợ bằng cách giải thích thực sự được gộp lại trong đó có nghĩa là loại bỏ, và điều này gợi ý rằng tư liệu chú giải trước đó được biên soạn bằng một ngôn ngữ bản địa, trong đó dạng từ chính là sammappadhāna.

Nơi nào các vị chú giải không còn biết được ý nghĩa các từ, đôi khi họ thường suy ra ý nghĩa các từ đó bằng cách phân chia các từ nguyên mà chúng ta có thể thấy là hoàn toàn không chính xác. Trong tiếng Pāli, cụm phụ âm trong từ -jña có nghĩa là “hiểu biết” trở thành -ññ- cụm phụ âm -ny- cũng trở thành -ññ-. Khi xử lý từ vadaññu, từ này xuất phát từ tiếng Phạn vadānaya “rộng rãi, hào phóng, một thí chủ hào phóng” hay “có khả năng hùng biện, ăn nói êm ái dịu dàng, lịch sự nhã nhặn” truyền thống chú giải đã sai lầm khi coi yếu tố sau cùng -ññu- thuộc dạng jña, và từ đó được giải thích là vacana-vidu, có nghĩa là hiểu từ vadaññu như là từ tương đương với từ vada-jña “biết rõ lời Đức Phật thốt lên”.

Một sự phát triển khác nữa từ tiếng Phạn -jña là tiếng Pāli -jina, với một nguyên âm chêm (svarabhakti) tiến triển từ -j- và -ñ-. sắc thái đem lại giống hệt với từ jina “người chiến thắng”, và kết quả là các tập chú giải đều giải thích tận từ ghép là -jina là “người chiến thắng”, thí dụ như magga-jina “người chiến thắng các lậu hoặc bằng áp dụng chánh đạo” ngược lại chúng ta rất có thể phải nhận ra ý nghĩa đó là “am hiểu chánh đạo”. Cùng một cách giải thích được ghi lại là khetvajina “xâm chiếm được trận địa” Ở đây, chúng ta có thể thấy rằng -jina chắc chắn phải xuất phát từ -jñā “biết rõ trận địa”.

Trong ngữ học phương Tây, chúng ta thường có khuynh hướng tin rằng chỉ có một cách trả lời chính xác cho một câu hỏi từ nguyên. Nhưng đôi khi tất cả các từ nguyên đó đều không chính xác, xuất phát từ quan điểm của chúng ta. Tuy nhiên, tại Ấn Độ, thường có thói quen nhận ra nhiều hơn một nghĩa trong bất kỳ một từ hay một đoạn nào cái gọi là śleṣa. Chính vì thế, thay vì nói ra hoặc là ý nghĩa này hay là ý nghĩa kia, như chúng ta thường làm, thời các vị chú giải lại thường cho là ý nghĩa này hay ý nghĩa kia. Đôi khi tất cả họ đều có cùng một quan điểm, không chính xác. Tuy nhiên, chẳng có gì được chủ tâm theo văn phong từ nguyên phương Tây cả, nhưng hoặc là họ có mục đích Tôn giáo, hay ngay cả mục đích thần bí.

Chính vì thế từ bhagavat được giải thích với các từ như sau đây: “vị đáng kính (guru), vị có phước (bhagī) là một vị thường xuyên lui tới (bhājī), một vị tham dự (bhāgī), vị nắm được điều gì đã được phân tích (vibhattavā), đã tạo ra việc huỷ bỏ (akāsi bhaggam), là đấng may mắn, (bhāgyavā), đã tự duy trì được hiện hữu (subhāvitattano) bằng nhiều cách, đã tới được đích cùng hiện hữu (bhav-anta-go) như vậy Ngài được gọi là Đấng Thiện Thệ bhagavat”. Nhiều cách giải thích này không nên coi theo truyền thống như là cách xác định ý nghĩa của từ bhagavat, nhưng nên coi như các thuộc tính hay tính từ của chính vị Bhagavat vậy, và nên tạo ra một cơ bản một dạng kinh cầu nguyện với đấng bhagavat có đầy ơn phước v.v..., có nghĩa là các từ này phải được coi như là các thực tế, chứ không phải là một cách giải thích từ bhagavat đâu.

Cũng tương tự như vậy, đối với từ arahat, ta giải thích từ này như sau: “Một người đã xa lánh được các lậu hoặc được gọi là vị arahat (āraka-kilesa) (tránh xa được các phiền não bất tịnh) bhagavat (Thế Tôn) cũng là vị arahanta, bởi lẽ vị đó lánh xa được các phiền não bất tịnh (āraka), bởi lẽ đã triệt phá được các kẻ thù của mình (ari) và triệt phá được các gây ngăn cản (ara=rāga, v.v...), bởi lẽ Ngài xứng đáng nhận của bố thí, nhận những vật dụng cho cuộc sống, và bởi lẽ nơi Ngài không có những bất thiện nghiệp (pāpakarane rahābhāvā). Việc bao gồm một cách giải thích dựa trên ari thật là hấp dẫn bởi lẽ dạng từ của người Kỳ Na là ari-hant, thí dụ như với một (etenthenic) svarabhakti nguyên âm -i- thay vì -a-

Một số từ không phải là từ Phật giáo, cũng được chấp nhận và áp dụng theo nghĩa Phật giáo, thí dụ như người ta gọi Đức Phật là yakṣa và là nāga. Chính vì người ta cho rằng thật bất xứng để gọi đích danh Đức Phật bằng một con vật siêu thế, thí dụ như “thần rắn”, các cách giải thích khác cũng được bịa đặt ra. Một người được gọi là nāga là bởi vì người đó không thực hiện điều tội lỗi (na+āgu), hay người đó không phải tái sinh một lần nữa (na+gam “Quay trở lại”, hay sẽ không quay trở lại cõi trần gian này một lần nữa (na+āgam “tới lại”).

Đôi khi những cách giải thích ám chỉ các vị chú giải, đưa ra bao gồm các sắc thái gợi ý, rằng chúng là những người đầu tiên được ghi lại trong một số các ngôn ngữ bản địa khác. Chính vì thế, trong số các cách giải thích về tathāgata, chúng ta phát hiện ra một số dựa trên các sắc thái gada thay vì gata, có nghĩa là chúng được lấy từ, hay thông qua một ngôn ngữ bản địa có dạng -t- thay vì -d-. Tathāgata được giải thích là: Ngài đã đến như vậy (tathā gata), đã trở lại như vậy (tathā āgata), Ngài đã biết như



vậy (tathā ājānana) [các động từ có nghĩa là “đi” cũng có nghĩa là “biết” đã được thốt lên điều gì là có thật (tathā gadanato). Chúng ta cũng được bảo cho hay rằng, giống như một vị quan thái y đã chữa lành được vết rạn cần bằng một liều thuốc giải độc (agada), cũng như vậy tathāgata (vị Như Lai) cũng chiến thắng được cõi trần gian với thuốc giải độc là chân đế, đánh thắng được con rạn.

Các vị chú giải không phải lúc nào cũng được thông tin đầy đủ, và chúng ta có thể nhận ra rằng các vị đó hay các nguồn tư liệu họ đang theo đuổi nhiều khi cũng bị sai lầm, thí dụ như trong tập chú giải Sutta-nipāta, từ Ādiccabandhu được cho là tên của một vị Di Lặc Phật (Pratyeka-buddha, rất có thể bởi lẽ từ này xuất hiện trong các đoạn kệ được gán cho vị pratyeka-buddhas. Tuy nhiên, từ này được sử dụng rất thông dụng như là một tính từ ám chỉ Đức Phật đến nỗi tôi cảm thấy rất khó có thể tin được tên này không ám chỉ đến Ngài trong đoạn kệ này.

Thiếu hiểu biết về những dạng ngữ pháp cũng khiến cho các vị chú giải đi trật đường. Từ Phalesin là một quá khứ phân từ chủ động cách tương lai và có nghĩa là “sắp có trái” từ này xuất hiện trong một đoạn kệ nói về Trưởng lão Kệ trong đó, người ta mô tả các cây cối đang trong thời kỳ đơm bông và sắp có trái. Vị chú giải vì không quen với dạng từ này, phân tích Phalesin là xuất phát từ phala “quả” và esin “tìm kiếm” và mô tả các cây cối như là “đi tìm hoa trái”. Từ này lại xuất hiện trở lại trong đoạn kệ trong đó một hành vi thiếu hiểu biết giống như một người chặt cây ngay khi cây đó sắp sửa cho trái. Ở đây, sai là ở bản dịch: “Một người tìm kiếm trái chặt một cây xuống” được giấu giếm bằng một thực tế là đây cũng giống như một hành vi thiếu hiểu biết vậy”.

Mặc dù một số tư liệu chú giải phải quay trở lại chính vào thời Phật giáo sơ khai, rất có thể vào thời Đức Phật sinh tiền. Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy từ các Tôn giáo khác, toàn bộ các bản văn đều được giải thích dưới ánh sáng của thời gian và văn hoá của người biên soạn nguyên thủy của đoạn văn. Chính vì thế, chúng ta phải quyết định bằng cách nào chúng ta nên giải thích một bản văn canon (Kinh Pāli). Liệu chúng ta có giải thích đoạn văn đó dưới ánh sáng của chính hiểu biết của chúng ta về văn hóa thời gian, là nền văn hoá mà tập chú giải đầu tiên xuất hiện, là nền văn hoá của tập chú giải thứ hai về bản văn đó, nền văn hoá hiện nay của các Phật tử vùng Nam Á hay Đông Nam Á, hay là nền văn hoá phương Tây của chính chúng ta chăng? (còn tiếp). ■

(tiếp theo trang 16)

Nhiều người sử dụng thiền định để tìm cách tạo ra một thể dạng vắng lặng hầu giúp mình tự bảo vệ trước những gì thật nghiệt ngã phát sinh từ sự cảm nhận của chính mình. Đây chẳng khác gì là cách biến việc luyện tập trở thành một công cụ giúp mình trốn chạy, nhằm thoát ra khỏi thế giới và để loại bỏ các thứ xúc cảm cũng như mọi khó khăn. Thật ra, thì đây chỉ là một thứ ngục tù kiên cố hay một hình thức tự trấn an nào đó mà thôi và tuyệt nhiên không phải là một bầu không gian rộng mở giúp mình tự biến cải trước những gì đang hiện hữu. Quả đúng là việc luyện tập có thể mang lại một sự vững tin nào đó thể nhưng nếu dựa vào đây để mà tìm cách biến nó thành một thứ công cụ để tự phòng vệ trước mọi sự tấn công trong cuộc sống thì quả không đúng với ý nghĩa của thiền định.

Không nên đặt ra một mục đích để tìm cách đạt được nó cho bằng được, hoặc là mong cầu một thứ gì đó, đây chỉ là những thứ chướng ngại ngăn chặn mọi sự tiếp xúc với thực tại.

Nếu bạn cố tìm cách đạt được bất cứ một thứ gì thì tức khắc việc luyện tập của bạn sẽ bị lệch lạc ngay, bởi vì bạn đã bắt đầu rơi ra bên ngoài cái sự thật trần trụi của những gì là như thế. Chính vì lý do đó mà con đường thiền định không hề có mục đích gì cả. Khi nào còn hướng vào một điểm đến và mong đợi sẽ đạt được điểm ấy thì khi đó chúng ta cũng sẽ quên mất con đường mà mình đang phải đi. Nếu giác ngộ là thực thể của thực tại thì việc mong cầu thực hiện được sự giác ngộ sẽ là một sự lạc hướng bởi vì trong khi tìm kiếm sự giác ngộ thì ta sẽ không còn nghĩ đến những gì đang sẵn có ngay bên cạnh mình (người ta thường bảo rằng con đường thiền định thật ngắn, bởi vì chính nó đã là điểm đến, nếu hành thiền mà lại hướng vào một thứ gì khác bên ngoài cái thể dạng trần trụi của chính mình và của hiện thực chung quanh mình thì nhất định đây sẽ là một sự lạc hướng hay là một cách đánh mất con đường.

Không nên bám víu vào sự thoải mái do việc luyện tập mang lại

Thay vì phải nhìn vào các biến động trong tâm thức đúng với cung cách hiển hiện của chúng thì chúng ta lại cứ nhắm vào những gì sẽ mang lại sự thoải mái cho mình. Nên hiểu rằng chủ đích cao quý nhất của thiền định là giúp chúng ta loại bỏ được thái độ chỉ biết tìm kiếm lạc thú và xa lánh khổ đau. Thiền định chính là cách giúp chúng ta khám phá ra cái thực tại đích thật vượt lên trên mọi sự diễn đạt (dù đây là thích thú hay đau đớn) (còn tiếp). ■

BOROBUDUR

ngôi chùa Phật giáo lớn nhất thế giới

Văn Công Hưng (Theo JakartaGlobe)

Sách Kỷ lục Guinness Thế giới thời gian gần đây đã ghi nhận chùa Borobudur ở thị trấn miền Trung Java thuộc Magelang (Indonesia) là ngôi chùa Phật giáo lớn nhất thế giới, một quan chức Indonesia cho biết.

"Borobudur đã được chính thức công nhận bởi Kỷ lục Guinness Thế giới World ở London, Vương quốc Anh, là ngôi chùa lớn nhất có giá trị về khảo cổ học của thế giới Phật giáo, theo tuyên bố số 396-198", ông Purnomo Siswoprasetyo, giám đốc quản lý du lịch Borobudur - Prambanan, cho biết.

Purnomo nói Guinness đã đưa Borobudur vào trong danh sách kỷ lục của mình vào ngày 27-6, và rằng văn phòng của ông đã nhận được giấy chứng nhận chính thức từ Kỷ lục Guinness về danh dự mới này.

Quá trình đăng ký cấp giấy công nhận phải mất vài ba tháng mới hoàn thành, ông cho biết thêm.

"Chúng tôi hy vọng điều này sẽ mang đến nhiều sự hỗ trợ và lợi ích hơn, đặc biệt, là cho việc tiếp thị và xúc tiến Borobudur ở cấp Quốc tế".

Trên website của mình, Guinness ghi nhận: "Ngôi chùa Phật giáo lớn nhất trên thế giới là Borobudur, gần Yogyakarta, miền Trung Java, Indonesia, được xây dựng giữa các năm 750 và 842. Cấu trúc 60.000 mét khối bằng đá này có chiều cao 34,5 mét, với tổng chu vi là 123x123 mét".

Trước đó, Borobudur đã được liệt kê là một di sản thế giới của Unesco vào năm 1991. Ngôi chùa từ lâu đã là điểm thu hút nhiều khách du lịch của miền Trung Java và Yogyakarta.

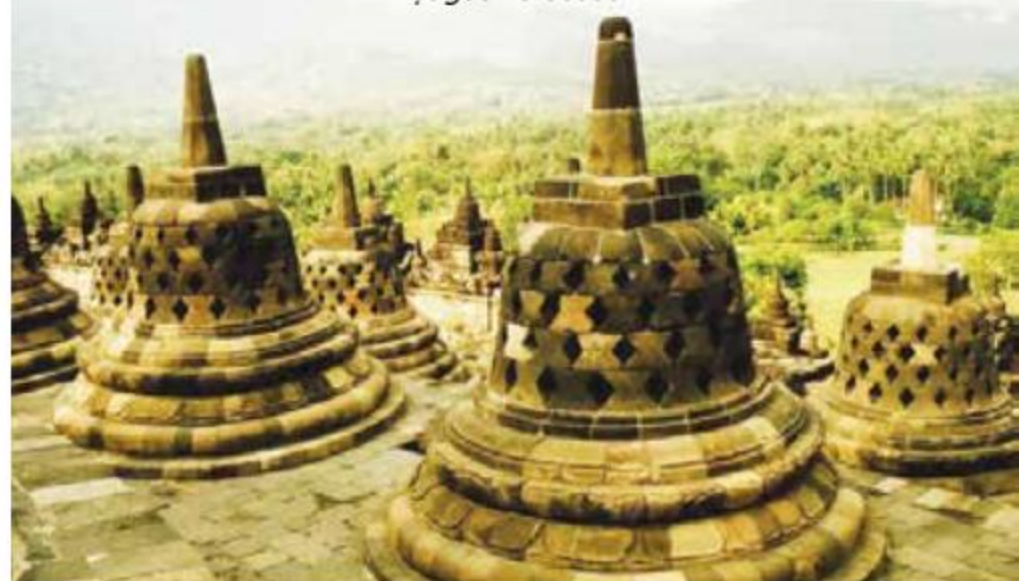
Purnomo cho biết chỉ tính riêng trong năm 2011 nó đã thu hút 250.000 du khách, tăng 15% so với năm trước.

Riêng quý đầu tiên của năm 2012, số lượng du khách đã tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái.

Purnomo cho biết văn phòng của ông cũng đã đăng ký đền Prambanan, nằm trên ranh giới của miền Trung Java và Yogyakarta, là ngôi đền Ấn giáo lớn nhất thế giới. Hiện đang chờ kết quả xác minh từ Guinness. ■



Một góc Borobudur



Tháp Borobudur

4 Cách Bảo Vệ Mắt Khi Sử Dụng Computer

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



1. Trong khi làm việc thỉnh thoảng rời mắt khỏi màn hình

Làm việc trên computer đòi hỏi bạn phải nhìn vào màn hình với khoảng cách không đổi trong quãng thời gian dài. Vì thế, bạn nên đổi hướng nhìn thay cho việc tập trung nhìn vào một điểm. Khi rời mắt khỏi màn hình trong ít giây, bạn hãy tập nhìn vào các điểm ở xa. Đây là cách hữu hiệu nhất để thư giãn đôi mắt.

2. Đặt màn hình PC ở vị trí thích hợp

Màn hình được đặt cách mắt từ 45 đến 60 cm là hợp lý nhất. Các thầy thuốc nhãn khoa cho rằng, bạn nên chọn bàn và ghế máy tính phù hợp với kích thước cơ thể của mình.

Khi ngồi làm việc với máy tính, phải giữ cho tư thế hướng thẳng về phía trước. Nếu bạn đặt máy tính lệch với tầm nhìn, khiến cho cơ mắt phải hoạt động căng hơn, làm ảnh hưởng đến thị lực của mắt.

3. Ánh sáng phù hợp

Ánh sáng nơi làm việc nên có độ chiếu sáng vừa phải sẽ có lợi cho sức khỏe của mắt. Nên nhớ rằng, màn hình vi tính đã tự phát ra ánh sáng đủ để bạn nhìn. Nếu bạn làm việc ở văn phòng với ánh sáng điện quang thông thường, nên sử dụng thêm một chiếc đèn bàn nhỏ để sử dụng máy tính.

4. Thư giãn giữa giờ làm việc

Theo các chuyên gia, cứ 40 - 50 phút bạn nên nghỉ mắt rời khỏi màn hình trong khoảng 5 phút. Trong quãng thời gian ngắn đó, cơ thể cần được bổ sung oxy bằng cách hít thở thật sâu và uống một ít nước.

Thông thường, các phòng đặt máy tính thường khô ráo, vì thế, chớp mắt thường xuyên cũng là một cách hữu hiệu để hồi phục mắt và tránh khô mắt.

Ngoài ra, các hoạt động khác như đi lại, vận động cũng giúp giảm căng mỏi mắt.

Trên đây, là những phương pháp đơn giản, hiệu quả để bảo vệ đôi mắt mà không phải ai khi làm việc với máy vi tính cũng biết.

Bảo vệ đôi mắt là giữ gìn vẻ đẹp và phòng chống lão hoá cho bạn. ■



TP.HCM: Tọa đàm "Văn hóa Phật giáo Nam tông Khmer"

Tin, ảnh: **Hoài Thái**



TTThs. Danh Lung, Ủy viên HĐTS, Phó ban Văn hóa TW.GHPGVN đọc đề dẫn

Chủ nhật, ngày 17 tháng 6 năm 2012 tại chùa Candaransi, P. 7, Q. 3. Phân ban Văn hóa đặc trách Phật giáo Nam tông Khmer trực thuộc Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam kết hợp với khoa Văn hóa học trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn TP. HCM và trường Đại học Văn hóa TP. HCM tổ chức buổi tọa đàm chủ đề "Văn hóa Phật giáo Nam tông Khmer".

Quang lâm tham dự chứng minh và điều phối chương trình có sự hiện diện của TTThs. Danh Lung, Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban Văn hóa TW.GHPGVN, Trưởng Phân ban Văn hóa Đặc trách Phật giáo Nam tông Khmer; TS. Nguyễn Văn Hiệu, Trưởng khoa Văn hóa học trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn TP. HCM (trường ĐH KHXH & NV TP. HCM); TS. Trần Thanh Pôn, Nghiên cứu viên cao cấp, Ủy viên Hội đồng Tư vấn Dân tộc Ủy ban TW. MTTQVN; Ths. Hứa Sani, khoa Văn hóa Dân tộc Thiếu số, trường Đại học Văn hóa TP. HCM; nhà nghiên cứu Văn hóa Nguyễn Hữu Nghiệp, Chánh Văn phòng Phân ban Văn hóa đặc trách Phật giáo Nam tông Khmer.

Về phía đại biểu có sự hiện diện của Ths. Phan Anh Tú, khoa Văn hóa học trường ĐH KHXH & NV TP. HCM; Ths. Châu Hoàng Lan, Trung tâm Seameo tại Việt Nam; cùng với sự hiện diện của quý Phật tử, sinh viên các trường: ĐH KHXH & NV TP. HCM, ĐH

Văn hóa TP. HCM, Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM, Cao đẳng Văn hóa – Nghệ thuật TP. HCM.

Sau phần lễ bái Tam bảo, TTThs. Danh Lung, Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban Văn hóa TW.GHPGVN, Trưởng Phân ban Văn hóa đặc trách Phật giáo Nam tông Khmer đọc báo cáo đề dẫn.

Tiếp lời báo cáo đề dẫn, hội trường được khuấy động với phần thuyết trình của sinh viên Ngô Trần Diễm Thúy thuyết trình chủ đề "Hình tượng Apsara trong Văn hóa Khmer" của tác giả Bùi Thị Kim Cương, hai bạn cùng là sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM (Huflit). Bài tham luận nhận được rất nhiều sự quan tâm và đóng góp của quý đại biểu và ban điều phối vì đây là đề tài mới mẻ.

Bài tham luận tiếp theo do TTThs. Danh Lung trình bày với chủ đề "Nguồn gốc và Ý nghĩa của Tết Chôl Chnăm Thmây". Bài tham luận nhận được nhiều câu hỏi từ các bạn sinh viên vì trùng với đề tài tốt nghiệp của các bạn khoa Du lịch của một số trường. Theo thông tin từ Ban tổ chức, các buổi tọa đàm tiếp theo sẽ được tổ chức định kỳ vào sáng chủ nhật tuần cuối của mỗi tháng.

Kết thúc buổi tọa đàm, TTThs. Danh Lung, Trưởng Ban Tổ chức đúc kết lại chương trình, và hồi hướng phước báu, khép lại buổi tọa đàm sinh động và hấp dẫn. ■



TS. Nguyễn Văn Hiệu, trưởng khoa Văn hóa học trường ĐH KHXH & NV TP. HCM phát biểu

Đồng Nai: Nghỉ hè học sinh về chùa “làm Sư” có thời hạn

Tin: **Hoa Sen Gió - Lê Hà**

Được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Đồng Nai, Tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai. Theo truyền thống hàng năm, vào lúc 9 giờ ngày 03/07/2012 tại Thiền viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang tổ chức khóa tu xuất gia gieo duyên lần thứ 4, từ 15 tháng 5 đến 15 tháng 6 âm lịch.

Lễ xuất gia gieo duyên dưới sự chứng minh: có Thượng tọa Tiến sĩ Thích Bửu Chánh: Ủy viên Hội đồng Trị sự - Phó ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN, cùng chư tôn thiền đức Tăng ni.

Năm nay, Ban tổ chức tiếp nhận gần 100 Phật tử phát nguyện xuất gia gieo duyên, trong thời gian xuất gia gieo duyên “Các nhà sư gieo duyên ngắn hạn” được hướng dẫn học kinh, ngồi thiền, nghe pháp, tọa đàm, trì bình khất thực, tụng kinh sám hối. ■



Lễ Húy Nhật lần thứ 28 Cố Đại Trưởng Lão HT. Tịnh Sự

Ngày 23/6/2012 (nhằm ngày mùng 5/5/Nhâm Thìn) tại chùa Siêu Lý và chùa Viên Giác tỉnh Vĩnh Long đã long trọng tổ chức lễ húy nhật lần thứ 28 cố đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự bậc ân sư đã dày công tu học và truyền bá Tạng Vi Diệu Pháp về Việt Nam. Chư Tăng từ TP. HCM, Bình Phước, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Nai..... cùng Tu nữ và Phật tử các nơi vân tập về 2 ngôi chùa trên để tưởng niệm HT. Để tỏ lòng biết ơn bậc ân sư khả kính, Tăng Ni và Phật tử xây tháp tưởng niệm tôn thờ Hòa thượng tại chùa Viên Giác. Hằng năm, Tổ đình Viên Giác, Chùa Siêu Lý - Vĩnh Long, Chùa Siêu Lý - Sài Gòn, Chùa Bửu Đức chùa Nguyên Thủy, Q.2 tổ chức lễ tưởng niệm ân đức cao dày của Hòa thượng Tịnh Sự. ■



Lễ húy nhật tại chùa Siêu Lý tỉnh Vĩnh Long



Thầy Vello Vaartnou

Nhà sư với dự án xây dựng bộ Bách khoa Phật giáo trực tuyến

Văn Công Hưng (theo CNA)

Một nhà sư người Estonia đã đến thăm Đài Loan để tìm tài liệu cho bộ bách khoa Phật giáo Anh - Trung trực tuyến, đã gọi Đài Loan là "Một cõi tịnh độ" với nguồn tài nguyên phong phú về Phật giáo.

Thầy Vello Vaartnou, người xây dựng tu viện Phật giáo đầu tiên ở Estonia, nói với CNA gần đây sau chuyến đi đến Đài Loan rằng đất nước này đóng một vai trò quan trọng trong dự án bách khoa toàn thư của mình, với nguồn tài nguyên Phật giáo phong phú và đội ngũ dịch thuật kinh sách Phật giáo đã qua đào tạo.

"Đài Loan là một trong những quốc gia Phật giáo có uy tín nhất trên thế giới", thầy Vaartnou, người đã đến thăm các tổ chức Phật giáo và các trường đại học địa phương trong suốt thời gian trên, cho biết.

"So với Trung Quốc đại lục, đối với tôi Đài Loan có vẻ phong phú hơn nhiều về nguồn lực sẵn có".

Vị tu sĩ, người đã tạo nên tờ New York Times vào năm 1988, cho biết hy vọng sẽ xây dựng một bộ bách khoa toàn thư cung cấp tài liệu miễn phí về Phật giáo cho công chúng bằng hai ngôn ngữ có nhiều người nói nhất trên thế giới.

"Kết quả của bộ bách khoa toàn thư này là Phật tử hoàn toàn có thể tự học và có được tất cả các tài liệu cần thiết từ một trang web miễn phí, vị sư 61 tuổi này cho biết.

"Điều này, tất nhiên, sẽ cần nhiều năm và nhiều thập kỷ", thầy nói thêm.

Thầy rời khỏi Estonia vào năm 1988 và đã đi đến Nepal, Thụy Điển, Australia và những nơi khác để học hỏi, thực tập Phật pháp.

Năm 2005, thầy Vaartnou trở lại Estonia để hoàn tất ngôi chùa mà mình đã khởi công xây dựng trước khi ra đi.

Thầy cũng đã tổ chức một số hội nghị Phật giáo quốc tế ở Estonia và Australia kể từ năm 2006, bao gồm Hội nghị Phật giáo đầu tiên tại Australia vào tháng 2 năm nay, thu hút 30 diễn giả từ 21 quốc gia.

Bộ bách khoa toàn thư sẽ bao gồm tất cả các truyền thống Phật giáo Đại thừa, Nguyên thủy, Kim Cương thừa, Thiền và những tông phái khác đặc biệt, nhấn mạnh về Phật giáo Trung Quốc, cũng như sự phát triển của nó trên khắp thế giới, nhà sư cho biết.

Thầy cho biết, thầy cũng đã viếng thăm Trung Quốc, Nepal, Thái Lan, Miến Điện, Singapore, Hồng Kông và các nước khác trong năm qua để thu thập tài liệu cho dự án.

Đối với thầy, Phật giáo là "Một khoa học chứ không phải là một Tôn giáo tín ngưỡng".

"Phật giáo cho tôi điều gì? Chính là kiến thức. Kiến thức về việc chúng ta là ai, chúng ta đang ở đâu, chúng tôi đến từ đâu, và chúng ta đang đi về đâu?", thầy Vaartnou nói.

Thầy đã đến với Phật giáo năm 13 tuổi, sau khi đọc một cuốn sách nói về Phật giáo trên căn gác trong nhà của bà mình.

"Tôi sinh ra ở một quốc gia hoàn toàn không có dấu vết của Phật giáo. Khi tôi đọc cuốn sách đó tôi đã nhận ra rằng tôi là một Phật tử", thầy nói chia sẻ.

Phật giáo cũng nên sử dụng máy tính để cách mạng hóa các hình thức lịch sử và hiện tại, với ý niệm đó, thầy đã thiết kế các ngôi chùa bằng phần mềm 3-D.

"Chính máy tính sẽ là cầu nối giữa các hình thức cổ xưa và các thể hệ mới của Phật giáo, và nếu nó không được dùng trong hiện tại, nhiều thứ sẽ bị mất", thầy nói. ■

Chư Tăng PGNT trao tặng nhà tình thương

CTV

Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2012, Thượng tọa Thiện Hạnh Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Trụ trì chùa Nam Tông, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh trao tặng 8 căn nhà tình thương cho đồng bào nghèo ở Campuchia. Trong lễ bàn giao có chánh quyền địa phương đến tham dự, những người được giao nhà vui mừng khôn xiết nói lên những lời cảm ơn chân tình, nghẹn ngào và xúc động.

Được biết 8 căn nhà tình thương này do gia đình Anh Tỷ và Ái Hoa tặng 4 căn, Cô Hellen 1 căn, cô Kalen 1 căn, cô Lê Ánh Loan 1 căn, cô Thu Ba và cô Ái Sơn 1 căn. ■



Vừa qua ngày 15/6/2012, TTTS. Bửu Chánh trụ trì Thiền viện Phước Sơn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trao tặng một căn nhà tình thương trị giá 30.000.000 đồng theo lời kêu gọi của Đảng Ủy xã Phước Tân. ■



Đạo tràng Giác Bảo Hoa cúng dường tặng Luật và tặng Kinh đến các chùa PGNT

Hoàng Lai

Sáng ngày 01 tháng 07 năm 2012, trong sự hân hoan và niềm tịnh tín nơi Tam bảo. Cô Nguyễn Thị Cúc, chủ trương đạo tràng Giác Bảo Hoa thuộc công ty Thái Bình Shoes đã cùng với đại đức Phước Định có chuyến viếng thăm và cúng dường tặng Luật và tặng Kinh do Thượng tọa Indachanda (Nguyệt Thiên) dày công biên dịch sang tiếng Việt.

Được biết tam tạng kinh điển trước đây đã được biên dịch do ngài Hòa thượng Thích Minh Châu một phần của tạng Kinh sang tiếng Việt, với nguyện vọng trong kho tàng kinh điển Phật giáo nước nhà có đầy đủ kinh điển để cho hàng hậu thế, vì thế mà Thượng tọa Indachanda đã miệt mài biên dịch. Với nhân duyên Thượng tọa có chuyến viếng thăm Việt Nam, có nhân duyên quay về Tổ đình Bửu Quang và cô Nguyễn Thị Cúc đã phát tâm cúng dường vào quỹ in ấn, phát hành Kinh tạng và Luật tạng, sau chuyến đi Thượng tọa có tâm nguyện cúng dường những ấn phẩm dịch thuật toàn bộ tạng Luật và một số ấn phẩm thuộc tạng kinh mà HT. Thích Minh Châu chưa chuyển ngữ sang tiếng Việt.

Phái đoàn cúng dường kinh điển đã khởi hành và viếng thăm cũng như cúng dường đến hơn 14 ngôi chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên thủy tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

Cũng trong thời gian qua với sự nhiệt thành hỗ trợ đánh máy và in ấn, nhóm học viên Abhidhamma do sư Giác Huệ hướng dẫn, kết hợp với tổ in ấn phát hành Thư viện Phật giáo Nguyên thủy đã biên tập lại bản thảo của ngài cố đại lão Hòa thượng Tịnh Sự bộ tạng Abhidhamma. Được biết tổng kinh phí in ấn hơn 400 triệu đồng trọn bộ gồm 7 quyển, in ấn và phát hành 500 bộ, với khổ in 20.5x29cm.

Ban in ấn và phát hành đã cúng dường bộ tạng Adhidhamma đến các tự viện, Ban trị sự các tỉnh, thành trong cả nước, và đặc biệt đã cúng dường cho 4 đơn vị Tạp chí, báo Cơ quan ngôn luận Phật giáo. ■

Bổ nhiệm Trụ trì chùa Sóc Lớn, huyện Lộc Ninh

Tin, ảnh: **GK**

Sáng ngày 8/7/2012, nhằm ngày 20 tháng 5 năm Nhâm Thìn tại chùa Sóc Lớn (xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) đã long trọng tổ chức lễ bổ nhiệm trụ trì cho ĐĐ. Thích Pháp Quyền, thể danh Thạch Nê.

"Mái chùa che chở hồn dân tộc, Nếp sống muôn đời của tổ tông".

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Nhuận Thanh - Thành viên Hội đồng Chứng minh, UVHĐTS GHPGVN, Trưởng BTS PG tỉnh Bình Phước; TT. Danh Lung UVHĐTS GHPGVN; TT. Thích Thiện Trí Phó Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Bình Phước; ĐĐ. Thích Thiện Thọ UVTTBTS kiêm Chánh Đại diện Phật giáo huyện Lộc Ninh, cùng Chư tôn đức đại diện các Ban trị sự tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Bình Phước cùng đông đảo nam nữ Phật tử đồng về tham dự.

Về phía quan khách, chính quyền có đại diện Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện Lộc Ninh cùng các vị lãnh đạo chính quyền địa phương cũng về tham dự.

Tại buổi lễ, TT. Thích Thiện Trí thay mặt TT.BTS tuyên đọc quyết định, HT. Thích Nhuận Thanh trao quyết định bổ nhiệm trụ trì cho ĐĐ. Thích Pháp Quyền.

Dù chùa thành lập từ những năm 1930 của thế kỷ trước, trải qua loạn lạc của chiến tranh, từng là nơi nuôi dưỡng và che chở cho các vị Cách mạng lão thành. Trải qua thời gian, chùa đã xuống cấp trầm trọng. Năm 2009 được sự giới thiệu, ĐĐ. Thích Pháp Quyền đã về gây dựng lại cơ sở, mở lớp học cho bà con nghèo. Nhận trẻ em xuất gia báo hiệu như tinh thần của Phật giáo Nam tông Khmer, đẩy mạnh phong trào xóa mù chữ ở địa phương thông qua các lớp học do chùa giảng dạy. Đặc biệt, năm 2000 chùa được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích Văn hóa cấp Quốc gia.

Trong lời đạo từ, HT. Thích Nhuận Thanh Trưởng BTS mong vị tân trụ trì cùng bà con nơi đây luôn tu học đúng chánh pháp, và hiến chương Giáo hội. Bên cạnh đó, xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa đạo và đời, hành đạo theo đúng châm ngôn: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội. ■



Sinh viên Tây tham gia tiếp sức mùa thi tại Huế

Chu Thiên



Paul Nicaise (trái) và Jean Baptiste Lorics (phải) cùng BTC tiếp sức mùa thi chuyển thức ăn từ chùa Đức Sơn về TTVHPG Liễu Quán (15A Lê Lợi-Huế) để phục vụ thí sinh

Đến Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán trong ngày diễn ra kỳ thi tuyển sinh đại học đợt một (4-7), tôi đã bất ngờ khi tận mắt chứng kiến tại đây có hai sinh viên nam, người Pháp - Paul Nicaise và Jean Baptiste Lorics, đang tham gia tiếp sức mùa thi. Qua xã giao tìm hiểu, chúng tôi được biết cả hai đang là sinh viên trường École Supérieure de Commerce de la Rochelle. Ngoài Paul Nicaise và Jean Baptiste Lorics, còn có một bạn nữ. Cả ba đến Huế làm thiện nguyện tại cô nhi viện Đức Sơn trong hai tháng theo chương trình xã hội nhân văn của trường đại học này.

Ni sư Thích Nữ Minh Tú, Giám đốc cô nhi viện Đức Sơn cho biết, các sinh viên này đã đến Huế trong hơn nửa tháng nay. Nhiều ngày họ đến chùa Đức Sơn từ sáng sớm, tham gia vào tất cả các hoạt động của cô nhi viện. Jean Baptiste Lorics thì phụ giúp quét dọn, chế củi, nấu ăn cho các em cô nhi lớn tuổi. Paul Nicaise và bạn nữ thì tham gia chăm sóc, tắm giặt cho các em nhỏ tuổi. Các bạn còn dạy cho các em học tiếng Anh, tiếng Pháp; dạy các em chơi thể thao, vẽ tranh và một số kỹ năng sống khác. Ngoài ra, các bạn còn hòa mình vào sinh hoạt của chùa như: Tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền và đàm luận trao đổi kiến thức xã hội và Phật pháp.

Khi biết chùa Đức Sơn tham gia tiếp sức mùa thi theo chủ trương của Ban Trị sự THPG Thừa Thiên Huế, cả Paul Nicaise và Jean Baptiste Lorics đều rất thích thú. "Hôm nay thấy cô nhi viện nấu cơm và thức ăn nhiều hơn gấp nhiều lần thường ngày, chúng tôi hỏi ra mới biết chùa có giúp cho các bạn học sinh ăn cơm miễn phí. Hoạt động này rất mới mẻ với chúng tôi vì ở bên Pháp không có. Đây thực sự là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa, chúng ta cùng giúp đỡ nhau để cho cuộc sống được hạnh phúc. Vì vậy, chúng tôi rất vui khi được làm tình nguyện viên phục vụ cho các bạn

học sinh trong kỳ thi này". - Jean Baptiste Lorics nói.

Cũng như Jean Baptiste Lorics, còn lạ lẫm với hoạt động tiếp sức mùa thi nhưng Paul Nicaise không kém phần tỏ ra thích thú. "Thức dậy từ 4 giờ sáng để nấu cơm và bày biện thức ăn nhưng chúng tôi không thấy mệt mỗi chút nào. Bởi vì, chúng tôi đã quen với những công việc mang ý nghĩa tốt đẹp như thế. Mặc dù đến đây làm thiện nguyện theo chương trình của nhà trường đề ra, và có đôi chút khó khăn do khác văn hóa và khí hậu, nhưng chúng tôi vẫn sống hòa mình và sớm thích nghi với môi trường mới. Thật là hạnh phúc và có ý nghĩa cho chúng tôi trong những chuỗi ngày ở tại Huế" - Paul Nicaise chia sẻ.

Paul Nicaise và Jean Baptiste Lorics cho biết, cả hai bạn đều rất thích phong cảnh và món ăn Huế. "Trong thời gian qua, chúng tôi được quý sư cô tại cô nhi viện Đức Sơn giúp đỡ rất nhiều trong việc thực tập các công tác thiện nguyện và tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Qua chuyến đi này tôi càng yêu Huế hơn. Phong cảnh đất nước của bác bạn thật đẹp. Tôi yêu Huế vì nét trầm mặc và thanh bình. Nhất là thức ăn ở đây rất ngon. Chúng tôi sẽ trở lại Huế trong những năm tới và chúng tôi sẽ giới thiệu với bạn bè đến Huế trong tháng 7 để tham gia vào chương trình tiếp sức mùa thi có ý nghĩa này". Jean Baptiste Lorics nói.

Nhìn các bạn sinh viên người Pháp vừa lau chùi nền nhà, sắp xếp bàn ghế, vừa nói chuyện tươi cười với các tình nguyện viên mà trong lòng chúng tôi thấy dâng lên bao niềm xúc cảm. Mong sao đất nước chúng ta có nhiều sinh viên biết sống hòa mình với cộng đồng như thế để cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn. ■



Paul Nicaise và Ni sư Thích Nữ Minh Tú - Giám đốc cô nhi viện Đức Sơn

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 21

01	Thích Ca Phật Đà	100 quyển
02	GĐ Minh Quân - Chu Kim Ngọc	20 quyển
03	GĐ Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
04	GĐ Trần Lệ Khanh	10 quyển
05	Trần Thị Hoan Pd Nguyên Hương	10 quyển
06	GĐ Đỗ Ngọc Núi	25 quyển
07	GĐ Nguyên Hương Tân	10 quyển
08	GĐ Lâm Thị Cẩm Lan	10 quyển
09	GĐ Đặng Đức Tiếp Pd Hạnh Minh	10 quyển
10	PT Đỗ Trần Việt Anh	10 quyển
11	GĐ Lý Ngọc Châu - Ngọc Hương	10 quyển
12	GĐ Thúy Long PD Như Hiền	15 quyển
13	GĐ Thu Hoa Pd Như Hương	15 quyển
14	GĐ Hòa – Vân	25 quyển
15	GĐ Nguyễn Thị Thúy Hằng	10 quyển
16	Phật tử chùa Phổ Minh	23 quyển
17	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
18	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
19	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
20	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
21	GĐ Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
22	GĐ Nguyễn Thị Định	50 quyển
23	PT Thiên viện Bồ Đề - Vũng Tàu	50 quyển
24	GĐ Nguyễn Kim Qui	05 quyển
25	GĐ Nguyễn Thị Bé - Pd. Từ Hỷ	05 quyển
26	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	50 quyển
27	Cô Quang Nhiên	10 quyển
28	GĐ Mười Trang	10 quyển
29	Cô Mai	10 quyển

30	TN. Nhất Hạnh	03 quyển
31	Chú Hải	03 quyển
32	Cô Tĩnh - Bùi Văn Bảy	02 quyển
33	Nguyễn Văn Hậu - Bé	02 quyển
34	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
35	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
36	TN. Hạnh Thiện	03 quyển
37	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
38	Cô Quang Thảo	03 quyển
39	Phan Thị Thoa	25 quyển
40	Nữ Hạnh	10 quyển
41	Lê Thị Ánh Tuyết	10 quyển
42	Cô Trang Bình	05 quyển
42	Cô Nghĩa	02 quyển
44	Trang Long	02 quyển
45	Chị Hương	02 quyển
46	Tích Trang	05 quyển
47	Cô Phụng	05 quyển
48	Dì Ba Bạc	02 quyển
49	Diệu Tín 2	02 quyển
50	Dì Lan	02 quyển
51	Mai Thị Chỉ	02 quyển
52	Cô Liên Bông	02 quyển
53	Cô Tuất	02 quyển
54	Đào Thị Quýt	02 quyển
55	Đào Cúc	02 quyển
56	Ni sư Hiền Giới	02 quyển
57	Cô Kim Xuân	02 quyển
58	Lê Thị Hiền Muội	01 quyển
59	Đỗ Văn Thanh	03 quyển
60	Phạm Minh Hùng	05 quyển

giá: 20.000 đồng